PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/2014/TT-BTNMT	*Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2014*

THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Nghệ An

Căn cứ Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Nghệ An.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Nghệ An.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 3 năm 2014.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Linh Ngọc

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH NGHỆ AN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BTNMT ngày 12 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Nghệ An được chuẩn hóa từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 và 1:50.000 Hệ VN-2000.

2. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Nghệ An được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt của các đơn vị hành chính cấp huyện gồm thành phố, thị xã và các huyện, trong đó:

a) Cột "Địa danh" là các địa danh đã được chuẩn hóa;

b) Cột "Nhóm đối tượng" là ký hiệu các nhóm địa danh; trong đó: DC là nhóm địa danh dân cư; SV là nhóm địa danh sơn văn; TV là nhóm địa danh thủy văn; KX là nhóm địa danh kinh tế - xã hội;

c) Cột "Tên ĐVHC cấp xã" là tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: P. là chữ viết tắt của "phường", TT. là chữ viết tắt của "thị trấn";

d) Cột "Tên ĐVHC cấp huyện" là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: TP. là chữ viết tắt của "thành phố", H. là chữ viết tắt của "huyện", TX. Là chữ viết tắt của "thị xã";

đ) Cột "Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng" là tọa độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột "Địa danh", nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị tọa độ tương ứng theo cột "Tọa độ trung tâm", nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị tọa độ tương ứng theo 2 cột "Tọa độ điểm đầu" và "Tọa độ điểm cuối";

e) Cột "Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình" là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:25.000 và 1:50.000 sử dụng để thống kê địa danh.

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH NGHỆ AN

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Nghệ An gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Trang
1	Thành phố Vinh	
2	Thị xã Cửa Lò	
3	Thị xã Thái Hòa	
4	Huyện Anh Sơn	
5	Huyện Con Cuông	
6	Huyện Diễn Châu	
7	Huyện Đô Lương	
8	Huyện Hưng Nguyên	
9	Huyện Kỳ Sơn	
10	Huyện Nam Đàn	
11	Huyện Nghi Lộc	
12	Huyện Nghĩa Đàn	
13	Huyện Quế Phong	
14	Huyện Quỳ Châu	
15	Huyện Quỳ Hợp	
16	Huyện Quỳnh Lưu	
17	Huyện Tân Kỳ	
18	Huyện Thanh Chương	
19	Huyện Tương Dương	
20	Huyện Yên Thành	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
khối 1	DC	P. Bến Thủy	TP. Vinh	18° 40' 01"	105° 42' 03"					E-48-32-C-b
khối 2	DC	P. Bến Thủy	TP. Vinh	18° 40' 04"	105° 42' 12"					E-48-32-C-b
khối 3	DC	P. Bến Thủy	TP. Vinh	18° 39' 52"	105° 41' 55"					E-48-32-C-b
khối 4	DC	P. Bến Thủy	TP. Vinh	18° 39' 53"	105° 42' 02"					E-48-32-C-b
khối 5	DC	P. Bến Thủy	TP. Vinh	18° 39' 54"	105° 42' 13"					E-48-32-C-b
khối 6	DC	P. Bến Thủy	TP. Vinh	18° 39' 42"	105° 41' 49"					E-48-32-C-b
khối 7	DC	P. Bến Thủy	TP. Vinh	18° 39' 44"	105° 41' 55"					E-48-32-C-b
khối 8	DC	P. Bến Thủy	TP. Vinh	18° 39' 44"	105° 42' 05"					E-48-32-C-b
khối 9	DC	P. Bến Thủy	TP. Vinh	18° 39' 35"	105° 41' 53"					E-48-32-C-b
khối 10	DC	P. Bến Thủy	TP. Vinh	18° 39' 38"	105° 42' 13"					E-48-32-C-b
khối 11	DC	P. Bến Thủy	TP. Vinh	18° 39' 25"	105° 41' 52"					E-48-32-C-b
khối 12	DC	P. Bến Thủy	TP. Vinh	18° 39' 21"	105° 42' 05"					E-48-32-C-b
khối 13	DC	P. Bến Thủy	TP. Vinh	18° 39' 26"	105° 42' 11"					E-48-32-C-b
khối 14	DC	P. Bến Thủy	TP. Vinh	18° 39' 13"	105° 41' 56"					E-48-32-C-b
khối 15	DC	P. Bến Thủy	TP. Vinh	18° 39' 03"	105° 42' 13"					E-48-32-C-b
đường tỉnh 542	KX	P. Bến Thủy	TP. Vinh			18° 41' 55"	105° 29' 50"	18° 46' 13"	105° 45' 02"	E-48-32-C-b
cầu Bến Thủy	KX	P. Bến Thủy	TP. Vinh	18° 38' 51"	105° 42' 24"					E-48-32-C-b
Sông Lam	TV	P. Bến Thủy	TP. Vinh			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-32-C-b
đường Nguyễn Du	KX	P. Bến Thủy	TP. Vinh			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-32-C-b
Trường Đại học Vinh	KX	P. Bến Thủy	TP. Vinh	18° 39' 35"	105° 41' 37"					E-48-32-C-b
khối 1	DC	P. Cửa Nam	TP. Vinh	18° 40' 08"	105° 39' 58"					E-48-32-C-b
khối 2	DC	P. Cửa Nam	TP. Vinh	18° 40' 16"	105° 40' 14"					E-48-32-C-b
khối 3	DC	P. Cửa Nam	TP. Vinh	18° 40' 25"	105° 39' 58"					E-48-32-C-b
khối 4	DC	P. Cửa Nam	TP. Vinh	18° 40' 13"	105° 39' 54"					E-48-32-C-b
khối 5	DC	P. Cửa Nam	TP. Vinh	18° 40' 02"	105° 40' 06"					E-48-32-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
khối 6A	DC	P. Cửa Nam	TP. Vinh	18° 39' 57"	105° 40' 02"					E-48-32-C-b
khối 6B	DC	P. Cửa Nam	TP. Vinh	18° 39' 57"	105° 39' 52"					E-48-32-C-b
khối 7	DC	P. Cửa Nam	TP. Vinh	18° 40' 03"	105° 39' 51"					E-48-32-C-b
khối 8	DC	P. Cửa Nam	TP. Vinh	18° 40' 09"	105° 39' 51"					E-48-32-C-b
khối 9	DC	P. Cửa Nam	TP. Vinh	18° 40' 11"	105° 39' 48"					E-48-32-C-b
khối 10	DC	P. Cửa Nam	TP. Vinh	18° 40' 06"	105° 39' 27"					E-48-32-C-b
khối 11	DC	P. Cửa Nam	TP. Vinh	18° 40' 06"	105° 39' 15"					E-48-32-C-b
khối 12	DC	P. Cửa Nam	TP. Vinh	18° 40' 05"	105° 39' 06"					E-48-32-C-b
khối 13	DC	P. Cửa Nam	TP. Vinh	18° 40' 19"	105° 39' 05"					E-48-32-C-b
khối 14	DC	P. Cửa Nam	TP. Vinh	18° 40' 17"	105° 38' 55"					E-48-32-C-b
khối 15	DC	P. Cửa Nam	TP. Vinh	18° 40' 43"	105° 38' 48"					E-48-32-C-b
sông Cầu Đước	TV	P. Cửa Nam	TP. Vinh			18° 42' 26"	105° 38' 08"	18° 39' 56"	105° 39' 08"	E-48-32-C-b
hồ Cửa Nam	TV	P. Cửa Nam	TP. Vinh	18° 40' 00"	105° 39' 39"					E-48-32-C-b
sông Cửa Tiền	TV	P. Cửa Nam	TP. Vinh			18° 39' 55"	105° 39' 07"	18° 38' 25"	105° 42' 16"	E-48-32-C-b
đường Nguyễn Sinh Sắc	KX	P. Cửa Nam	TP. Vinh			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"	E-48-32-C-b
đường Phan Đình Phùng	KX	P. Cửa Nam	TP. Vinh			18° 40' 04"	105° 39' 45"	18° 40' 00"	105° 40' 20"	E-48-32-C-b
đường Trần Hưng Đạo	KX	P. Cửa Nam	TP. Vinh			18° 40' 04"	105° 39' 45"	18° 40' 56"	105° 39' 47"	E-48-32-C-b
khối 1	DC	P. Đội Cung	TP. Vinh	18° 40' 36"	105° 40' 06"					E-48-32-C-b
khối 2	DC	P. Đội Cung	TP. Vinh	18° 40' 30"	105° 40' 06"					E-48-32-C-b
khối 3	DC	P. Đội Cung	TP. Vinh	18° 40' 36"	105° 39' 48"					E-48-32-C-b
khối 4	DC	P. Đội Cung	TP. Vinh	18° 40' 30"	105° 39' 58"					E-48-32-C-b
khối 5	DC	P. Đội Cung	TP. Vinh	18° 40' 29"	105° 39' 49"					E-48-32-C-b
khối 6	DC	P. Đội Cung	TP. Vinh	18° 40' 22"	105° 39' 48"					E-48-32-C-b
khối 7	DC	P. Đội Cung	TP. Vinh	18° 40' 38"	105° 39' 40"					E-48-32-C-b
khối 8	DC	P. Đội Cung	TP. Vinh	18° 40' 32"	105° 39' 39"					E-48-32-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
khối 9	DC	P. Đội Cung	TP. Vinh	18° 40' 20"	105° 39' 40"					E-48-32-C-b
khối 10	DC	P. Đội Cung	TP. Vinh	18° 40' 26"	105° 39' 37"					E-48-32-C-b
khối 11	DC	P. Đội Cung	TP. Vinh	18° 40' 15"	105° 39' 40"					E-48-32-C-b
khối 12	DC	P. Đội Cung	TP. Vinh	18° 40' 10"	105° 39' 42"					E-48-32-C-b
quốc lộ 46	KX	P. Đội Cung	TP. Vinh			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"	E-48-32-C-b
đường Nguyễn Thái Học	KX	P. Đội Cung	TP. Vinh			18° 40' 40"	105° 39' 46"	18° 40' 39"	105° 40' 21"	E-48-32-C-b
đường Phan Chu Trinh	KX	P. Đội Cung	TP. Vinh			18° 40' 33"	105° 39' 46"	18° 40' 32"	105° 40' 21"	E-48-32-C-b
đường Trần Hưng Đạo	KX	P. Đội Cung	TP. Vinh			18° 40' 04"	105° 39' 45"	18° 40' 56"	105° 39' 47"	E-48-32-C-b
khối 13	DC	P. Đông Vĩnh	TP. Vinh	18° 41' 00"	105° 39' 38"					E-48-32-C-b
khối 14	DC	P. Đông Vĩnh	TP. Vinh	18° 41' 19"	105° 39' 27"					E-48-32-C-b
khối 19	DC	P. Đông Vĩnh	TP. Vinh	18° 41' 25"	105° 39' 36"					E-48-32-C-b
sông Cầu Đước	TV	P. Đông Vĩnh	TP. Vinh			18° 42' 26"	105° 38' 08"	18° 39' 56"	105° 39' 08"	E-48-32-C-b
khối Đại Lợi	DC	P. Đông Vĩnh	TP. Vinh	18° 41' 35"	105° 39' 17"					E-48-32-C-b
sông Kẽ Gai	TV	P. Đông Vĩnh	TP. Vinh			18° 45' 12"	105° 36' 44"	18° 42' 26"	105° 38' 08"	E-48-32-C-b
khối Mỹ Thành	DC	P. Đông Vĩnh	TP. Vinh	18° 41' 12"	105° 39' 17"					E-48-32-C-b
khối Trung Nghĩa	DC	P. Đông Vĩnh	TP. Vinh	18° 41' 37"	105° 39' 33"					E-48-32-C-b
khối Vĩnh Lâm	DC	P. Đông Vĩnh	TP. Vinh	18° 40' 15"	105° 39' 24"					E-48-32-C-b
khối Vĩnh Quang	DC	P. Đông Vĩnh	TP. Vinh	18° 40' 32"	105° 39' 32"					E-48-32-C-b
khối Vĩnh Thành	DC	P. Đông Vĩnh	TP. Vinh	18° 40' 46"	105° 39' 35"					E-48-32-C-b
khối Vĩnh Thịnh	DC	P. Đông Vĩnh	TP. Vinh	18° 40' 37"	105° 39' 28"					E-48-32-C-b
khối Vĩnh Xuân	DC	P. Đông Vĩnh	TP. Vinh	18° 40' 23"	105° 39' 32"					E-48-32-C-b
khối Vĩnh Yên	DC	P. Đông Vĩnh	TP. Vinh	18° 40' 53"	105° 39' 27"					E-48-32-C-b
khối Yên Duệ	DC	P. Đông Vĩnh	TP. Vinh	18° 41' 25"	105° 39' 18"					E-48-32-C-b
khối Yên Giang	DC	P. Đông Vĩnh	TP. Vinh	18° 41' 09"	105° 38' 46"					E-48-32-C-b
khối 1	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Vinh	18° 42' 29"	105° 40' 09"					E-48-32-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
khối 2	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Vinh	18° 42' 16"	105° 40' 15"					E-48-32-C-b
khối 3	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Vinh	18° 41' 57"	105° 40' 26"					E-48-32-C-b
khối 4	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Vinh	18° 41' 47"	105° 40' 31"					E-48-32-C-b
khối 5	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Vinh	18° 41' 39"	105° 40' 30"					E-48-32-C-b
khối 6	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Vinh	18° 41' 31"	105° 40' 35"					E-48-32-C-b
khối 7	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Vinh	18° 41' 35"	105° 40' 26"					E-48-32-C-b
khối 8	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Vinh	18° 41' 29"	105° 40' 26"					E-48-32-C-b
khối 9	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Vinh	18° 41' 24"	105° 40' 27"					E-48-32-C-b
khối 10	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Vinh	18° 41' 18"	105° 40' 33"					E-48-32-C-b
khối 11	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Vinh	18° 41' 23"	105° 40' 39"					E-48-32-C-b
khối 12	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Vinh	18° 41' 29"	105° 40' 44"					E-48-32-C-b
khối 13	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Vinh	18° 41' 25"	105° 40' 50"					E-48-32-C-b
khối 14	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Vinh	18° 41' 31"	105° 41' 01"					E-48-32-C-b
khối 15	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Vinh	18° 41' 21"	105° 40' 56"					E-48-32-C-b
khối 16	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Vinh	18° 41' 21"	105° 41' 06"					E-48-32-C-b
khối 17	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Vinh	18° 41' 17"	105° 41' 17"					E-48-32-C-b
đường Hà Huy Tập	KX	P. Hà Huy Tập	TP. Vinh			18° 41' 59"	105° 40' 23"	18° 41' 15"	105° 40' 46"	E-48-32-C-b
đường Mai Hắc Đế	KX	P. Hà Huy Tập	TP. Vinh			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-32-C-b
đường Nguyễn Trãi	KX	P. Hà Huy Tập	TP. Vinh			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-32-C-b
khối Tân Hòa	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Vinh	18° 41' 21"	105° 41' 20"					E-48-32-C-b
khối Trung Hòa	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Vinh	18° 41' 21"	105° 41' 35"					E-48-32-C-b
đường Xô Viết Nghệ	KX	P. Hà Huy Tập	TP. Vinh			18° 41' 16"	105° 41' 25"	18° 43' 13"	105° 40' 12"	E-48-32-C-b
khối Yên Hòa	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Vinh	18° 41' 32"	105° 41' 28"					E-48-32-C-b
khối Yên Sơn	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Vinh	18° 41' 41"	105° 41' 03"					E-48-32-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
khối Yên Toàn	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Vinh	18° 41' 39"	105° 40' 53"					E-48-32-C-b
khối 1	DC	P. Hồng Sơn	TP. Vinh	18° 39' 57"	105° 40' 13"					E-48-32-C-b
khối 2	DC	P. Hồng Sơn	TP. Vinh	18° 39' 57"	105° 40' 17"					E-48-32-C-b
khối 3	DC	P. Hồng Sơn	TP. Vinh	18° 39' 56"	105° 40' 26"					E-48-32-C-b
khối 4	DC	P. Hồng Sơn	TP. Vinh	18° 39' 49"	105° 40' 24"					E-48-32-C-b
khối 5	DC	P. Hồng Sơn	TP. Vinh	18° 39' 50"	105° 40' 28"					E-48-32-C-b
khối 6	DC	P. Hồng Sơn	TP. Vinh	18° 39' 58"	105° 40' 38"					E-48-32-C-b
khối 7	DC	P. Hồng Sơn	TP. Vinh	18° 39' 54"	105° 40' 39"					E-48-32-C-b
khối 8	DC	P. Hồng Sơn	TP. Vinh	18° 39' 56"	105° 40' 44"					E-48-32-C-b
khối 9	DC	P. Hồng Sơn	TP. Vinh	18° 39' 56"	105° 40' 48"					E-48-32-C-b
khối 10	DC	P. Hồng Sơn	TP. Vinh	18° 39' 57"	105° 41' 05"					E-48-32-C-b
khối 11	DC	P. Hồng Sơn	TP. Vinh	18° 39' 56"	105° 40' 31"					E-48-32-C-b
khối 12	DC	P. Hồng Sơn	TP. Vinh	18° 39' 54"	105° 40' 34"					E-48-32-C-b
sông Cửa Tiền	TV	P. Hồng Sơn	TP. Vinh			18° 39' 55"	105° 39' 07"	18° 38' 25"	105° 42' 16"	E-48-32-C-b
đường Lê Mao	KX	P. Hồng Sơn	TP. Vinh			18° 39' 54"	105° 40' 51"	18° 40' 15"	105° 40' 55"	E-48-32-C-b
đường Phan Đình Phùng	KX	P. Hồng Sơn	TP. Vinh			18° 40' 04"	105° 39' 45"	18° 40' 00"	105° 40' 20"	E-48-32-C-b
đường Trần Phú	KX	P. Hồng Sơn	TP. Vinh			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-32-C-b
Chợ Vinh	KX	P. Hồng Sơn	TP. Vinh	18° 39' 51"	105° 40' 18"					E-48-32-C-b
khối 16	DC	P. Hưng Bình	TP. Vinh	18° 40' 28"	105° 40' 45"					E-48-32-C-b
khối 17	DC	P. Hưng Bình	TP. Vinh	18° 40' 22"	105° 40' 52"					E-48-32-C-b
khối 18	DC	P. Hưng Bình	TP. Vinh	18° 40' 44"	105° 40' 27"					E-48-32-C-b
khối 19	DC	P. Hưng Bình	TP. Vinh	18° 40' 44"	105° 40' 39"					E-48-32-C-b
khối 20	DC	P. Hưng Bình	TP. Vinh	18° 40' 58"	105° 40' 46"					E-48-32-C-b
khối 22	DC	P. Hưng Bình	TP. Vinh	18° 40' 47"	105° 40' 49"					E-48-32-C-b
khối 23	DC	P. Hưng Bình	TP. Vinh	18° 40' 41"	105° 40' 59"					E-48-32-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
khối 24	DC	P. Hưng Bình	TP. Vinh	18° 40' 33"	105° 40' 48"					E-48-32-C-b
khối Bình Yên	DC	P. Hưng Bình	TP. Vinh	18° 40' 26"	105° 41' 04"					E-48-32-C-b
đường Lê Hồng Phong	KX	P. Hưng Bình	TP. Vinh			18° 40' 39"	105° 40' 21"	18° 40' 36"	105° 41' 33"	E-48-32-C-b
đường Lê Lợi	KX	P. Hưng Bình	TP. Vinh			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-32-C-b
khối Liên Cơ	DC	P. Hưng Bình	TP. Vinh	18° 40' 33"	105° 40' 44"					E-48-32-C-b
đường Nguyễn Thị Minh Khai	KX	P. Hưng Bình	TP. Vinh			18° 40' 45"	105° 40' 21"	18° 40' 15"	105° 40' 55"	E-48-32-C-b
đường Nguyễn Văn Cừ	KX	P. Hưng Bình	TP. Vinh			18° 41' 15"	105° 40' 46"	18° 40' 21"	105° 41' 15"	E-48-32-C-b
khối Quang Tiến	DC	P. Hưng Bình	TP. Vinh	18° 40' 55"	105° 40' 35"					E-48-32-C-b
khối Tân Tiến	DC	P. Hưng Bình	TP. Vinh	18° 40' 48"	105° 40' 32"					E-48-32-C-b
khối Tân Yên	DC	P. Hưng Bình	TP. Vinh	18° 40' 54"	105° 40' 26"					E-48-32-C-b
khối Trường Tiến	DC	P. Hưng Bình	TP. Vinh	18° 40' 34"	105° 41' 02"					E-48-32-C-b
khối Vinh Quang	DC	P. Hưng Bình	TP. Vinh	18° 41' 04"	105° 40' 35"					E-48-32-C-b
khối Vinh Tiến	DC	P. Hưng Bình	TP. Vinh	18° 41' 10"	105° 40' 27"					E-48-32-C-b
khối Yên Phúc A	DC	P. Hưng Bình	TP. Vinh	18° 41' 06"	105° 40' 48"					E-48-32-C-b
đường tỉnh 535	KX	P. Hưng Dũng	TP. Vinh			18° 39' 59"	105° 41' 16"	18° 46' 13"	105° 45' 02"	E-48-32-C-b
đường tỉnh 542	KX	P. Hưng Dũng	TP. Vinh			18° 41' 55"	105° 29' 50"	18° 46' 13"	105° 45' 02"	E-48-32-C-b
khối Đông Lâm	DC	P. Hưng Dũng	TP. Vinh	18° 40' 24"	105° 42' 14"					E-48-32-C-b
khối Đông Thọ	DC	P. Hưng Dũng	TP. Vinh	18° 40' 17"	105° 42' 16"					E-48-32-C-b
Sông Lam	TV	P. Hưng Dũng	TP. Vinh			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-32-C-b
sông Rào Đừng	TV	P. Hưng Dũng	TP. Vinh			18° 41' 16"	105° 41' 54"	18° 41' 55"	105° 43' 31"	E-48-32-C-b
khối Tân Hợp	DC	P. Hưng Dũng	TP. Vinh	18° 41' 08"	105° 41' 35"					E-48-32-C-b
khối Tân Lâm	DC	P. Hưng Dũng	TP. Vinh	18° 40' 26"	105° 42' 00"					E-48-32-C-b
khối Tân Lộc	DC	P. Hưng Dũng	TP. Vinh	18° 40' 41"	105° 41' 42"					E-48-32-C-b
khối Tân Nam	DC	P. Hưng Dũng	TP. Vinh	18° 40' 13"	105° 42' 08"					E-48-32-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
khối Tân Phúc	DC	P. Hưng Dũng	TP. Vinh	18° 40' 42"	105° 41' 52"					E-48-32-C-b
khối Tân Tiến	DC	P. Hưng Dũng	TP. Vinh	18° 40' 50"	105° 41' 37"					E-48-32-C-b
khối Trung Định	DC	P. Hưng Dũng	TP. Vinh	18° 40' 18"	105° 42' 02"					E-48-32-C-b
khối Trung Đô	DC	P. Hưng Dũng	TP. Vinh	18° 41' 02"	105° 41' 33"					E-48-32-C-b
khối Trung Đông	DC	P. Hưng Dũng	TP. Vinh	18° 41' 11"	105° 41' 50"					E-48-32-C-b
khối Trung Tiến	DC	P. Hưng Dũng	TP. Vinh	18° 41' 07"	105° 41' 38"					E-48-32-C-b
khối Trung Yên	DC	P. Hưng Dũng	TP. Vinh	18° 41' 00"	105° 41' 39"					E-48-32-C-b
khối Văn Tiến	DC	P. Hưng Dũng	TP. Vinh	18° 40' 49"	105° 41' 55"					E-48-32-C-b
khối Văn Trung	DC	P. Hưng Dũng	TP. Vinh	18° 40' 36"	105° 42' 04"					E-48-32-C-b
khối Xuân Bắc	DC	P. Hưng Dũng	TP. Vinh	18° 40' 57"	105° 41' 54"					E-48-32-C-b
khối Xuân Đông	DC	P. Hưng Dũng	TP. Vinh	18° 41' 05"	105° 42' 11"					E-48-32-C-b
khối Xuân Nam	DC	P. Hưng Dũng	TP. Vinh	18° 40' 49"	105° 42' 07"					E-48-32-C-b
khối Xuân Tiến	DC	P. Hưng Dũng	TP. Vinh	18° 40' 53"	105° 42' 11"					E-48-32-C-b
khối Xuân Trung	DC	P. Hưng Dũng	TP. Vinh	18° 40' 45"	105° 42' 13"					E-48-32-C-b
khối An Vinh	DC	P. Hưng Phúc	TP. Vinh	18° 41' 04"	105° 41' 18"					E-48-32-C-b
khối Hưng Phúc	DC	P. Hưng Phúc	TP. Vinh	18° 41' 06"	105° 40' 53"					E-48-32-C-b
đường Lê Hồng Phong	KX	P. Hưng Phúc	TP. Vinh			18° 40' 39"	105° 40' 21"	18° 40' 36"	105° 41' 33"	E-48-32-C-b
khối Minh Phúc	DC	P. Hưng Phúc	TP. Vinh	18° 41' 04"	105° 41' 00"					E-48-32-C-b
đường Nguyễn Văn Cừ	KX	P. Hưng Phúc	TP. Vinh			18° 41' 15"	105° 40' 46"	18° 40' 21"	105° 41' 15"	E-48-32-C-b
khối Quang Phúc	DC	P. Hưng Phúc	TP. Vinh	18° 40' 58"	105° 41' 00"					E-48-32-C-b
khối Tân Phúc	DC	P. Hưng Phúc	TP. Vinh	18° 41' 10"	105° 41' 03"					E-48-32-C-b
khối Trường Phúc	DC	P. Hưng Phúc	TP. Vinh	18° 40' 52"	105° 41' 01"					E-48-32-C-b
khối Vinh Phúc	DC	P. Hưng Phúc	TP. Vinh	18° 41' 09"	105° 41' 11"					E-48-32-C-b
khối Yên Bình	DC	P. Hưng Phúc	TP. Vinh	18° 40' 52"	105° 41' 10"					E-48-32-C-b
khối Yên Phúc	DC	P. Hưng Phúc	TP. Vinh	18° 40' 50"	105° 41' 20"					E-48-32-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
khối Yên Vinh	DC	P. Hưng Phúc	TP. Vinh	18° 41' 12"	105° 41' 18"					E-48-32-C-b
khối 1	DC	P. Lê Lợi	TP. Vinh	18° 40' 42"	105° 40' 18"					E-48-32-C-b
khối 2	DC	P. Lê Lợi	TP. Vinh	18° 40' 45"	105° 40' 13"					E-48-32-C-b
khối 3	DC	P. Lê Lợi	TP. Vinh	18° 40' 49"	105° 40' 10"					E-48-32-C-b
khối 4	DC	P. Lê Lợi	TP. Vinh	18° 40' 54"	105° 40' 18"					E-48-32-C-b
khối 5	DC	P. Lê Lợi	TP. Vinh	18° 40' 58"	105° 40' 16"					E-48-32-C-b
khối 6	DC	P. Lê Lợi	TP. Vinh	18° 41' 05"	105° 40' 17"					E-48-32-C-b
khối 7	DC	P. Lê Lợi	TP. Vinh	18° 41' 10"	105° 40' 11"					E-48-32-C-b
khối 8	DC	P. Lê Lợi	TP. Vinh	18° 40' 51"	105° 39' 51"					E-48-32-C-b
khối 9	DC	P. Lê Lợi	TP. Vinh	18° 40' 47"	105° 39' 58"					E-48-32-C-b
khối 10	DC	P. Lê Lợi	TP. Vinh	18° 40' 43"	105° 39' 50"					E-48-32-C-b
khối 11	DC	P. Lê Lợi	TP. Vinh	18° 40' 45"	105° 39' 41"					E-48-32-C-b
khối 12	DC	P. Lê Lợi	TP. Vinh	18° 40' 49"	105° 39' 44"					E-48-32-C-b
khối 13	DC	P. Lê Lợi	TP. Vinh	18° 41' 04"	105° 39' 45"					E-48-32-C-b
khối 14	DC	P. Lê Lợi	TP. Vinh	18° 41' 14"	105° 39' 52"					E-48-32-C-b
khối 15	DC	P. Lê Lợi	TP. Vinh	18° 41' 03"	105° 39' 58"					E-48-32-C-b
khối 16	DC	P. Lê Lợi	TP. Vinh	18° 41' 08"	105° 39' 55"					E-48-32-C-b
đường Lê Lợi	KX	P. Lê Lợi	TP. Vinh			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-32-C-b
đường Nguyễn Thái Học	KX	P. Lê Lợi	TP. Vinh			18° 40' 40"	105° 39' 46"	18° 40' 39"	105° 40' 21"	E-48-32-C-b
đường Trần Hưng Đạo	KX	P. Lê Lợi	TP. Vinh			18° 40' 04"	105° 39' 45"	18° 40' 56"	105° 39' 47"	E-48-32-C-b
đường Lê Mao	KX	P. Lê Mao	TP. Vinh			18° 39' 54"	105° 40' 51"	18° 40' 15"	105° 40' 55"	E-48-32-C-b
đường Nguyễn Thị Minh Khai	KX	P. Lê Mao	TP. Vinh			18° 40' 45"	105° 40' 21"	18° 40' 15"	105° 40' 55"	E-48-32-C-b
khối Tân Phong	DC	P. Lê Mao	TP. Vinh	18° 40' 28"	105° 40' 31"					E-48-32-C-b
khối Tân Quang	DC	P. Lê Mao	TP. Vinh	18° 40' 11"	105° 40' 31"					E-48-32-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
khối Tân Thành 1	DC	P. Lê Mao	TP. Vinh	18° 40' 19"	105° 40' 47"					E-48-32-C-b
khối Tân Thành 2	DC	P. Lê Mao	TP. Vinh	18° 40' 16"	105° 40' 43"					E-48-32-C-b
khối Tân Tiến	DC	P. Lê Mao	TP. Vinh	18° 40' 24"	105° 40' 38"					E-48-32-C-b
khối Tân Vinh	DC	P. Lê Mao	TP. Vinh	18° 40' 14"	105° 40' 37"					E-48-32-C-b
đường Trần Phú	KX	P. Lê Mao	TP. Vinh			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-32-C-b
khối Trung Hòa 1	DC	P. Lê Mao	TP. Vinh	18° 40' 05"	105° 40' 44"					E-48-32-C-b
khối Trung Hòa 2	DC	P. Lê Mao	TP. Vinh	18° 40' 08"	105° 40' 46"					E-48-32-C-b
khối Trung Mỹ	DC	P. Lê Mao	TP. Vinh	18° 40' 05"	105° 40' 34"					E-48-32-C-b
khối 1	DC	P. Quán Bàu	TP. Vinh	18° 41' 27"	105° 40' 10"					E-48-32-C-b
khối 2	DC	P. Quán Bàu	TP. Vinh	18° 41' 29"	105° 40' 04"					E-48-32-C-b
khối 3	DC	P. Quán Bàu	TP. Vinh	18° 41' 29"	105° 39' 55"					E-48-32-C-b
khối 4	DC	P. Quán Bàu	TP. Vinh	18° 41' 26"	105° 39' 48"					E-48-32-C-b
khối 5	DC	P. Quán Bàu	TP. Vinh	18° 41' 39"	105° 40' 05"					E-48-32-C-b
khối 6	DC	P. Quán Bàu	TP. Vinh	18° 41' 50"	105° 40' 14"					E-48-32-C-b
khối 7	DC	P. Quán Bàu	TP. Vinh	18° 41' 45"	105° 39' 57"					E-48-32-C-b
khối 8	DC	P. Quán Bàu	TP. Vinh	18° 41' 52"	105° 39' 50"					E-48-32-C-b
khối 9	DC	P. Quán Bàu	TP. Vinh	18° 42' 12"	105° 40' 04"					E-48-32-C-b
khối 10	DC	P. Quán Bàu	TP. Vinh	18° 42' 16"	105° 39' 57"					E-48-32-C-b
khối 11	DC	P. Quán Bàu	TP. Vinh	18° 42' 30"	105° 39' 58"					E-48-32-C-b
khối 12	DC	P. Quán Bàu	TP. Vinh	18° 42' 46"	105° 39' 59"					E-48-32-C-b
đường Mai Hắc Đế	KX	P. Quán Bàu	TP. Vinh			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-32-C-b
đường Nguyễn Trãi	KX	P. Quán Bàu	TP. Vinh			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-32-C-b
Ga Vinh	KX	P. Quán Bàu	TP. Vinh	18° 41' 19"	105° 39' 45"					E-48-32-C-b
khối 1	DC	P. Quang Trung	TP. Vinh	18° 40' 05"	105° 40' 23"					E-48-32-C-b
khối 2	DC	P. Quang Trung	TP. Vinh	18° 40' 10"	105° 40' 23"					E-48-32-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
khối 3	DC	P. Quang Trung	TP. Vinh	18° 40' 14"	105° 40' 26"					E-48-32-C-b
khối 4	DC	P. Quang Trung	TP. Vinh	18° 40' 17"	105° 40' 22"					E-48-32-C-b
khối 5	DC	P. Quang Trung	TP. Vinh	18° 40' 18"	105° 40' 25"					E-48-32-C-b
khối 6	DC	P. Quang Trung	TP. Vinh	18° 40' 28"	105° 40' 25"					E-48-32-C-b
khối 7	DC	P. Quang Trung	TP. Vinh	18° 40' 31"	105° 40' 26"					E-48-32-C-b
khối 8	DC	P. Quang Trung	TP. Vinh	18° 40' 35"	105° 40' 23"					E-48-32-C-b
khối 9	DC	P. Quang Trung	TP. Vinh	18° 40' 36"	105° 40' 27"					E-48-32-C-b
khối 10	DC	P. Quang Trung	TP. Vinh	18° 40' 29"	105° 40' 15"					E-48-32-C-b
khối 11	DC	P. Quang Trung	TP. Vinh	18° 40' 22"	105° 40' 15"					E-48-32-C-b
khối 12	DC	P. Quang Trung	TP. Vinh	18° 40' 04"	105° 40' 12"					E-48-32-C-b
khối 13	DC	P. Quang Trung	TP. Vinh	18° 40' 11"	105° 40' 14"					E-48-32-C-b
khối 14	DC	P. Quang Trung	TP. Vinh	18° 40' 36"	105° 40' 15"					E-48-32-C-b
khối 15	DC	P. Quang Trung	TP. Vinh	18° 40' 28"	105° 40' 19"					E-48-32-C-b
quốc lộ 46	KX	P. Quang Trung	TP. Vinh			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"	E-48-32-C-b
đường Lê Hồng Phong	KX	P. Quang Trung	TP. Vinh			18° 40' 39"	105° 40' 21"	18° 40' 36"	105° 41' 33"	E-48-32-C-b
đường Nguyễn Thái Học	KX	P. Quang Trung	TP. Vinh			18° 40' 40"	105° 39' 46"	18° 40' 39"	105° 40' 21"	E-48-32-C-b
đường Nguyễn Thị Minh Khai	KX	P. Quang Trung	TP. Vinh			18° 40' 45"	105° 40' 21"	18° 40' 15"	105° 40' 55"	E-48-32-C-b
đường Phan Chu Trinh	KX	P. Quang Trung	TP. Vinh			18° 40' 33"	105° 39' 46"	18° 40' 32"	105° 40' 21"	E-48-32-C-b
đường Phan Đình Phùng	KX	P. Quang Trung	TP. Vinh			18° 40' 04"	105° 39' 45"	18° 40' 00"	105° 40' 20"	E-48-32-C-b
đường Quang Trung	KX	P. Quang Trung	TP. Vinh			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-32-C-b
khối 1	DC	P. Trung Đô	TP. Vinh	18° 39' 03"	105° 41' 50"					E-48-32-C-b
khối 2	DC	P. Trung Đô	TP. Vinh	18° 38' 46"	105° 41' 40"					E-48-32-C-b
khối 3	DC	P. Trung Đô	TP. Vinh	18° 39' 05"	105° 41' 16"					E-48-32-C-b
khối 4	DC	P. Trung Đô	TP. Vinh	18° 39' 17"	105° 41' 23"					E-48-32-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
khối 5	DC	P. Trung Đô	TP. Vinh	18° 39' 18"	105° 41' 34"					E-48-32-C-b
khối 6	DC	P. Trung Đô	TP. Vinh	18° 39' 25"	105° 41' 37"					E-48-32-C-b
khối 7	DC	P. Trung Đô	TP. Vinh	18° 39' 38"	105° 41' 25"					E-48-32-C-b
khối 8	DC	P. Trung Đô	TP. Vinh	18° 39' 55"	105° 41' 12"					E-48-32-C-b
khối 9	DC	P. Trung Đô	TP. Vinh	18° 39' 06"	105° 41' 43"					E-48-32-C-b
khối 10	DC	P. Trung Đô	TP. Vinh	18° 39' 12"	105° 41' 36"					E-48-32-C-b
khối 11	DC	P. Trung Đô	TP. Vinh	18° 39' 19"	105° 41' 43"					E-48-32-C-b
khối 12	DC	P. Trung Đô	TP. Vinh	18° 39' 12"	105° 41' 51"					E-48-32-C-b
khối 13	DC	P. Trung Đô	TP. Vinh	18° 39' 47"	105° 41' 17"					E-48-32-C-b
đập Ba Ra	TV	P. Trung Đô	TP. Vinh	18° 38' 38"	105° 41' 50"					E-48-32-C-b
sông Cửa Tiền	TV	P. Trung Đô	TP. Vinh			18° 39' 55"	105° 39' 07"	18° 38' 25"	105° 42' 16"	E-48-32-C-b
Sông Lam	TV	P. Trung Đô	TP. Vinh			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-32-C-b
đường Lê Duẩn	KX	P. Trung Đô	TP. Vinh			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-32-C-b
đường Nguyễn Du	KX	P. Trung Đô	TP. Vinh			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-32-C-b
Núi Quyết	SV	P. Trung Đô	TP. Vinh	18° 38' 51"	105° 41' 50"					E-48-32-C-b
khối 1	DC	P. Trường Thi	TP. Vinh	18° 40' 21"	105° 41' 07"					E-48-32-C-b
khối 2	DC	P. Trường Thi	TP. Vinh	18° 40' 28"	105° 41' 13"					E-48-32-C-b
khối 3	DC	P. Trường Thi	TP. Vinh	18° 40' 32"	105° 41' 13"					E-48-32-C-b
khối 4	DC	P. Trường Thi	TP. Vinh	18° 40' 31"	105° 41' 40"					E-48-32-C-b
khối 5	DC	P. Trường Thi	TP. Vinh	18° 40' 05"	105° 41' 55"					E-48-32-C-b
khối 6	DC	P. Trường Thi	TP. Vinh	18° 40' 09"	105° 41' 47"					E-48-32-C-b
khối 7	DC	P. Trường Thi	TP. Vinh	18° 40' 05"	105° 41' 41"					E-48-32-C-b
khối 8	DC	P. Trường Thi	TP. Vinh	18° 39' 51"	105° 41' 40"					E-48-32-C-b
khối 9	DC	P. Trường Thi	TP. Vinh	18° 39' 43"	105° 41' 40"					E-48-32-C-b
khối 10	DC	P. Trường Thi	TP. Vinh	18° 40' 12"	105° 41' 41"					E-48-32-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
khối 11	DC	P. Trường Thi	TP. Vinh	18° 39' 57"	105° 41' 43"					E-48-32-C-b
khối 12	DC	P. Trường Thi	TP. Vinh	18° 40' 01"	105° 41' 49"					E-48-32-C-b
khối 13	DC	P. Trường Thi	TP. Vinh	18° 40' 05"	105° 41' 34"					E-48-32-C-b
khối 14	DC	P. Trường Thi	TP. Vinh	18° 40' 14"	105° 41' 34"					E-48-32-C-b
khối 15	DC	P. Trường Thi	TP. Vinh	18° 40' 16"	105° 41' 48"					E-48-32-C-b
khối 16	DC	P. Trường Thi	TP. Vinh	18° 40' 01"	105° 41' 23"					E-48-32-C-b
khối 17	DC	P. Trường Thi	TP. Vinh	18° 40' 05"	105° 41' 28"					E-48-32-C-b
đường tỉnh 535	KX	P. Trường Thi	TP. Vinh			18° 39' 59"	105° 41' 16"	18° 46' 13"	105° 45' 02"	E-48-32-C-b
Hồ Goong	TV	P. Trường Thi	TP. Vinh	18° 40' 26"	105° 41' 38"					E-48-32-C-b
đường Lê Duẩn	KX	P. Trường Thi	TP. Vinh			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-32-C-b
đường Lê Hồng Phong	KX	P. Trường Thi	TP. Vinh			18° 40' 39"	105° 40' 21"	18° 40' 36"	105° 41' 33"	E-48-32-C-b
đường Nguyễn Văn Cừ	KX	P. Trường Thi	TP. Vinh			18° 41' 15"	105° 40' 46"	18° 40' 21"	105° 41' 15"	E-48-32-C-b
đường Trường Thi	KX	P. Trường Thi	TP. Vinh			18° 39' 58"	105° 41' 15"	18° 40' 36"	105° 41' 33"	E-48-32-C-b
khối Cộng Hòa	DC	P. Vinh Tân	TP. Vinh	18° 39' 36"	105° 40' 20"					E-48-32-C-b
sông Cửa Tiền	TV	P. Vinh Tân	TP. Vinh			18° 39' 55"	105° 39' 07"	18° 38' 25"	105° 42' 16"	E-48-32-C-b
Sông Đào	TV	P. Vinh Tân	TP. Vinh			18° 45' 12"	105° 36' 44"	18° 41' 52"	105° 29' 35"	E-48-32-C-a
khối 1	DC	P. Vinh Tân	TP. Vinh	18° 39' 27"	105° 39' 52"					E-48-32-C-b
khối 2	DC	P. Vinh Tân	TP. Vinh	18° 39' 01"	105° 39' 57"					E-48-32-C-b
đường Phạm Hồng Thái	DC	P. Vinh Tân	TP. Vinh			18° 39' 52"	105° 40' 03"	18° 36' 53"	105° 36' 13"	E-48-32-C-b
khối Phúc Lộc	DC	P. Vinh Tân	TP. Vinh	18° 39' 50"	105° 41' 00"					E-48-32-C-b
khối Phúc Tân	DC	P. Vinh Tân	TP. Vinh	18° 39' 50"	105° 40' 54"					E-48-32-C-b
khối Phúc Vinh	DC	P. Vinh Tân	TP. Vinh	18° 39' 47"	105° 41' 06"					E-48-32-C-b
khối Quang Tiến	DC	P. Vinh Tân	TP. Vinh	18° 39' 49"	105° 40' 46"					E-48-32-C-b
khối Quang Trung	DC	P. Vinh Tân	TP. Vinh	18° 39' 50"	105° 40' 34"					E-48-32-C-b
khối Tân Hòa	DC	P. Vinh Tân	TP. Vinh	18° 39' 34"	105° 40' 30"					E-48-32-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
khối Tân Phượng	DC	P. Vinh Tân	TP. Vinh	18° 39' 17"	105° 40' 41"					E-48-32-C-b
khối Vĩnh Mỹ	DC	P. Vinh Tân	TP. Vinh	18° 39' 47"	105° 39' 28"					E-48-32-C-b
khối Yên Cư	DC	P. Vinh Tân	TP. Vinh	18° 39' 01"	105° 40' 38"					E-48-32-C-b
khối Yên Giang	DC	P. Vinh Tân	TP. Vinh	18° 39' 44"	105° 40' 02"					E-48-32-C-b
xóm 1	DC	xã Hưng Chính	TP. Vinh	18° 40' 26"	105° 38' 39"					E-48-32-C-b
xóm 2	DC	xã Hưng Chính	TP. Vinh	18° 40' 18"	105° 38' 41"					E-48-32-C-b
xóm 3	DC	xã Hưng Chính	TP. Vinh	18° 40' 06"	105° 38' 39"					E-48-32-C-b
xóm 4	DC	xã Hưng Chính	TP. Vinh	18° 39' 56"	105° 38' 51"					E-48-32-C-b
xóm 5	DC	xã Hưng Chính	TP. Vinh	18° 39' 51"	105° 38' 48"					E-48-32-C-b
xóm 6	DC	xã Hưng Chính	TP. Vinh	18° 39' 41"	105° 38' 57"					E-48-32-C-b
xóm 7	DC	xã Hưng Chính	TP. Vinh	18° 39' 36"	105° 39' 16"					E-48-32-C-b
xóm 8	DC	xã Hưng Chính	TP. Vinh	18° 40' 09"	105° 38' 22"					E-48-32-C-b
quốc lộ 46	KX	xã Hưng Chính	TP. Vinh			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"	E-48-32-C-b
sông Cầu Đước	TV	xã Hưng Chính	TP. Vinh			18° 42' 26"	105° 38' 08"	18° 39' 56"	105° 39' 08"	E-48-32-C-b
Sông Đào	TV	xã Hưng Chính	TP. Vinh			18° 45' 12"	105° 36' 44"	18° 41' 52"	105° 29' 35"	E-48-32-C-b
xóm Đông Vinh	DC	xã Hưng Đông	TP. Vinh	18° 42' 46"	105° 39' 16"					E-48-32-C-b
xóm Mai Lộc	DC	xã Hưng Đông	TP. Vinh	18° 41' 37"	105° 38' 35"					E-48-32-C-b
xóm Mỹ Hậu	DC	xã Hưng Đông	TP. Vinh	18° 42' 41"	105° 38' 41"					E-48-32-C-b
xóm Mỹ Hòa	DC	xã Hưng Đông	TP. Vinh	18° 42' 32"	105° 38' 44"					E-48-32-C-b
xóm Mỹ Long	DC	xã Hưng Đông	TP. Vinh	18° 42' 21"	105° 38' 51"					E-48-32-C-b
xóm Trung Mỹ	DC	xã Hưng Đông	TP. Vinh	18° 42' 13"	105° 38' 55"					E-48-32-C-b
xóm Trung Thành	DC	xã Hưng Đông	TP. Vinh	18° 42' 02"	105° 38' 56"					E-48-32-C-b
xóm Trung Thuận	DC	xã Hưng Đông	TP. Vinh	18° 41' 56"	105° 39' 04"					E-48-32-C-b
xóm Trung Tiến	DC	xã Hưng Đông	TP. Vinh	18° 41' 45"	105° 39' 10"					E-48-32-C-b
xóm Vinh Xuân	DC	xã Hưng Đông	TP. Vinh	18° 42' 42"	105° 38' 56"					E-48-32-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm Yên Bình	DC	xã Hưng Đông	TP. Vinh	18° 42' 00"	105° 39' 37"					E-48-32-C-b
xóm Yên Khang	DC	xã Hưng Đông	TP. Vinh	18° 42' 19"	105° 39' 36"					E-48-32-C-b
xóm Yên Vinh	DC	xã Hưng Đông	TP. Vinh	18° 42' 14"	105° 39' 20"					E-48-32-C-b
xóm Yên Xá	DC	xã Hưng Đông	TP. Vinh	18° 42' 36"	105° 39' 25"					E-48-32-C-b
đường tỉnh 542	KX	xã Hưng Hòa	TP. Vinh			18° 41' 55"	105° 29' 50"	18° 46' 13"	105° 45' 02"	E-48-32-C-b
xóm Hòa Lam	DC	xã Hưng Hòa	TP. Vinh	18° 40' 30"	105° 45' 32"					E-48-32-D-a
xóm Khánh Hậu	DC	xã Hưng Hòa	TP. Vinh	18° 40' 41"	105° 43' 31"					E-48-32-C-b
Sông Lam	TV	xã Hưng Hòa	TP. Vinh			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-32-C-b
xóm Phong Đăng	DC	xã Hưng Hòa	TP. Vinh	18° 40' 51"	105° 43' 57"					E-48-32-C-b
xóm Phong Hảo	DC	xã Hưng Hòa	TP. Vinh	18° 40' 28"	105° 44' 31"					E-48-32-C-b
xóm Phong Phú	DC	xã Hưng Hòa	TP. Vinh	18° 41' 36"	105° 43' 33"					E-48-32-C-b
xóm Phong Quang	DC	xã Hưng Hòa	TP. Vinh	18° 41' 10"	105° 44' 06"					E-48-32-C-b
xóm Phong Yên	DC	xã Hưng Hòa	TP. Vinh	18° 41' 50"	105° 44' 41"					E-48-32-C-b
sông Rào Đồng	TV	xã Hưng Hòa	TP. Vinh			18° 41' 55"	105° 43' 31"	18° 42' 50"	105° 44' 57"	E-48-32-C-b
sông Rào Đừng	TV	xã Hưng Hòa	TP. Vinh			18° 41' 16"	105° 41' 54"	18° 41' 55"	105° 43' 31"	E-48-32-C-b
xóm Thuận 1	DC	xã Hưng Hòa	TP. Vinh	18° 40' 25"	105° 45' 01"					E-48-32-D-a
xóm Thuận 2	DC	xã Hưng Hòa	TP. Vinh	18° 40' 31"	105° 45' 18"					E-48-32-D-a
đường tỉnh 535	KX	xã Hưng Lộc	TP. Vinh			18° 39' 59"	105° 41' 16"	18° 46' 13"	105° 45' 02"	E-48-32-C-b
xóm Đức Thịnh	DC	xã Hưng Lộc	TP. Vinh	18° 42' 13"	105° 43' 01"					E-48-32-C-b
xóm Đức Thọ	DC	xã Hưng Lộc	TP. Vinh	18° 42' 10"	105° 42' 49"					E-48-32-C-b
xóm Đức Vinh	DC	xã Hưng Lộc	TP. Vinh	18° 42' 25"	105° 42' 45"					E-48-32-C-b
xóm Hòa Tiến	DC	xã Hưng Lộc	TP. Vinh	18° 41' 36"	105° 42' 21"					E-48-32-C-b
xóm Mẫu Đơn	DC	xã Hưng Lộc	TP. Vinh	18° 41' 36"	105° 41' 54"					E-48-32-C-b
xóm Mậu Lâm	DC	xã Hưng Lộc	TP. Vinh	18° 41' 29"	105° 42' 08"					E-48-32-C-b
xóm Mỹ Hạ	DC	xã Hưng Lộc	TP. Vinh	18° 41' 55"	105° 42' 37"					E-48-32-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm Mỹ Thượng	DC	xã Hưng Lộc	TP. Vinh	18° 42' 20"	105° 42' 05"					E-48-32-C-b
xóm Mỹ Trung	DC	xã Hưng Lộc	TP. Vinh	18° 42' 13"	105° 42' 19"					E-48-32-C-b
xóm Ngũ Lộc	DC	xã Hưng Lộc	TP. Vinh	18° 41' 51"	105° 41' 51"					E-48-32-C-b
xóm Ngũ Phúc	DC	xã Hưng Lộc	TP. Vinh	18° 41' 40"	105° 42' 00"					E-48-32-C-b
Viện Quân Y 4	KX	xã Hưng Lộc	TP. Vinh	18° 41' 45"	105° 42' 11"					E-48-32-C-b
sông Rào Đồng	TV	xã Hưng Lộc	TP. Vinh			18° 41' 55"	105° 43' 31"	18° 42' 50"	105° 44' 57"	E-48-32-C-b
sông Rào Đừng	TV	xã Hưng Lộc	TP. Vinh			18° 41' 16"	105° 41' 54"	18° 41' 55"	105° 43' 31"	E-48-32-C-b
Trường Cao đẳng Sư phạm Vinh	KX	xã Hưng Lộc	TP. Vinh	18° 42' 30"	105° 42' 23"					E-48-32-C-b
xóm Xuân Hùng	DC	xã Hưng Lộc	TP. Vinh	18° 41' 18"	105° 42' 01"					E-48-32-C-b
xóm Kim Bình	DC	xã Nghi Ân	TP. Vinh	18° 44' 26"	105° 41' 24"					E-48-32-C-b
xóm Kim Chi	DC	xã Nghi Ân	TP. Vinh	18° 44' 13"	105° 40' 37"					E-48-32-C-b
xóm Kim Đông	DC	xã Nghi Ân	TP. Vinh	18° 44' 49"	105° 41' 28"					E-48-32-C-b
xóm Kim Hòa	DC	xã Nghi Ân	TP. Vinh	18° 45' 20"	105° 41' 12"					E-48-32-A-d
xóm Kim Hợp	DC	xã Nghi Ân	TP. Vinh	18° 45' 01"	105° 41' 12"					E-48-32-A-d
xóm Kim Khánh	DC	xã Nghi Ân	TP. Vinh	18° 44' 03"	105° 41' 00"					E-48-32-C-b
xóm Kim Liên	DC	xã Nghi Ân	TP. Vinh	18° 45' 04"	105° 40' 42"					E-48-32-A-d
xóm Kim Mỹ	DC	xã Nghi Ân	TP. Vinh	18° 43' 52"	105° 40' 52"					E-48-32-C-b
xóm Kim Nghĩa	DC	xã Nghi Ân	TP. Vinh	18° 44' 12"	105° 41' 17"					E-48-32-C-b
xóm Kim Phúc	DC	xã Nghi Ân	TP. Vinh	18° 44' 55"	105° 40' 26"					E-48-32-C-b
xóm Kim Sơn	DC	xã Nghi Ân	TP. Vinh	18° 44' 31"	105° 41' 08"					E-48-32-C-b
xóm Kim Tân	DC	xã Nghi Ân	TP. Vinh	18° 44' 58"	105° 40' 58"					E-48-32-A-d
xóm Kim Trung	DC	xã Nghi Ân	TP. Vinh	18° 44' 50"	105° 40' 51"					E-48-32-C-b
đường Nghệ An/ Xiêng Khoảng	KX	xã Nghi Ân	TP. Vinh			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"	E-48-32-A-d, E-48-32-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm Trung Tâm	DC	xã Nghi Ân	TP. Vinh	18° 44' 40"	105° 41' 06"					E-48-32-C-b
đường tỉnh 535	KX	xã Nghi Đức	TP. Vinh			18° 39' 59"	105° 41' 16"	18° 46' 13"	105° 45' 02"	E-48-32-C-b
xóm Hương Tín	DC	xã Nghi Đức	TP. Vinh	18° 43' 03"	105° 41' 38"					E-48-32-C-b
Trường Cao đẳng Sư phạm Vinh	KX	xã Nghi Đức	TP. Vinh	18° 42' 30"	105° 42' 23"					E-48-32-C-b
xóm Xuân Bình 13	DC	xã Nghi Đức	TP. Vinh	18° 43' 04"	105° 42' 12"					E-48-32-C-b
xóm Xuân Bình 14	DC	xã Nghi Đức	TP. Vinh	18° 43' 17"	105° 42' 03"					E-48-32-C-b
xóm Xuân Đồng	DC	xã Nghi Đức	TP. Vinh	18° 42' 55"	105° 41' 28"					E-48-32-C-b
xóm Xuân Đức	DC	xã Nghi Đức	TP. Vinh	18° 42' 58"	105° 41' 08"					E-48-32-C-b
xóm Xuân Hoa	DC	xã Nghi Đức	TP. Vinh	18° 42' 44"	105° 41' 43"					E-48-32-C-b
xóm Xuân Hương	DC	xã Nghi Đức	TP. Vinh	18° 43' 04"	105° 41' 47"					E-48-32-C-b
xóm Xuân Mỹ	DC	xã Nghi Đức	TP. Vinh	18° 43' 47"	105° 41' 44"					E-48-32-C-b
xóm Xuân Thịnh	DC	xã Nghi Đức	TP. Vinh	18° 42' 48"	105° 42' 26"					E-48-32-C-b
xóm Xuân Tín	DC	xã Nghi Đức	TP. Vinh	18° 43' 18"	105° 41' 25"					E-48-32-C-b
xóm Xuân Trang	DC	xã Nghi Đức	TP. Vinh	18° 43' 08"	105° 42' 28"					E-48-32-C-b
xóm 1	DC	xã Nghi Kim	TP. Vinh	18° 43' 32"	105° 39' 32"					E-48-32-C-b
xóm 2	DC	xã Nghi Kim	TP. Vinh	18° 43' 21"	105° 39' 33"					E-48-32-C-b
xóm 3	DC	xã Nghi Kim	TP. Vinh	18° 43' 06"	105° 39' 35"					E-48-32-C-b
xóm 4	DC	xã Nghi Kim	TP. Vinh	18° 43' 07"	105° 39' 17"					E-48-32-C-b
xóm 5	DC	xã Nghi Kim	TP. Vinh	18° 43' 35"	105° 39' 07"					E-48-32-C-b
xóm 6	DC	xã Nghi Kim	TP. Vinh	18° 43' 19"	105° 38' 41"					E-48-32-C-b
xóm 7	DC	xã Nghi Kim	TP. Vinh	18° 43' 31"	105° 38' 41"					E-48-32-C-b
xóm 8	DC	xã Nghi Kim	TP. Vinh	18° 43' 34"	105° 38' 52"					E-48-32-C-b
xóm 9	DC	xã Nghi Kim	TP. Vinh	18° 43' 49"	105° 38' 45"					E-48-32-C-b
xóm 10	DC	xã Nghi Kim	TP. Vinh	18° 44' 00"	105° 38' 40"					E-48-32-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm 11	DC	xã Nghi Kim	TP. Vinh	18° 43' 23"	105° 38' 56"					E-48-32-C-b
xóm 12	DC	xã Nghi Kim	TP. Vinh	18° 43' 01"	105° 39' 48"					E-48-32-C-b
xóm 13A	DC	xã Nghi Kim	TP. Vinh	18° 43' 11"	105° 39' 55"					E-48-32-C-b
xóm 13B	DC	xã Nghi Kim	TP. Vinh	18° 43' 03"	105° 39' 58"					E-48-32-C-b
xóm 14	DC	xã Nghi Kim	TP. Vinh	18° 43' 20"	105° 39' 50"					E-48-32-C-b
xóm 15	DC	xã Nghi Kim	TP. Vinh	18° 43' 32"	105° 39' 47"					E-48-32-C-b
kênh 17	TV	xã Nghi Kim	TP. Vinh			18° 45' 34"	105° 37' 10"	18° 42' 27"	105° 38' 07"	E-48-32-C-b
đường Nghệ An/ Xiêng Khoảng	KX	xã Nghi Kim	TP. Vinh			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"	E-48-32-C-b
đường Thăng Long	KX	xã Nghi Kim	TP. Vinh			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-32-C-b
xóm 1	DC	xã Nghi Liên	TP. Vinh	18° 44' 36"	105° 38' 45"					E-48-32-C-b
xóm 2	DC	xã Nghi Liên	TP. Vinh	18° 44' 19"	105° 38' 49"					E-48-32-C-b
xóm 3	DC	xã Nghi Liên	TP. Vinh	18° 44' 02"	105° 39' 01"					E-48-32-C-b
xóm 4	DC	xã Nghi Liên	TP. Vinh	18° 44' 15"	105° 39' 09"					E-48-32-C-b
xóm 5	DC	xã Nghi Liên	TP. Vinh	18° 44' 23"	105° 39' 21"					E-48-32-C-b
xóm 6	DC	xã Nghi Liên	TP. Vinh	18° 44' 38"	105° 39' 21"					E-48-32-C-b
xóm 7	DC	xã Nghi Liên	TP. Vinh	18° 44' 52"	105° 39' 07"					E-48-32-C-b
xóm 8	DC	xã Nghi Liên	TP. Vinh	18° 45' 05"	105° 39' 06"					E-48-32-A-d
xóm 9	DC	xã Nghi Liên	TP. Vinh	18° 44' 34"	105° 39' 45"					E-48-32-C-b
xóm 10	DC	xã Nghi Liên	TP. Vinh	18° 44' 56"	105° 39' 30"					E-48-32-C-b
xóm 11	DC	xã Nghi Liên	TP. Vinh	18° 45' 30"	105° 39' 20"					E-48-32-A-d
xóm 12	DC	xã Nghi Liên	TP. Vinh	18° 45' 41"	105° 39' 18"					E-48-32-A-d
xóm 13	DC	xã Nghi Liên	TP. Vinh	18° 45' 39"	105° 39' 03"					E-48-32-A-d
xóm 14	DC	xã Nghi Liên	TP. Vinh	18° 45' 30"	105° 38' 47"					E-48-32-A-d
xóm 15	DC	xã Nghi Liên	TP. Vinh	18° 44' 37"	105° 39' 08"					E-48-32-C-b
xóm 17	DC	xã Nghi Liên	TP. Vinh	18° 44' 46"	105° 39' 37"					E-48-32-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm 18A	DC	xã Nghi Liên	TP. Vinh	18° 43' 52"	105° 39' 34"					E-48-32-C-b
xóm 18B	DC	xã Nghi Liên	TP. Vinh	18° 43' 44"	105° 39' 52"					E-48-32-C-b
xóm 18C	DC	xã Nghi Liên	TP. Vinh	18° 43' 59"	105° 39' 41"					E-48-32-C-b
đường Thăng Long	KX	xã Nghi Liên	TP. Vinh			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-32-A-d, E-48-32-C-b
Cảng Hàng không Vinh	KX	xã Nghi Liên	TP. Vinh	18° 44' 02"	105° 40' 10"					E-48-32-C-b
xóm 1	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 42' 48"	105° 40' 04"					E-48-32-C-b
xóm 2	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 43' 01"	105° 40' 14"					E-48-32-C-b
xóm 3	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 43' 11"	105° 40' 25"					E-48-32-C-b
xóm 4	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 43' 24"	105° 40' 45"					E-48-32-C-b
xóm 5	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 42' 55"	105° 40' 52"					E-48-32-C-b
xóm 6	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 43' 04"	105° 40' 43"					E-48-32-C-b
xóm 7	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 42' 55"	105° 40' 30"					E-48-32-C-b
xóm 8	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 42' 49"	105° 40' 13"					E-48-32-C-b
xóm 9	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 42' 36"	105° 40' 19"					E-48-32-C-b
xóm 10	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 42' 44"	105° 40' 47"					E-48-32-C-b
xóm 11	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 42' 37"	105° 41' 12"					E-48-32-C-b
xóm 12	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 42' 31"	105° 41' 02"					E-48-32-C-b
xóm 13	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 42' 26"	105° 40' 51"					E-48-32-C-b
xóm 14	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 42' 19"	105° 40' 39"					E-48-32-C-b
xóm 15	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 42' 22"	105° 40' 29"					E-48-32-C-b
xóm 16	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 42' 07"	105° 40' 27"					E-48-32-C-b
xóm 17	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 42' 09"	105° 40' 38"					E-48-32-C-b
xóm 18	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 41' 54"	105° 40' 38"					E-48-32-C-b
xóm 19	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 41' 59"	105° 40' 50"					E-48-32-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm 20	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 42' 09"	105° 41' 08"					E-48-32-C-b
xóm 21	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 42' 19"	105° 41' 17"					E-48-32-C-b
xóm 22	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 42' 24"	105° 41' 24"					E-48-32-C-b
xóm 23	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 42' 07"	105° 41' 25"					E-48-32-C-b
xóm 24	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 41' 46"	105° 41' 28"					E-48-32-C-b
đường Nghệ An/ Xiêng Khoảng	KX	xã Nghi Phú	TP. Vinh			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"	E-48-32-C-b
đường Nguyễn Trãi	KX	xã Nghi Phú	TP. Vinh			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-32-C-b
đường Xô Viết Nghệ	KX	xã Nghi Phú	TP. Vinh			18° 41' 16"	105° 41' 25"	18° 43' 13"	105° 40' 12"	E-48-32-C-b
đường tỉnh 535	KX	P. Nghi Hải	TX. Cửa Lò			18° 39' 59"	105° 41' 16"	18° 46' 13"	105° 45' 02"	E-48-32-A-d, E-48-32-B-c
đường tỉnh 542	KX	P. Nghi Hải	TX. Cửa Lò			18° 41' 55"	105° 29' 50"	18° 46' 13"	105° 45' 02"	E-48-32-A-d
cảng cá Cửa Hội	KX	P. Nghi Hải	TX. Cửa Lò	18° 45' 38"	105° 45' 05"					E-48-32-B-c
khối Hải Bình	DC	P. Nghi Hải	TX. Cửa Lò	18° 45' 37"	105° 44' 23"					E-48-32-A-d
khối Hải Giang 1	DC	P. Nghi Hải	TX. Cửa Lò	18° 45' 59"	105° 45' 02"					E-48-32-B-c
khối Hải Giang 2	DC	P. Nghi Hải	TX. Cửa Lò	18° 45' 46"	105° 44' 51"					E-48-32-A-d
khối Hải Lam	DC	P. Nghi Hải	TX. Cửa Lò	18° 45' 51"	105° 44' 40"					E-48-32-A-d
khối Hải Tân	DC	P. Nghi Hải	TX. Cửa Lò	18° 45' 38"	105° 44' 03"					E-48-32-A-d
khối Hải Thanh	DC	P. Nghi Hải	TX. Cửa Lò	18° 45' 39"	105° 44' 34"					E-48-32-A-d
khối Hải Triều	DC	P. Nghi Hải	TX. Cửa Lò	18° 45' 37"	105° 44' 13"					E-48-32-A-d
khối Hải Trung	DC	P. Nghi Hải	TX. Cửa Lò	18° 45' 49"	105° 44' 23"					E-48-32-A-d
Cửa Hội	TV	P. Nghi Hải	TX. Cửa Lò	18° 45' 52"	105° 45' 45"					E-48-32-B-c
Sông Lam	TV	P. Nghi Hải	TX. Cửa Lò			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-32-A-d
khối Tân Lộc	DC	P. Nghi Hải	TX. Cửa Lò	18° 45' 11"	105° 44' 07"					E-48-32-A-d
khối Tân Nho	DC	P. Nghi Hải	TX. Cửa Lò	18° 45' 04"	105° 44' 01"					E-48-32-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
khối Tân Quang	DC	P. Nghi Hải	TX. Cửa Lò	18° 45' 22"	105° 44' 09"					E-48-32-A-d
đường tỉnh 535	KX	P. Nghi Hòa	TX. Cửa Lò			18° 39' 59"	105° 41' 16"	18° 46' 13"	105° 45' 02"	E-48-32-A-d, E-48-32-B-c
khối Bắc Hòa	DC	P. Nghi Hòa	TX. Cửa Lò	18° 45' 57"	105° 43' 43"					E-48-32-A-d
đường Bình Minh	KX	P. Nghi Hòa	TX. Cửa Lò			18° 49' 10"	105° 42' 56"	18° 46' 13"	105° 45' 02"	E-48-32-A-d
khối Đông Hòa	DC	P. Nghi Hòa	TX. Cửa Lò	18° 45' 54	105° 44' 07"					E-48-32-A-d
khối Hải Bằng 1	DC	P. Nghi Hòa	TX. Cửa Lò	18° 46' 02"	105° 44' 37"					E-48-32-A-d
khối Hải Bằng 2	DC	P. Nghi Hòa	TX. Cửa Lò	18° 46' 20"	105° 44' 42"					E-48-32-A-d
khối Liên Hòa	DC	P. Nghi Hòa	TX. Cửa Lò	18° 45' 34"	105° 43' 59"					E-48-32-A-d
khối Phúc Hòa	DC	P. Nghi Hòa	TX. Cửa Lò	18° 46' 15"	105° 44' 15"					E-48-32-A-d
khối Tân Diện	DC	P. Nghi Hòa	TX. Cửa Lò	18° 45' 12"	105° 43' 59"					E-48-32-A-d
khối Tân Phúc	DC	P. Nghi Hòa	TX. Cửa Lò	18° 45' 21"	105° 44' 00"					E-48-32-A-d
khối Tây Hòa	DC	P. Nghi Hòa	TX. Cửa Lò	18° 45' 46"	105° 43' 41"					E-48-32-A-d
khối Tây Nam	DC	P. Nghi Hòa	TX. Cửa Lò	18° 45' 30"	105° 43' 54"					E-48-32-A-d
khối Trung Hòa	DC	P. Nghi Hòa	TX. Cửa Lò	18° 45' 57"	105° 43' 55"					E-48-32-A-d
khối 1	DC	P. Nghi Hương	TX. Cửa Lò	18° 48' 02"	105° 42' 59"					E-48-32-A-d
khối 2	DC	P. Nghi Hương	TX. Cửa Lò	18° 47' 47"	105° 43' 06"					E-48-32-A-d
khối 3	DC	P. Nghi Hương	TX. Cửa Lò	18° 47' 52"	105° 43' 27"					E-48-32-A-d
khối 4	DC	P. Nghi Hương	TX. Cửa Lò	18° 47' 30"	105° 43' 19"					E-48-32-A-d
khối 5	DC	P. Nghi Hương	TX. Cửa Lò	18° 47' 20"	105° 43' 20"					E-48-32-A-d
khối 6	DC	P. Nghi Hương	TX. Cửa Lò	18° 47' 09"	105° 43' 33"					E-48-32-A-d
khối 7	DC	P. Nghi Hương	TX. Cửa Lò	18° 46' 50"	105° 43' 42"					E-48-32-A-d
khối 8	DC	P. Nghi Hương	TX. Cửa Lò	18° 46' 41"	105° 43' 52"					E-48-32-A-d
khối 9	DC	P. Nghi Hương	TX. Cửa Lò	18° 46' 29"	105° 43' 39"					E-48-32-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
khối 10	DC	P. Nghi Hương	TX. Cửa Lò	18° 47' 03"	105° 42' 55"					E-48-32-A-d
khối 11	DC	P. Nghi Hương	TX. Cửa Lò	18° 47' 04"	105° 42' 26"					E-48-32-A-d
khối 12	DC	P. Nghi Hương	TX. Cửa Lò	18° 47' 31"	105° 42' 34"					E-48-32-A-d
khối 13	DC	P. Nghi Hương	TX. Cửa Lò	18° 47' 22"	105° 42' 22"					E-48-32-A-d
khối 14	DC	P. Nghi Hương	TX. Cửa Lò	18° 47' 34"	105° 42' 14"					E-48-32-A-d
đường Bình Minh	KX	P. Nghi Hương	TX. Cửa Lò			18° 49' 10"	105° 42' 56"	18° 46' 13"	105° 45' 02"	E-48-32-A-d
Hòn Ngư	TV	P. Nghi Hương	TX. Cửa Lò	18° 48' 04"	105° 46' 27"					E-48-32-B-c
đường Nguyễn Sinh Cung	KX	P. Nghi Hương	TX. Cửa Lò			18° 47' 55"	105° 43' 41"	18° 59' 59"	105° 28' 38"	E-48-31-B-b, E-48-31-B-d, E-48-32-A-c, E-48-32-A-d
khối 1	DC	P. Nghi Tân	TX. Cửa Lò	18° 49' 09"	105° 42' 19"					E-48-32-A-d
khối 2	DC	P. Nghi Tân	TX. Cửa Lò	18° 49' 32"	105° 42' 09"					E-48-32-A-d
khối 3	DC	P. Nghi Tân	TX. Cửa Lò	18° 49' 40"	105° 42' 08"					E-48-32-A-d
khối 4	DC	P. Nghi Tân	TX. Cửa Lò	18° 49' 38"	105° 42' 04"					E-48-32-A-d
khối 5	DC	P. Nghi Tân	TX. Cửa Lò	18° 49' 35"	105° 42' 00"					E-48-32-A-d
khối 6	DC	P. Nghi Tân	TX. Cửa Lò	18° 49' 34"	105° 41' 55"					E-48-32-A-d
khối 7	DC	P. Nghi Tân	TX. Cửa Lò	18° 49' 28"	105° 41' 46"					E-48-32-A-d
khối 8	DC	P. Nghi Tân	TX. Cửa Lò	18° 49 38"	105° 41' 37"					E-48-32-A-d
khối 9	DC	P. Nghi Tân	TX. Cửa Lò	18° 49' 36"	105° 41' 24"					E-48-32-A-d
quốc lộ 46	KX	P. Nghi Tân	TX. Cửa Lò			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"	E-48-32-A-d, E-48-31-B-a, E-48-31-B-c, E-48-32-C-a, E-48-32-C-b, E-48-31-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
cảng Cửa Lò	KX	P. Nghi Tân	TX. Cửa Lò	18° 49' 47"	105° 42' 21"					E-48-32-A-d
Núi Gươm	SV	P. Nghi Tân	TX. Cửa Lò	18° 49' 37"	105° 41' 29"					E-48-32-A-d
Núi Hang	SV	P. Nghi Tân	TX. Cửa Lò	18° 49' 08"	105° 42' 09"					E-48-32-A-d
núi Lô Sơn	SV	P. Nghi Tân	TX. Cửa Lò	18° 49' 25"	105° 42' 05"					E-48-32-A-d
quốc lộ 46	KX	P. Nghi Thu	TX. Cửa Lò			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"	E-48-32-A-d, E-48-31-B-a, E-48-31-B-c, E-48-32-C-a, E-48-32-C-b, E-48-31-D
khối Bắc Hải	DC	P. Nghi Thu	TX. Cửa Lò	18° 48' 29"	105° 42' 45"					E-48-32-A-d
đường Bình Minh	KX	P. Nghi Thu	TX. Cửa Lò			18° 49' 10"	105° 42' 56"	18° 46' 13"	105° 45' 02"	E-48-32-A-d
khối Cát Liều	DC	P. Nghi Thu	TX. Cửa Lò	18° 47' 57"	105° 42' 39"					E-48-32-A-d
khối Đại Thống	DC	P. Nghi Thu	TX. Cửa Lò	18° 48' 11"	105° 42' 06"					E-48-32-A-d
khối Đông Hải	DC	P. Nghi Thu	TX. Cửa Lò	18° 47' 53"	105° 42' 17"					E-48-32-A-d
khối Đông Khánh	DC	P. Nghi Thu	TX. Cửa Lò	18° 48' 49"	105° 42' 52"					E-48-32-A-d
khối Đông Quyền	DC	P. Nghi Thu	TX. Cửa Lò	18° 48' 10"	105° 42' 11"					E-48-32-A-d
khối Hiếu Hạp	DC	P. Nghi Thu	TX. Cửa Lò	18° 48' 09"	105° 42' 48"					E-48-32-A-d
khối Hòa Đình	DC	P. Nghi Thu	TX. Cửa Lò	18° 47' 58"	105° 42' 12"					E-48-32-A-d
khối Nam Phượng	DC	P. Nghi Thu	TX. Cửa Lò	18° 48' 03"	105° 41' 55"					E-48-32-A-d
khối Tây Khánh	DC	P. Nghi Thu	TX. Cửa Lò	18° 48' 50"	105° 42' 28"					E-48-32-A-d
khối 1	DC	P. Nghi Thủy	TX. Cửa Lò	18° 49' 40"	105° 42' 37"					E-48-32-A-d
khối 2	DC	P. Nghi Thủy	TX. Cửa Lò	18° 49' 34"	105° 42' 33"					E-48-32-A-d
khối 3	DC	P. Nghi Thủy	TX. Cửa Lò	18° 49' 19"	105° 42' 44"					E-48-32-A-d
khối 4	DC	P. Nghi Thủy	TX. Cửa Lò	18° 49' 30"	105° 42' 32"					E-48-32-A-d
khối 5	DC	P. Nghi Thủy	TX. Cửa Lò	18° 49' 11"	105° 42' 27"					E-48-32-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
khối 6	DC	P. Nghi Thủy	TX. Cửa Lò	18° 49' 26"	105° 42' 44"					E-48-32-A-d
khối 7	DC	P. Nghi Thủy	TX. Cửa Lò	18° 49' 20"	105° 42' 50"					E-48-32-A-d
khối 8	DC	P. Nghi Thủy	TX. Cửa Lò	18° 49' 07"	105° 42' 36"					E-48-32-A-d
khối 9	DC	P. Nghi Thủy	TX. Cửa Lò	18° 49' 31"	105° 42' 39"					E-48-32-A-d
khối 10	DC	P. Nghi Thủy	TX. Cửa Lò	18° 49' 14"	105° 42' 48"					E-48-32-A-d
sông Cửa Lò	TV	P. Nghi Thủy	TX. Cửa Lò			18° 50' 52"	105° 38' 52"	18° 50' 00"	105° 42' 57"	E-48-32-A-d
Cồn Khơi	TV	P. Nghi Thủy	TX. Cửa Lò	18° 50' 40"	105° 45' 55"					E-48-32-B-c
núi Lan Châu	SV	P. Nghi Thủy	TX. Cửa Lò	18° 49' 16"	105° 43' 11"					E-48-32-A-d
Cồn Lộng	TV	P. Nghi Thủy	TX. Cửa Lò	18° 49' 59"	105° 43' 29"					E-48-32-A-d
đường Nguyễn Xý	KX	P. Nghi Thủy	TX. Cửa Lò			18° 49' 13"	105° 43' 03"	18° 50' 22"	105° 38' 59"	E-48-32-A-d
khối 1	DC	P. Thu Thủy	TX. Cửa Lò	18° 48' 41"	105° 43' 02"					E-48-32-A-d
khối 2	DC	P. Thu Thủy	TX. Cửa Lò	18° 48' 59"	105° 42' 49"					E-48-32-A-d
khối 3	DC	P. Thu Thủy	TX. Cửa Lò	18° 49' 02"	105° 42' 49"					E-48-32-A-d
khối 4	DC	P. Thu Thủy	TX. Cửa Lò	18° 48' 57"	105° 42' 44"					E-48-32-A-d
khối 5	DC	P. Thu Thủy	TX. Cửa Lò	18° 48' 48"	105° 42' 39"					E-48-32-A-d
khối 6	DC	P. Thu Thủy	TX. Cửa Lò	18° 48' 41"	105° 42' 36"					E-48-32-A-d
đường Bình Minh	KX	P. Thu Thủy	TX. Cửa Lò			18° 49' 10"	105° 42' 56"	18° 46' 13"	105° 45' 02"	E-48-32-A-d
núi Lan Châu	SV	P. Thu Thủy	TX. Cửa Lò	18° 49' 16"	105° 43' 11"					E-48-32-A-d
đường Nam Cấm	KX	P. Thu Thủy	TX. Cửa Lò			18° 49' 13"	105° 43' 03"	18° 50' 22"	105° 38' 59"	E-48-32-A-d
quốc lộ 15	KX	P. Hòa Hiếu	TX. Thái Hòa			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"	E-48-19-B-d
quốc lộ 48	KX	P. Hòa Hiếu	TX. Thái Hòa			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-19-B-d
khối Đồng Tâm 1	DC	P. Hòa Hiếu	TX. Thái Hòa	19° 19' 15"	105° 27' 13"					E-48-19-B-d
khối Đồng Tâm 2	DC	P. Hòa Hiếu	TX. Thái Hòa	19° 19' 23"	105° 26' 40"					E-48-19-B-d
khối Đồng Tiến	DC	P. Hòa Hiếu	TX. Thái Hòa	19° 19' 29"	105° 26' 18"					E-48-19-B-d
Cầu Hiếu	KX	P. Hòa Hiếu	TX. Thái Hòa	19° 19' 25"	105° 25' 25"					E-48-19-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Sông Hiếu	TV	P. Hòa Hiếu	TX. Thái Hòa			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-19-B-d
khối Kim Tân	DC	P. Hòa Hiếu	TX. Thái Hòa	19° 19' 31"	105° 25' 43"					E-48-19-B-d
khối Liên Thắng	DC	P. Hòa Hiếu	TX. Thái Hòa	19° 19' 41"	105° 25' 37"					E-48-19-B-d
ga Nghĩa Đàn	KX	P. Hòa Hiếu	TX. Thái Hòa	19° 19' 21"	105° 26' 19"					E-48-19-B-d
khối Quyết Thắng	DC	P. Hòa Hiếu	TX. Thái Hòa	19° 19' 48"	105° 25' 41"					E-48-19-B-d
Hồ Sen	TV	P. Hòa Hiếu	TX. Thái Hòa	19° 19' 36"	105° 25' 52"					E-48-19-B-d
khối Tân Liên	DC	P. Hòa Hiếu	TX. Thái Hòa	19° 19' 44"	105° 25' 57"					E-48-19-B-d
khối Tân Phú	DC	P. Hòa Hiếu	TX. Thái Hòa	19° 19' 17"	105° 26' 17"					E-48-19-B-d
khối Tân Sơn	DC	P. Hòa Hiếu	TX. Thái Hòa	19° 19' 35"	105° 26' 03"					E-48-19-B-d
khối Tân Thắng	DC	P. Hòa Hiếu	TX. Thái Hòa	19° 20' 02"	105° 25' 48"					E-48-19-B-d
khối Tân Thành	DC	P. Hòa Hiếu	TX. Thái Hòa	19° 19' 22"	105° 26' 02"					E-48-19-B-d
khối Tân Tiến	DC	P. Hòa Hiếu	TX. Thái Hòa	19° 19' 19"	105° 25' 39"					E-48-19-B-d
Khe Tọ	TV	P. Hòa Hiếu	TX. Thái Hòa			19° 20' 20"	105° 26' 05"	19° 19' 56"	105° 25' 34"	E-48-19-B-d
Núi Tọ	SV	P. Hòa Hiếu	TX. Thái Hòa	19° 20' 13"	105° 26' 12"					E-48-19-B-d
Núi Vẹt	SV	P. Hòa Hiếu	TX. Thái Hòa	19° 19' 35"	105° 27' 06"					E-48-19-B-d
khối 1	DC	P. Long Sơn	TX. Thái Hòa	19° 18' 47"	105° 26' 42"					E-48-19-B-d
khối 2	DC	P. Long Sơn	TX. Thái Hòa	19° 18' 32"	105° 26' 42"					E-48-19-B-d
khối 3	DC	P. Long Sơn	TX. Thái Hòa	19° 18' 59"	105° 26' 08"					E-48-19-B-d
khối 4	DC	P. Long Sơn	TX. Thái Hòa	19° 18' 58"	105° 25' 34"					E-48-19-B-d
khối 5	DC	P. Long Sơn	TX. Thái Hòa	19° 18' 51"	105° 25' 31"					E-48-19-B-d
khối 6	DC	P. Long Sơn	TX. Thái Hòa	19° 18' 43"	105° 25' 34"					E-48-19-B-d
khối 7	DC	P. Long Sơn	TX. Thái Hòa	19° 18' 13"	105° 26' 22"					E-48-19-B-d
khối 8	DC	P. Long Sơn	TX. Thái Hòa	19° 19' 05"	105° 26' 37"					E-48-19-B-d
khối 9	DC	P. Long Sơn	TX. Thái Hòa	19° 18' 57"	105° 26' 23"					E-48-19-B-d
quốc lộ 48	KX	P. Long Sơn	TX. Thái Hòa			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-19-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Hòn Cái	SV	P. Long Sơn	TX. Thái Hòa	19° 18' 17"	105° 27' 02"					E-48-19-B-d
Núi Giồng	SV	P. Long Sơn	TX. Thái Hòa	19° 17' 54"	105° 26' 11"					E-48-19-B-d
Sông Hiếu	TV	P. Long Sơn	TX. Thái Hòa			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-19-B-d
hồ Khe Bưởi	TV	P. Long Sơn	TX. Thái Hòa	19° 18' 54"	105° 27' 07"					E-48-19-B-d
khối Tân Long	DC	P. Long Sơn	TX. Thái Hòa	19° 19' 08"	105° 25' 37"					E-48-19-B-d
quốc lộ 15	KX	P. Quang Phong	TX. Thái Hòa			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"	E-48-19-B-d
khối Chế Biến Lâm Sản 1	DC	P. Quang Phong	TX. Thái Hòa	19° 20' 11"	105° 25' 25"					E-48-19-B-d
khối Chế Biến Lâm Sản 2	DC	P. Quang Phong	TX. Thái Hòa	19° 20' 19"	105° 25' 33"					E-48-19-B-d
khối Chế Biến Lâm Sản 3	DC	P. Quang Phong	TX. Thái Hòa	19° 20' 12"	105° 25' 37"					E-48-19-B-d
khối Cồn Vang	DC	P. Quang Phong	TX. Thái Hòa	19° 21' 13"	105° 24' 07"					E-48-19-B-d
Suối Dền	TV	P. Quang Phong	TX. Thái Hòa			19° 22' 56"	105° 24' 11"	19° 20' 19"	105° 25' 04"	E-48-19-B-d
Khối Đóng	DC	P. Quang Phong	TX. Thái Hòa	19° 20' 55"	105° 24' 36"					E-48-19-B-d
Sông Hiếu	TV	P. Quang Phong	TX. Thái Hòa			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-19-B-d
núi Hòn Bàn	SV	P. Quang Phong	TX. Thái Hòa	19° 20' 39"	105° 25' 59"					E-48-19-B-d
Núi Lẹn	SV	P. Quang Phong	TX. Thái Hòa	19° 21' 32"	105° 25' 36"					E-48-19-B-d
khe Mè Mẹ	TV	P. Quang Phong	TX. Thái Hòa			19° 21' 03"	105° 24' 57"	19° 20' 17"	105° 25' 09"	E-48-19-B-d
khối Nam Cường	DC	P. Quang Phong	TX. Thái Hòa	19° 20' 50"	105° 25' 20"					E-48-19-B-d
khối Nghĩa Sơn	DC	P. Quang Phong	TX. Thái Hòa	19° 20' 41"	105° 24' 57"					E-48-19-B-d
đò Phà Lở	KX	P. Quang Phong	TX. Thái Hòa	19° 20' 15"	105° 25' 08"					E-48-19-B-d
Khe Tọ	TV	P. Quang Phong	TX. Thái Hòa			19° 20' 20"	105° 26' 05"	19° 19' 56"	105° 25' 34"	E-48-19-B-d
quốc lộ 48	KX	P. Quang Tiến	TX. Thái Hòa			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-19-B-d
khối 250	DC	P. Quang Tiến	TX. Thái Hòa	19° 19' 46"	105° 25' 03"					E-48-19-B-d
đường tỉnh 545	KX	P. Quang Tiến	TX. Thái Hòa			19° 19' 30"	105° 25' 06"	19° 03' 01"	105° 16' 20"	E-48-19-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
hồ Cao Trai	TV	P. Quang Tiến	TX. Thái Hòa	19° 19' 57"	105° 24' 02"					E-48-19-B-d
khối Dốc Cao	DC	P. Quang Tiến	TX. Thái Hòa	19° 19' 26"	105° 23' 55"					E-48-19-B-d
Cầu Hiếu	KX	P. Quang Tiến	TX. Thái Hòa	19° 19' 25"	105° 25' 25"					E-48-19-B-d
Sông Hiếu	TV	P. Quang Tiến	TX. Thái Hòa			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-19-B-d
khối Lam Sơn	DC	P. Quang Tiến	TX. Thái Hòa	19° 19' 59"	105° 24' 54"					E-48-19-B-d
khối Lê Lợi	DC	P. Quang Tiến	TX. Thái Hòa	19° 20' 13"	105° 24' 03"					E-48-19-B-d
khối Liên Hương	DC	P. Quang Tiến	TX. Thái Hòa	19° 19' 52"	105° 24' 19"					E-48-19-B-d
Núi Nậy	SV	P. Quang Tiến	TX. Thái Hòa	19° 19' 24"	105° 23' 28"					E-48-19-B-d
đò Phà Lở	KX	P. Quang Tiến	TX. Thái Hòa	19° 20' 15"	105° 25' 08"					E-48-19-B-d
khối Quang Phú	DC	P. Quang Tiến	TX. Thái Hòa	19° 19' 34"	105° 25' 18"					E-48-19-B-d
khối Quang Thịnh	DC	P. Quang Tiến	TX. Thái Hòa	19° 19' 48"	105° 25' 17"					E-48-19-B-d
khối Quang Trung	DC	P. Quang Tiến	TX. Thái Hòa	19° 19' 40"	105° 24' 51"					E-48-19-B-d
khối Tây Hồ 1	DC	P. Quang Tiến	TX. Thái Hòa	19° 19' 22"	105° 25' 09"					E-48-19-B-d
khối Tây Hồ 2	DC	P. Quang Tiến	TX. Thái Hòa	19° 19' 26"	105° 24' 56"					E-48-19-B-d
khối Thí Nghiệm	DC	P. Quang Tiến	TX. Thái Hòa	19° 19' 28"	105° 24' 34"					E-48-19-B-d
khối Trung Nghĩa	DC	P. Quang Tiến	TX. Thái Hòa	19° 19' 03"	105° 24' 02"					E-48-19-B-d
quốc lộ 48	KX	xã Đông Hiếu	TX. Thái Hòa			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-19-B-d
Khe Cái	TV	xã Đông Hiếu	TX. Thái Hòa			19° 15' 34"	105° 29' 33"	19° 14' 29"	105° 27' 44"	E-48-19-B-d
xóm Đông Du 1	DC	xã Đông Hiếu	TX. Thái Hòa	19° 17' 13"	105° 29' 19"					E-48-19-B-d
xóm Đông Du 2	DC	xã Đông Hiếu	TX. Thái Hòa	19° 17' 50"	105° 29' 20"					E-48-19-B-d
xóm Đông Hà	DC	xã Đông Hiếu	TX. Thái Hòa	19° 16' 10"	105° 27' 43"					E-48-19-B-d
xóm Đông Hải	DC	xã Đông Hiếu	TX. Thái Hòa	19° 16' 50"	105° 28' 29"					E-48-19-B-d
xóm Đông Hồng	DC	xã Đông Hiếu	TX. Thái Hòa	19° 16' 43"	105° 28' 39"					E-48-19-B-d
xóm Đông Mỹ	DC	xã Đông Hiếu	TX. Thái Hòa	19° 17' 25"	105° 28' 21"					E-48-19-B-d
xóm Đông Phú	DC	xã Đông Hiếu	TX. Thái Hòa	19° 15' 25"	105° 29' 39"					E-48-19-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm Đông Quang	DC	xã Đông Hiếu	TX. Thái Hòa	19° 16' 10"	105° 25' 48"					E-48-19-B-d
xóm Đông Sơn	DC	xã Đông Hiếu	TX. Thái Hòa	19° 15' 28"	105° 27' 42"					E-48-19-B-d
xóm Đông Thắng	DC	xã Đông Hiếu	TX. Thái Hòa	19° 15' 39"	105° 26' 48"					E-48-19-B-d
xóm Đông Thành	DC	xã Đông Hiếu	TX. Thái Hòa	19° 16' 39"	105° 27' 09"					E-48-19-B-d
xóm Đông Thịnh	DC	xã Đông Hiếu	TX. Thái Hòa	19° 16' 36"	105° 29' 01"					E-48-19-B-d
xóm Đông Tiến	DC	xã Đông Hiếu	TX. Thái Hòa	19° 15' 44"	105° 28' 34"					E-48-19-B-d
xóm Đông Xuân	DC	xã Đông Hiếu	TX. Thái Hòa	19° 17' 14"	105° 28' 40"					E-48-19-B-d
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Đông Hiếu	TX. Thái Hòa			19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"	E-48-19-B-d
cầu Làng Mẹ	KX	xã Đông Hiếu	TX. Thái Hòa	19° 15' 43"	105° 29' 33"					E-48-19-B-d
Khe Son	TV	xã Đông Hiếu	TX. Thái Hòa			19° 13' 37"	105° 31' 20"	19° 15' 34"	105° 29' 33"	E-48-19-B-d
xóm 1	DC	xã Nghĩa Hòa	TX. Thái Hòa	19° 17' 43"	105° 26' 06"					E-48-19-B-d
xóm 2	DC	xã Nghĩa Hòa	TX. Thái Hòa	19° 17' 24"	105° 26' 22"					E-48-19-B-d
xóm 3	DC	xã Nghĩa Hòa	TX. Thái Hòa	19° 16' 56"	105° 25' 52"					E-48-19-B-d
xóm 4	DC	xã Nghĩa Hòa	TX. Thái Hòa	19° 16' 16"	105° 25' 07"					E-48-19-B-d
xóm 5	DC	xã Nghĩa Hòa	TX. Thái Hòa	19° 17' 25"	105° 25' 19"					E-48-19-B-d
xóm Đông Hòa	DC	xã Nghĩa Hòa	TX. Thái Hòa	19° 17' 10"	105° 25' 44"					E-48-19-B-d
Núi Giang	SV	xã Nghĩa Hòa	TX. Thái Hòa	19° 16' 55"	105° 26' 30"					E-48-19-B-d
Núi Giồng	SV	xã Nghĩa Hòa	TX. Thái Hòa	19° 17' 54"	105° 26' 11"					E-48-19-B-d
Sông Hiếu	TV	xã Nghĩa Hòa	TX. Thái Hòa			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-19-B-d
Hòn Hương	SV	xã Nghĩa Hòa	TX. Thái Hòa	19° 14' 49"	105° 25' 43"					E-48-19-D-b
Hòn Láo	SV	xã Nghĩa Hòa	TX. Thái Hòa	19° 17' 49"	105° 26' 49"					E-48-19-B-d
quốc lộ 48	KX	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hòa			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-19-B-d
xóm Bệnh Viện	DC	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hòa	19° 18' 43"	105° 27' 15"					E-48-19-B-d
xóm Đông Hưng	DC	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hòa	19° 18' 24"	105° 27' 17"					E-48-19-B-d
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hòa			19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"	E-48-19-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
hồ Khe Bưởi	TV	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hòa	19° 18' 54"	105° 27' 07"					E-48-19-B-d
hồ Khe Vĩnh	TV	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hòa	19° 18' 01"	105° 27' 14"					E-48-19-B-d
Hòn Láo	SV	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hòa	19° 17' 49"	105° 26' 49"					E-48-19-B-d
xóm Long Hạ	DC	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hòa	19° 18' 03"	105° 27' 35"					E-48-19-B-d
xóm Long Thượng	DC	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hòa	19° 17' 48"	105° 27' 41"					E-48-19-B-d
Núi Ngang	SV	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hòa	19° 17' 27"	105° 27' 03"					E-48-19-B-d
xóm Nghĩa Dũng	DC	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hòa	19° 18' 35"	105° 27' 32"					E-48-19-B-d
xóm Nghĩa Thắng	DC	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hòa	19° 18' 58"	105° 27' 47"					E-48-19-B-d
Núi Ôi	SV	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hòa	19° 17' 10"	105° 27' 24"					E-48-19-B-d
núi Ông Quí	SV	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hòa	19° 18' 43"	105° 29' 52"					E-48-19-B-d
xóm Thịnh Mỹ	DC	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hòa	19° 17' 52"	105° 28' 10"					E-48-19-B-d
xóm Tiên Lộ	DC	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hòa	19° 18' 51"	105° 28' 49"					E-48-19-B-d
xóm Tiên Phúc	DC	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hòa	19° 18' 41"	105° 28' 33"					E-48-19-B-d
Hồ Trúm	TV	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hòa	19° 17' 53"	105° 27' 41"					E-48-19-B-d
xóm Trung Đình	DC	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hòa	19° 17' 43"	105° 27' 52"					E-48-19-B-d
xóm Trung Mỹ	DC	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hòa	19° 18' 26"	105° 28' 37"					E-48-19-B-d
xóm Xuân Thọ	DC	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hòa	19° 18' 02"	105° 27' 59"					E-48-19-B-d
xóm Yên Mỹ	DC	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hòa	19° 17' 55"	105° 28' 41"					E-48-19-B-d
xóm Yên Thọ	DC	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hòa	19° 18' 00"	105° 27' 52"					E-48-19-B-d
xóm 1	DC	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hòa	19° 15' 06"	105° 30' 36"					E-48-20-A-c
xóm 2	DC	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hòa	19° 15' 22"	105° 30' 33"					E-48-20-A-c
xóm 3	DC	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hòa	19° 16' 16"	105° 29' 57"					E-48-20-A-c
xóm 4	DC	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hòa	19° 15' 28"	105° 30' 01"					E-48-19-B-d
xóm 5A	DC	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hòa	19° 16' 05"	105° 30' 37"					E-48-20-A-c
xóm 5B	DC	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hòa	19° 16' 00"	105° 29' 51"					E-48-19-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm 6	DC	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hòa	19° 16' 10"	105° 30' 07"					E-48-19-B-d
xóm 7A	DC	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hòa	19° 15' 51"	105° 29' 23"					E-48-19-B-d
xóm 7B	DC	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hòa	19° 16' 10"	105° 29' 32"					E-48-19-B-d
xóm 8	DC	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hòa	19° 16' 18"	105° 29' 00"					E-48-19-B-d
xóm 9	DC	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hòa	19° 16' 32"	105° 28' 08"					E-48-19-B-d
xóm 10	DC	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hòa	19° 16' 23"	105° 29' 30"					E-48-19-B-d
xóm 11	DC	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hòa	19° 17' 11"	105° 29' 37"					E-48-19-B-d
xóm 12	DC	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hòa	19° 16' 49"	105° 30' 18"					E-48-20-A-c
xóm 13	DC	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hòa	19° 17' 18"	105° 30' 17"					E-48-20-A-c
xóm 14	DC	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hòa	19° 17' 59"	105° 30' 32"					E-48-20-A-c
xóm 15A	DC	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hòa	19° 17' 12"	105° 31' 06"					E-48-20-A-c
xóm 15B	DC	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hòa	19° 17' 45"	105° 30' 56"					E-48-20-A-c
xóm 16	DC	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hòa	19° 16' 44"	105° 29' 38"					E-48-19-B-d
xóm 20	DC	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hòa	19° 15' 07"	105° 30' 15"					E-48-19-B-d
xóm 21	DC	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hòa	19° 16' 42"	105° 28' 19"					E-48-19-B-d
hồ 32	TV	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hòa	19° 16' 42"	105° 29' 49"					E-48-19-B-d
quốc lộ 48	KX	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hòa			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-19-B-d, E-48-20-A-c, E-48-20-C-a
núi Ba Động	SV	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hòa	19° 17' 22"	105° 29' 49"					E-48-19-B-d
Đập Bồng	TV	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hòa	19° 16' 34"	105° 30' 31"					E-48-20-A-c
núi Chóp Đỉnh	SV	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hòa	19° 15' 29"	105° 32' 01"					E-48-20-A-c
núi Cột Cờ	SV	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hòa	19° 18' 31"	105° 30' 41"					E-48-20-A-c
núi K/7	SV	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hòa	19° 17' 32"	105° 31' 44"					E-48-20-A-c
đập Khe Dứa	TV	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hòa	19° 15' 57"	105° 30' 57"					E-48-20-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
đập Khe Lằng	TV	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hòa	19° 14' 50"	105° 31' 06"					E-48-20-C-a
hồ Khe Lau 1	TV	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hòa	19° 17' 37"	105° 29' 32"					E-48-19-B-d
hồ Khe Thung	TV	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hòa	19° 18' 00"	105° 30' 57"					E-48-20-A-c
cầu Làng Mẹ	KX	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hòa	19° 15' 43"	105° 29' 33"					E-48-19-B-d
Núi Lọ	SV	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hòa	19° 18' 43"	105° 29' 52"					E-48-19-B-d
ga Nghĩa Thuận	KX	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hòa	19° 16' 16"	105° 29' 15"					E-48-19-B-d
Khe Son	TV	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hòa			19° 13' 37"	105° 31' 20"	19° 15' 34"	105° 29' 33"	E-48-19-B-d, E-48-20-A-c, E-48-20-C-a
xóm 1	DC	xã Nghĩa Tiến	TX. Thái Hòa	19° 18' 27"	105° 25' 02"					E-48-19-B-d
xóm 2	DC	xã Nghĩa Tiến	TX. Thái Hòa	19° 18' 15"	105° 25' 02"					E-48-19-B-d
xóm 3	DC	xã Nghĩa Tiến	TX. Thái Hòa	19° 18' 04"	105° 25' 02"					E-48-19-B-d
xóm 4	DC	xã Nghĩa Tiến	TX. Thái Hòa	19° 18' 10"	105° 22' 54"					E-48-19-B-d
xóm 5	DC	xã Nghĩa Tiến	TX. Thái Hòa	19° 18' 33"	105° 23' 02"					E-48-19-B-d
xóm 6	DC	xã Nghĩa Tiến	TX. Thái Hòa	19° 18' 57"	105° 23' 35"					E-48-19-B-d
xóm 7	DC	xã Nghĩa Tiến	TX. Thái Hòa	19° 19' 08"	105° 23' 14"					E-48-19-B-d
xóm 8	DC	xã Nghĩa Tiến	TX. Thái Hòa	19° 17' 52"	105° 22' 52"					E-48-19-B-d
xóm 9	DC	xã Nghĩa Tiến	TX. Thái Hòa	19° 18' 44"	105° 25' 08"					E-48-19-B-d
xóm 10	DC	xã Nghĩa Tiến	TX. Thái Hòa	19° 18' 54"	105° 24' 56"					E-48-19-B-d
quốc lộ 48	KX	xã Nghĩa Tiến	TX. Thái Hòa			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-19-B-d
đường tỉnh 545	KX	xã Nghĩa Tiến	TX. Thái Hòa			19° 19' 30"	105° 25' 06"	19° 03' 01"	105° 16' 20"	E-48-19-B-d
xóm An Ninh	DC	xã Nghĩa Tiến	TX. Thái Hòa	19° 19' 15"	105° 24' 37"					E-48-19-B-d
xóm Chế Biến 1	DC	xã Nghĩa Tiến	TX. Thái Hòa	19° 18' 44"	105° 25' 08"					E-48-19-B-d
xóm Chế Biến 2	DC	xã Nghĩa Tiến	TX. Thái Hòa	19° 19' 00"	105° 24' 54"					E-48-19-B-d
Núi Dần	SV	xã Nghĩa Tiến	TX. Thái Hòa	19° 18' 44"	105° 23' 31"					E-48-19-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Núi Én	SV	xã Nghĩa Tiến	TX. Thái Hòa	19° 17' 24"	105° 24' 00"					E-48-19-B-d
Sông Hiếu	TV	xã Nghĩa Tiến	TX. Thái Hòa			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-19-B-d
Hồ Mý	TV	xã Nghĩa Tiến	TX. Thái Hòa	19° 18' 44"	105° 24' 06"					E-48-19-B-d
Núi Nậy	SV	xã Nghĩa Tiến	TX. Thái Hòa	19° 19' 24"	105° 23' 28"					E-48-19-B-d
đường tỉnh 531	KX	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hòa			19° 13' 30"	105° 31' 36"	19° 13' 44"	105° 23' 57"	E-48-19-B-c
đường tỉnh 545	KX	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hòa			19° 19' 30"	105° 25' 06"	19° 03' 01"	105° 16' 20"	E-48-19-B-d
hồ 26/3	TV	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hòa	19° 16' 17"	105° 21' 09"					E-48-19-B-c
xóm An Ninh	DC	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hòa	19° 19' 15"	105° 24' 37"					E-48-19-B-d
Núi Én	SV	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hòa	19° 17' 24"	105° 24' 00"					E-48-19-B-d
Hồ Gián	TV	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hòa	19° 16' 09"	105° 23' 29"					E-48-19-B-d
Sông Hiếu	TV	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hòa			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-19-B-d
xóm Hiếu Thành	DC	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hòa	19° 18' 33"	105° 25' 11"					E-48-19-B-d
xóm Hưng Bắc	DC	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hòa	19° 19' 00"	105° 24' 54"					E-48-19-B-d
xóm Hưng Công	DC	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hòa	19° 15' 54"	105° 21' 14"					E-48-19-B-c
xóm Hưng Lợi	DC	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hòa	19° 17' 49"	105° 24' 24"					E-48-19-B-d
xóm Hưng Nam	DC	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hòa	19° 17' 23"	105° 24' 17"					E-48-19-B-d
xóm Hưng Phú	DC	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hòa	19° 18' 58"	105° 25' 01"					E-48-19-B-d
xóm Hưng Tân	DC	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hòa	19° 17' 44"	105° 24' 50"					E-48-19-B-d
xóm Hưng Tây	DC	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hòa	19° 18' 08"	105° 24' 19"					E-48-19-B-d
xóm Hưng Thành	DC	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hòa	19° 15' 19"	105° 21' 00"					E-48-19-B-c
xóm Hưng Thịnh	DC	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hòa	19° 17' 35"	105° 24' 26"					E-48-19-B-d
xóm Hưng Xuân	DC	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hòa	19° 17' 59"	105° 24' 28"					E-48-19-B-d
xóm Hưng Xuân	DC	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hòa	19° 17' 59"	105° 24' 28"					E-48-19-B-d
xóm Nghĩa Hưng	DC	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hòa	19° 18' 34"	105° 24' 18"					E-48-19-B-d
xóm Phú An	DC	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hòa	19° 17' 49"	105° 24' 45"					E-48-19-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm Phú Cường	DC	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hòa	19° 16' 21"	105° 21' 15"					E-48-19-B-c
xóm Phú Mỹ	DC	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hòa	19° 16' 22"	105° 23' 27"					E-48-19-B-d
xóm Phú Tân	DC	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hòa	19° 16' 32"	105° 24' 39"					E-48-19-B-d
xóm Phú Thuận	DC	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hòa	19° 16' 58"	105° 23' 14"					E-48-19-B-d
hồ Thống Nhất	TV	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hòa	19° 16' 54"	105° 21' 44"					E-48-19-B-c
xóm Thống Nhất	DC	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hòa	19° 16' 25"	105° 22' 00"					E-48-19-B-c
khối 1A	DC	TT. Anh Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 12"	105° 04' 29"					E-48-31-A
khối 1B	DC	TT. Anh Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 07"	105° 04' 37"					E-48-31-A
khối 2	DC	TT. Anh Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 03"	105° 04' 30"					E-48-31-A
khối 3	DC	TT. Anh Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 44"	105° 04' 47"					E-48-31-A
khối 4A	DC	TT. Anh Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 05"	105° 04' 46"					E-48-31-A
khối 4B	DC	TT. Anh Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 55"	105° 05' 07"					E-48-31-A
khối 5	DC	TT. Anh Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 41"	105° 05' 04"					E-48-31-A
khối 6A	DC	TT. Anh Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 53"	105° 05' 28"					E-48-31-A
khối 6B	DC	TT. Anh Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 52"	105° 05' 42"					E-48-31-A
khối 7	DC	TT. Anh Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 20"	105° 05' 36"					E-48-31-A
quốc lộ 7	KX	TT. Anh Sơn	H. Anh Sơn			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-31-A
Sông Lam	TV	TT. Anh Sơn	H. Anh Sơn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-A
Khe Lê	TV	TT. Anh Sơn	H. Anh Sơn			18° 54' 33"	105° 05' 05"	18° 56' 12"	105° 05' 02"	E-48-31-A
xóm 1	DC	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn	19° 03' 36"	105° 04' 26"					E-48-19-C
xóm 2	DC	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn	19° 03' 02"	105° 04' 16"					E-48-19-C
xóm 3	DC	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn	19° 03' 19"	105° 04' 03"					E-48-19-C
xóm 4	DC	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn	19° 03' 01"	105° 03' 48"					E-48-19-C
xóm 5	DC	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn	19° 03' 25"	105° 03' 45"					E-48-19-C
xóm 6	DC	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn	19° 03' 25"	105° 03' 26"					E-48-19-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm 7	DC	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 28"	105° 04' 06"					E-48-19-C
xóm 8	DC	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 31"	105° 03' 40"					E-48-19-C
xóm 9	DC	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 48"	105° 02' 52"					E-48-19-C
xóm 10	DC	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn	19° 03' 42"	105° 02' 36"					E-48-19-C
xóm 11	DC	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn	19° 03' 21"	105° 02' 32"					E-48-19-C
xóm 12	DC	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn	19° 03' 03"	105° 02' 28"					E-48-19-C
xóm 13	DC	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 49"	105° 02' 01"					E-48-19-C
xóm 14	DC	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn	19° 03' 09"	105° 02' 02"					E-48-19-C
xóm 15	DC	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn	19° 03' 32"	105° 02' 05"					E-48-19-C
xóm 16	DC	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn	19° 03' 48"	105° 01' 26"					E-48-19-C
đồi 28	SV	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 55"	105° 00' 53"					E-48-19-C
núi Bù Thành	SV	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 46"	104° 59' 55"					E-48-19-C
Núi Con	SV	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 50"	105° 02' 04"					E-48-19-C
Sông Con	TV	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn			19° 15' 32"	105° 25' 09"	19° 02' 14"	104° 58' 20"	E-48-19-D-d, E-48-18-D
Suối Lòa	TV	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn			19° 06' 14"	105° 06' 00"	19° 03' 05"	105° 03' 02"	E-48-19-C
Suối Nhạp	TV	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn			19° 04' 37"	105° 00' 34"	19° 03' 51"	105° 01' 16"	E-48-19-C
Núi Thân	SV	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 30"	105° 03' 10"					E-48-19-C
Suối Trắng	TV	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn			19° 09' 28"	105° 03' 27"	19° 03' 41"	105° 01' 16"	E-48-19-C
quốc lộ 7	KX	xã Cẩm Sơn	H. Anh Sơn			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-18-D, E-48-30-B, E-48-30-D
thôn 1/5	DC	xã Cẩm Sơn	H. Anh Sơn	19° 00' 32"	104° 58' 38"					E-48-18-D
Núi Bậm	SV	xã Cẩm Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 57"	104° 59' 18"					E-48-18-D
thôn Cẩm Hòa	DC	xã Cẩm Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 26"	104° 59' 40"					E-48-18-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Cẩm Lợi	DC	xã Cẩm Sơn	H. Anh Sơn	18° 59' 59"	104° 58' 50"					E-48-30-B, E-48-30-D
thôn Cẩm Thắng	DC	xã Cẩm Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 02"	104° 58' 24"					E-48-18-D
đập Cây Choại	TV	xã Cẩm Sơn	H. Anh Sơn	19° 00' 36"	104° 57' 58"					E-48-18-D
núi Cây Vang	SV	xã Cẩm Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 59"	105° 00' 56"					E-48-19-C
thôn Hạ Du	DC	xã Cẩm Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 14"	104° 58' 17"					E-48-18-D
thôn Hội Lâm	DC	xã Cẩm Sơn	H. Anh Sơn	19° 00' 42"	104° 58' 43"					E-48-18-D
thôn Kẻ May	DC	xã Cẩm Sơn	H. Anh Sơn	18° 59' 07"	104° 59' 17"					E-48-30-B, E-48-30-D
Sông Lam	TV	xã Cẩm Sơn	H. Anh Sơn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-18-D, E-48-30-B, E-48-30-D
núi Mói Môn	SV	xã Cẩm Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 42"	105° 00' 24"					E-48-19-C
thôn Nhân Tài	DC	xã Cẩm Sơn	H. Anh Sơn	18° 59' 21"	104° 58' 28"					E-48-30-B, E-48-30-D
thôn Nhân Tiến	DC	xã Cẩm Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 10"	104° 58' 50"					E-48-30-B, E-48-30-D
thôn Tân Lâm	DC	xã Cẩm Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 15"	104° 58' 33"					E-48-18-D
thôn Tân Tiến	DC	xã Cẩm Sơn	H. Anh Sơn	19° 00' 21"	104° 58' 00"					E-48-18-D
Suối Tùm	TV	xã Cẩm Sơn	H. Anh Sơn			18° 58' 41"	104° 58' 21"	18° 59' 56"	104° 59' 11"	E-48-30-B, E-48-30-D
thôn 1	DC	xã Cao Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 22"	105° 09' 14"					E-48-31-A
thôn 2	DC	xã Cao Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 22"	105° 09' 54"					E-48-31-A
thôn 3	DC	xã Cao Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 23"	105° 10' 27"					E-48-31-A
thôn 4	DC	xã Cao Sơn	H. Anh Sơn	18° 53' 49"	105° 11' 31"					E-48-31-A
thôn 5	DC	xã Cao Sơn	H. Anh Sơn	18° 52' 30"	105° 10' 35"					E-48-31-A
thôn 6	DC	xã Cao Sơn	H. Anh Sơn	18° 52' 47"	105° 09' 49"					E-48-31-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn 7	DC	xã Cao Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 35"	105° 11' 13"					E-48-31-A
thôn 8	DC	xã Cao Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 52"	105° 11' 34"					E-48-31-A
thôn 9	DC	xã Cao Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 20"	105° 12' 17"					E-48-31-A
thôn 10	DC	xã Cao Sơn	H. Anh Sơn	18° 53' 52"	105° 08' 49"					E-48-31-A
đồi 81	SV	xã Cao Sơn	H. Anh Sơn	18° 53' 48"	105° 11' 02"					E-48-31-A
đồi 103	SV	xã Cao Sơn	H. Anh Sơn	18° 53' 09"	105° 09' 59"					E-48-31-A
đồi Cây Quéo	SV	xã Cao Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 12"	105° 08' 23"					E-48-31-A
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Cao Sơn	H. Anh Sơn			19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"	E-48-31-A
Núi Sim	SV	xã Cao Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 35"	105° 09' 16"					E-48-31-A
thôn 1	DC	xã Đỉnh Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 09"	104° 56' 01"					E-48-18-D
thôn 2	DC	xã Đỉnh Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 35"	104° 56' 34"					E-48-18-D
thôn 3	DC	xã Đỉnh Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 24"	104° 57' 12"					E-48-18-D
thôn 4	DC	xã Đỉnh Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 26"	104° 57' 35"					E-48-18-D
thôn 5	DC	xã Đỉnh Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 30"	104° 57' 56"					E-48-18-D
thôn 6	DC	xã Đỉnh Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 18"	104° 57' 31"					E-48-18-D
quốc lộ 7	KX	xã Đỉnh Sơn	H. Anh Sơn			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-18-D
thôn 7	DC	xã Đỉnh Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 28"	104° 58' 36"					E-48-18-D
thôn 8	DC	xã Đỉnh Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 46"	104° 56' 11"					E-48-18-D
thôn 8	DC	xã Đỉnh Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 40"	104° 57' 19"					E-48-18-D
thôn 323	DC	xã Đỉnh Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 30"	104° 56' 14"					E-48-18-D
thôn 3/2	DC	xã Đỉnh Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 40"	104° 56' 19"					E-48-18-D
thôn 19/5	DC	xã Đỉnh Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 13"	104° 56' 55"					E-48-18-D
thôn Cây Chanh	DC	xã Đỉnh Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 16"	104° 57' 16"					E-48-18-D
Sông Con	TV	xã Đỉnh Sơn	H. Anh Sơn			19° 15' 32"	105° 25' 09"	19° 02' 14"	104° 58' 20"	E-48-19-D-d, E-48-18-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Hòa Tiến	DC	xã Đỉnh Sơn	H. Anh Sơn	19° 00' 47"	104° 57' 11"					E-48-18-D
Sông Lam	TV	xã Đỉnh Sơn	H. Anh Sơn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-18-D
núi Lèn Quán	SV	xã Đỉnh Sơn	H. Anh Sơn	19° 00' 26"	104° 56' 04"					E-48-18-D
Núi Vung	SV	xã Đỉnh Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 19"	104° 57' 24"					E-48-18-D
thôn 1	DC	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 59' 20"	105° 02' 59"					E-48-31-A
thôn 2	DC	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 59' 12"	105° 03' 22"					E-48-31-A
thôn 3	DC	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 55"	105° 03' 17"					E-48-31-A
thôn 4	DC	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 49"	105° 03' 30"					E-48-31-A
thôn 5	DC	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 59' 04"	105° 03' 46"					E-48-31-A
thôn 6	DC	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 50"	105° 03' 56"					E-48-31-A
thôn 7	DC	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 42"	105° 04' 06"					E-48-31-A
thôn 8	DC	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 23"	105° 03' 54"					E-48-31-A
thôn 9	DC	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 26"	105° 04' 31"					E-48-31-A
thôn 10	DC	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 37"	105° 04' 24"					E-48-31-A
thôn 11	DC	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 09"	105° 04' 18"					E-48-31-A
thôn 12	DC	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 27"	105° 04' 44"					E-48-31-A
thôn 13	DC	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 11"	105° 04' 50"					E-48-31-A
thôn 14	DC	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 24"	105° 04' 54"					E-48-31-A
thôn 15	DC	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 12"	105° 05' 18"					E-48-31-A
thôn 16	DC	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 57"	105° 05' 18"					E-48-31-A
thôn 17	DC	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 45"	105° 05' 47"					E-48-31-A
hồ 32	TV	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 59' 12"	105° 03' 46"					E-48-31-A
núi Bù Cây Trung	SV	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 59' 20"	105° 07' 19"					E-48-31-A
đập Chò Xà	TV	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 42"	105° 04' 37"					E-48-31-A
núi Đá Bạc	SV	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 59' 51"	105° 06' 55"					E-48-31-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Suối Dài	TV	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn			18° 58' 57"	105° 06' 33"	18° 57' 46"	105° 05' 41"	E-48-31-A
núi Khe Táy	SV	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 59' 56"	105° 06' 31"					E-48-31-A
Sông Lam	TV	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-A
Khe Nậy	TV	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn			19° 00' 06"	105° 05' 10"	18° 59' 55"	105° 04' 14"	E-48-31-A
thôn Trung Tâm	DC	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 15"	105° 04' 03"					E-48-31-A
thôn 1	DC	xã Hoa Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 39"	105° 02' 51"					E-48-31-A
thôn 2	DC	xã Hoa Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 14"	105° 02' 52"					E-48-31-A
thôn 3	DC	xã Hoa Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 14"	105° 03' 23"					E-48-31-A
thôn 4	DC	xã Hoa Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 38"	105° 02' 27"					E-48-31-A
thôn 5	DC	xã Hoa Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 54"	105° 02' 11"					E-48-31-A
thôn 6	DC	xã Hoa Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 24"	105° 01' 58"					E-48-31-A
quốc lộ 7	KX	xã Hoa Sơn	H. Anh Sơn			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-31-A
thôn 7	DC	xã Hoa Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 19"	105° 02' 06"					E-48-31-A
thôn 8	DC	xã Hoa Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 03"	105° 02' 16"					E-48-31-A
thôn 9	DC	xã Hoa Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 00"	105° 02' 24"					E-48-31-A
thôn 10	DC	xã Hoa Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 50"	105° 03' 23"					E-48-31-A
thôn 11	DC	xã Hoa Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 06"	105° 02' 33"					E-48-31-A
thôn 12	DC	xã Hoa Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 42"	105° 01' 52"					E-48-31-A
Khe Cạn	TV	xã Hoa Sơn	H. Anh Sơn			18° 55' 19"	105° 01' 04"	18° 56' 45"	105° 02' 48"	E-48-31-A
lèn Kim Nhan	SV	xã Hoa Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 30"	105° 03' 13"					E-48-31-A
Sông Lam	TV	xã Hoa Sơn	H. Anh Sơn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-A
Suối Sừng	TV	xã Hoa Sơn	H. Anh Sơn			18° 56' 29"	105° 01' 00"	18° 56' 24"	105° 04' 24"	E-48-31-A
thôn 1	DC	xã Hội Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 29"	105° 03' 01"					E-48-31-A
thôn 2	DC	xã Hội Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 14"	105° 03' 23"					E-48-31-A
thôn 3	DC	xã Hội Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 28"	105° 03' 43"					E-48-31-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn 4	DC	xã Hội Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 28"	105° 03' 57"					E-48-31-A
thôn 5	DC	xã Hội Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 35"	105° 04' 20"					E-48-31-A
thôn 6	DC	xã Hội Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 48"	105° 04' 18"					E-48-31-A
quốc lộ 7	KX	xã Hội Sơn	H. Anh Sơn			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-31-A
thôn 7	DC	xã Hội Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 02"	105° 04' 13"					E-48-31-A
thôn 8	DC	xã Hội Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 10"	105° 04' 20"					E-48-31-A
thôn 9	DC	xã Hội Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 25"	105° 04' 08"					E-48-31-A
thôn 10	DC	xã Hội Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 28"	105° 02' 25"					E-48-31-A
Sông Giăng	TV	xã Hội Sơn	H. Anh Sơn			18° 52' 29"	104° 50' 11"	18° 50' 07"	105° 16' 38"	E-48-31-A
Sông Lam	TV	xã Hội Sơn	H. Anh Sơn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-A
Khe Sừng	TV	xã Hội Sơn	H. Anh Sơn			18° 56' 29"	105° 01' 00"	18° 56' 24"	105° 04' 24"	E-48-31-A
núi Trèo Vòng	SV	xã Hội Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 41"	105° 01' 10"					E-48-31-A
đập Vĩnh Kim	TV	xã Hội Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 07"	105° 03' 01"					E-48-31-A
thôn 1	DC	xã Hùng Sơn	H. Anh Sơn	19° 00' 21"	104° 59' 43"					E-48-18-D
thôn 2	DC	xã Hùng Sơn	H. Anh Sơn	18° 59' 53"	104° 59' 41"					E-48-30-B, E-48-30-D
thôn 3	DC	xã Hùng Sơn	H. Anh Sơn	18° 59' 52"	105° 00' 08"					E-48-18-D
thôn 4	DC	xã Hùng Sơn	H. Anh Sơn	18° 59' 41"	105° 00' 03"					E-48-31-A
thôn 5	DC	xã Hùng Sơn	H. Anh Sơn	19° 00' 02"	105° 00' 14"					E-48-19-C
thôn 6	DC	xã Hùng Sơn	H. Anh Sơn	18° 59' 56"	105° 00' 35"					E-48-31-A
thôn 7	DC	xã Hùng Sơn	H. Anh Sơn	19° 00' 06"	105° 01' 00"					E-48-19-C
thôn 8	DC	xã Hùng Sơn	H. Anh Sơn	19° 00' 02"	105° 01' 14"					E-48-31-A
thôn 9	DC	xã Hùng Sơn	H. Anh Sơn	19° 00' 04"	105° 01' 33"					E-48-19-C
núi Cây Vang	SV	xã Hùng Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 59"	105° 00' 56"					E-48-19-C
Núi Con	SV	xã Hùng Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 50"	105° 02' 04"					E-48-19-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Sông Lam	TV	xã Hùng Sơn	H. Anh Sơn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-18-D, E-48-30-B, E-48-30-D, E-48-31-A
núi Làng Điền	SV	xã Hùng Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 23"	105° 02' 16"					E-48-19-C
Núi Thân	SV	xã Hùng Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 30"	105° 03' 10"					E-48-19-C
thôn 1	DC	xã Khai Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 59"	105° 08' 33"					E-48-31-A
thôn 2	DC	xã Khai Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 09"	105° 08' 48"					E-48-31-A
thôn 3	DC	xã Khai Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 26"	105° 08' 43"					E-48-31-A
thôn 4	DC	xã Khai Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 28"	105° 09' 08"					E-48-31-A
thôn 5	DC	xã Khai Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 06"	105° 09' 07"					E-48-31-A
thôn 6	DC	xã Khai Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 18"	105° 09' 24"					E-48-31-A
quốc lộ 7	KX	xã Khai Sơn	H. Anh Sơn			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-31-A
thôn 7	DC	xã Khai Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 08"	105° 09' 42"					E-48-31-A
thôn 8	DC	xã Khai Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 03"	105° 10' 12"					E-48-31-A
thôn 9	DC	xã Khai Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 15"	105° 08' 35"					E-48-31-A
đập Chò Quan	TV	xã Khai Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 18"	105° 08' 59"					E-48-31-A
Núi Chuông	SV	xã Khai Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 14"	105° 08' 16"					E-48-31-A
núi Đa Dương	SV	xã Khai Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 28"	105° 09' 11"					E-48-31-A
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Khai Sơn	H. Anh Sơn			19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"	E-48-31-A
Sông Lam	TV	xã Khai Sơn	H. Anh Sơn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-A
cầu Tri Lễ	KX	xã Khai Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 57"	105° 09' 27"					E-48-31-A
Núi Truông	SV	xã Khai Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 32"	105° 09' 46"					E-48-31-A
thôn 1	DC	xã Lạng Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 23"	105° 09' 31"					E-48-31-A
thôn 2	DC	xã Lạng Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 58"	105° 10' 05"					E-48-31-A
thôn 3	DC	xã Lạng Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 49"	105° 10' 32"					E-48-31-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn 4	DC	xã Lạng Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 57"	105° 11' 36"					E-48-31-A
thôn 5	DC	xã Lạng Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 47"	105° 11' 07"					E-48-31-A
thôn 6	DC	xã Lạng Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 39"	105° 11' 33"					E-48-31-A
thôn 7	DC	xã Lạng Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 55"	105° 12' 13"					E-48-31-A
thôn 8	DC	xã Lạng Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 48"	105° 12' 28"					E-48-31-A
thôn 9	DC	xã Lạng Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 30"	105° 12' 24"					E-48-31-A
hồ Đồng Quan	TV	xã Lạng Sơn	H. Anh Sơn	105° 11' 30"	18° 57' 22"					E-48-31-A
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Lạng Sơn	H. Anh Sơn			19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"	E-48-31-A
Sông Lam	TV	xã Lạng Sơn	H. Anh Sơn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-A
cầu Tri Lễ	KX	xã Lạng Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 57"	105° 09' 27"					E-48-31-A
thôn 1	DC	xã Lĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 52"	105° 11' 25"					E-48-31-A
thôn 2	DC	xã Lĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 14"	105° 11' 59"					E-48-31-A
thôn 3	DC	xã Lĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 23"	105° 12' 34"					E-48-31-A
thôn 4	DC	xã Lĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 39"	105° 12' 59"					E-48-31-A
thôn 5	DC	xã Lĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 43"	105° 13' 14"					E-48-31-A
thôn 6	DC	xã Lĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 40"	105° 13' 22"					E-48-31-A
quốc lộ 7	KX	xã Lĩnh Sơn	H. Anh Sơn			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-31-A
thôn 7	DC	xã Lĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 39"	105° 13' 31"					E-48-31-A
thôn 8	DC	xã Lĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 28"	105° 13' 55"					E-48-31-A
thôn 9	DC	xã Lĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 10"	105° 14' 04"					E-48-31-A
thôn 10	DC	xã Lĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 52"	105° 13' 28"					E-48-31-A
thôn 11	DC	xã Lĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 25"	105° 13' 57"					E-48-31-A
thôn 12	DC	xã Lĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 15"	105° 14' 00"					E-48-31-A
thôn 13	DC	xã Lĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 26"	105° 14' 35"					E-48-31-A
thôn 14	DC	xã Lĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 41"	105° 14' 39"					E-48-31-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
núi Đồng Cao	SV	xã Lĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 48"	105° 12' 42"					E-48-31-A
Sông Lam	TV	xã Lĩnh Sơn	H. Anh Sơn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-A
thôn 1	DC	xã Long Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 58"	105° 06' 49"					E-48-31-A
thôn 2	DC	xã Long Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 45"	105° 07' 00"					E-48-31-A
thôn 3	DC	xã Long Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 40"	105° 07' 11"					E-48-31-A
thôn 4	DC	xã Long Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 10"	105° 06' 55"					E-48-31-A
thôn 5	DC	xã Long Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 10"	105° 07' 03"					E-48-31-A
thôn 6	DC	xã Long Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 43"	105° 07' 05"					E-48-31-A
quốc lộ 7	KX	xã Long Sơn	H. Anh Sơn			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-31-A
thôn 7	DC	xã Long Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 59"	105° 07' 20"					E-48-31-A
thôn 8	DC	xã Long Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 02"	105° 07' 43"					E-48-31-A
thôn 9	DC	xã Long Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 39"	105° 07' 52"					E-48-31-A
thôn 10	DC	xã Long Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 48"	105° 07' 47"					E-48-31-A
thôn 11	DC	xã Long Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 50"	105° 08' 16"					E-48-31-A
thôn 12	DC	xã Long Sơn	H. Anh Sơn	18° 53' 00"	105° 08' 11"					E-48-31-A
thôn 13	DC	xã Long Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 12"	105° 08' 02"					E-48-31-A
thôn 14	DC	xã Long Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 37"	105° 06' 35"					E-48-31-A
thôn 15	DC	xã Long Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 23"	105° 07' 16"					E-48-31-A
hồ Ba Cươi	TV	xã Long Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 18"	105° 06' 58"					E-48-31-A
đồi Bàu Đung	SV	xã Long Sơn	H. Anh Sơn	18° 53' 42"	105° 07' 36"					E-48-31-A
núi Cồn Sen	SV	xã Long Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 07"	105° 06' 23"					E-48-31-A
Sông Lam	TV	xã Long Sơn	H. Anh Sơn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-A
thôn 1	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 49"	105° 05' 54"					E-48-31-A
thôn 3	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 44"	105° 06' 03"					E-48-31-A
thôn 4	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 50"	105° 06' 19"					E-48-31-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn 5	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 05"	105° 06' 30"					E-48-31-A
thôn 6	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 07"	105° 06' 19"					E-48-31-A
quốc lộ 7	KX	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-31-A
thôn 7	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 12"	105° 06' 16"					E-48-31-A
thôn 8	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 03"	105° 06' 07"					E-48-31-A
thôn 9	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 33"	105° 06' 12"					E-48-31-A
thôn 10	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 06"	105° 05' 50"					E-48-31-A
thôn 11	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 11"	105° 05' 45"					E-48-31-A
thôn 12	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 23"	105° 05' 59"					E-48-31-A
thôn 13	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 34"	105° 05' 54"					E-48-31-A
thôn 14	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 53' 34"	105° 04' 56"					E-48-31-A
thôn 15	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 54"	105° 05' 12"					E-48-31-A
thôn 16	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 56"	105° 05' 32"					E-48-31-A
thôn Bãi Đá	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 53' 18"	105° 04' 15"					E-48-31-A
thôn Bãi Lim	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 53' 44"	105° 02' 46"					E-48-31-A
hồ Cao Cang	TV	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 01"	105° 05' 07"					E-48-31-A
bản Cao Vều 1	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 51' 01"	105° 00' 33"					E-48-31-A
thôn Cao Vều 2	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 51' 27"	105° 00' 39"					E-48-31-A
bản Cao Vều 3	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 51' 20"	105° 01' 39"					E-48-31-A
bản Cao Vều 4	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 51' 00"	105° 02' 03"					E-48-31-A
thôn Cồn Đèn	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 20"	105° 05' 36"					E-48-31-A
núi Cồn Sen	SV	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 07"	105° 06' 23"					E-48-31-A
Sông Giăng	TV	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn			18° 52' 29"	104° 50' 11"	18° 50' 07"	105° 16' 38"	E-48-31-A
Nông trường Chè Kim Long	KX	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 53' 55"	105° 06' 02"					E-48-31-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
lèn Kim Nhan	SV	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 30"	105° 03' 13"					E-48-31-A
thôn Kim Tiến	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 00"	105° 05' 33"					E-48-31-A
Sông Lam	TV	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-A
Khe Lê	TV	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn			18° 54' 33"	105° 05' 05"	18° 56' 12"	105° 05' 02"	E-48-31-A
Đập Môn	TV	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 36"	105° 04' 17"					E-48-31-A
thôn Trà Lân	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 08"	105° 04' 28"					E-48-31-A
dãy Trường Sơn	SV	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	16° 28' 51"	106° 54' 56"					E-48-30-B, E-48-30-D
Suối Vều	TV	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn			18° 50' 25"	104° 57' 50"	18° 50' 37"	105° 00' 03"	E-48-30-B, E-48-30-D
suối Vực Bù	TV	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn			18° 52' 00"	105° 03' 48"	18° 51' 33"	105° 02' 35"	E-48-31-A
Suối Yên	TV	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn			18° 51' 17"	104° 55' 17"	18° 54' 28"	104° 59' 19"	E-48-30-B, E-48-30-D
thôn 1	DC	xã Tam Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 59"	104° 54' 13"					E-48-18-D
thôn 2	DC	xã Tam Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 56"	104° 54' 35"					E-48-18-D
thôn 3	DC	xã Tam Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 48"	104° 55' 28"					E-48-18-D
thôn 4	DC	xã Tam Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 44"	104° 55' 56"					E-48-18-D
thôn 5	DC	xã Tam Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 32"	104° 56' 08"					E-48-18-D
thôn 6	DC	xã Tam Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 30"	104° 56' 22"					E-48-18-D
thôn 7	DC	xã Tam Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 31"	104° 56' 33"					E-48-18-D
thôn 8	DC	xã Tam Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 41"	104° 56' 52"					E-48-18-D
thôn 9	DC	xã Tam Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 32"	104° 56' 56"					E-48-18-D
Sông Lam	TV	xã Tam Sơn	H. Anh Sơn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-18-D
thôn 1	DC	xã Tào Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 52"	105° 12' 56"					E-48-31-A
thôn 2	DC	xã Tào Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 17"	105° 14' 18"					E-48-31-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn 3	DC	xã Tào Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 11"	105° 14' 00"					E-48-31-A
thôn 4	DC	xã Tào Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 17"	105° 13' 09"					E-48-31-A
thôn 5	DC	xã Tào Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 24"	105° 13' 54"					E-48-31-A
thôn 6	DC	xã Tào Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 19"	105° 12' 58"					E-48-31-A
thôn 7	DC	xã Tào Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 24"	105° 13' 46"					E-48-31-A
thôn 8	DC	xã Tào Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 25"	105° 13' 39"					E-48-31-A
thôn 9	DC	xã Tào Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 30"	105° 13' 30"					E-48-31-A
thôn 10	DC	xã Tào Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 16"	105° 14' 01"					E-48-31-A
thôn 11	DC	xã Tào Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 19"	105° 13' 46"					E-48-31-A
thôn 12	DC	xã Tào Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 50"	105° 13' 36"					E-48-31-A
núi Cồn Đợi	SV	xã Tào Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 59"	105° 12' 04"					E-48-31-A
Núi Hội	SV	xã Tào Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 33"	105° 14' 35"					E-48-31-A
hồ Khe Chung	TV	xã Tào Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 31"	105° 13' 10"					E-48-31-A
Sông Lam	TV	xã Tào Sơn	H. Anh Sơn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-A
núi Tào Diên	SV	xã Tào Sơn	H. Anh Sơn	18° 59' 12"	105° 11' 50"					E-48-31-A
thôn 1	DC	xã Thạch Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 40"	105° 05' 38"					E-48-31-A
thôn 2	DC	xã Thạch Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 24"	105° 05' 37"					E-48-31-A
thôn 3	DC	xã Thạch Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 26"	105° 05' 23"					E-48-31-A
thôn 4	DC	xã Thạch Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 32"	105° 05' 13"					E-48-31-A
thôn 5	DC	xã Thạch Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 44"	105° 05' 20"					E-48-31-A
thôn 6	DC	xã Thạch Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 54"	105° 05' 31"					E-48-31-A
thôn 7	DC	xã Thạch Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 44"	105° 05' 07"					E-48-31-A
Sông Lam	TV	xã Thạch Sơn	H. Anh Sơn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-A
Khe Lê	TV	xã Thạch Sơn	H. Anh Sơn			18° 54' 33"	105° 05' 05"	18° 56' 12"	105° 05' 02"	E-48-31-A
xóm 1	DC	xã Thành Sơn	H. Anh Sơn	19° 03' 19"	105° 00' 36"					E-48-19-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm 2	DC	xã Thành Sơn	H. Anh Sơn	19° 03' 19"	105° 00' 36"					E-48-19-C
xóm 3	DC	xã Thành Sơn	H. Anh Sơn	19° 03' 27"	104° 59' 12"					E-48-18-D
xóm 4	DC	xã Thành Sơn	H. Anh Sơn	19° 03' 28"	104° 59' 37"					E-48-19-C
xóm 5	DC	xã Thành Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 54"	104° 59' 02"					E-48-18-D
xóm 6	DC	xã Thành Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 45"	104° 59' 40"					E-48-19-C
xóm 7	DC	xã Thành Sơn	H. Anh Sơn	19° 03' 13"	104° 59' 06"					E-48-19-C
xóm 8	DC	xã Thành Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 37"	104° 59' 19"					E-48-18-D
đồi 2B	SV	xã Thành Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 55"	105° 00' 53"					E-48-19-C
núi Bù Thành	SV	xã Thành Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 46"	104° 59' 55"					E-48-19-C
Sông Con	TV	xã Thành Sơn	H. Anh Sơn			19° 15' 32"	105° 25' 09"	19° 02' 14"	104° 58' 20"	E-48-19-D-d, E-48-18-D
Suối Nhạp	TV	xã Thành Sơn	H. Anh Sơn			19° 04' 37"	105° 00' 34"	19° 03' 51"	105° 01' 16"	E-48-19-C
Suối Trắng	TV	xã Thành Sơn	H. Anh Sơn			19° 09' 28"	105° 03' 27"	19° 03' 41"	105° 01' 16"	E-48-19-C
Suối Xan	TV	xã Thành Sơn	H. Anh Sơn			19° 04' 47"	104° 56' 12"	19° 03' 14"	104° 59' 31"	E-48-18-D
xóm 1	DC	xã Thọ Sơn	H. Anh Sơn	19° 07' 18"	105° 02' 22"					E-48-19-C
xóm 2	DC	xã Thọ Sơn	H. Anh Sơn	19° 06' 26"	105° 02' 04"					E-48-19-C
xóm 3	DC	xã Thọ Sơn	H. Anh Sơn	19° 05' 58"	105° 02' 11"					E-48-19-C
xóm 4	DC	xã Thọ Sơn	H. Anh Sơn	19° 05' 43"	105° 02' 15"					E-48-19-C
xóm 5	DC	xã Thọ Sơn	H. Anh Sơn	19° 05' 26"	105° 02' 06"					E-48-19-C
xóm 6	DC	xã Thọ Sơn	H. Anh Sơn	19° 05' 14"	105° 02' 14"					E-48-19-C
xóm 7	DC	xã Thọ Sơn	H. Anh Sơn	19° 05' 14"	105° 02' 33"					E-48-19-C
xóm 8	DC	xã Thọ Sơn	H. Anh Sơn	19° 04' 35"	105° 02' 33"					E-48-19-C
xóm 9	DC	xã Thọ Sơn	H. Anh Sơn	19° 05' 06"	105° 01' 57"					E-48-19-C
xóm 10	DC	xã Thọ Sơn	H. Anh Sơn	19° 04' 46"	105° 01' 19"					E-48-19-C
xóm 11	DC	xã Thọ Sơn	H. Anh Sơn	19° 05' 03"	105° 00' 31"					E-48-19-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
núi Bù Chăn	SV	xã Thọ Sơn	H. Anh Sơn	19° 07' 28"	105° 01' 20"					E-48-19-C
núi Con Gà	SV	xã Thọ Sơn	H. Anh Sơn	19° 06' 06"	105° 01' 05"					E-48-19-C
núi Hang Trâu	SV	xã Thọ Sơn	H. Anh Sơn	19° 07' 56"	105° 03' 06"					E-48-19-C
núi Pa Lồ	SV	xã Thọ Sơn	H. Anh Sơn	19° 05' 51"	105° 02' 43"					E-48-19-C
Suối Trắng	TV	xã Thọ Sơn	H. Anh Sơn			19° 09' 28"	105° 03' 27"	19° 03' 41"	105° 01' 16"	E-48-19-C
thôn 1	DC	xã Tường Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 37"	105° 00' 06"					E-48-31-A
thôn 2	DC	xã Tường Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 51"	105° 00' 24"					E-48-31-A
thôn 3	DC	xã Tường Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 32"	105° 00' 55"					E-48-31-A
thôn 4	DC	xã Tường Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 46"	105° 01' 09"					E-48-31-A
thôn 5	DC	xã Tường Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 23"	105° 01' 01"					E-48-31-A
thôn 6	DC	xã Tường Sơn	H. Anh Sơn	18° 59' 10"	105° 01' 22"					E-48-31-A
quốc lộ 7	KX	xã Tường Sơn	H. Anh Sơn			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-30-B, E-48-30-D, E-48-31-A
thôn 7	DC	xã Tường Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 28"	105° 02' 14"					E-48-31-A
thôn 8	DC	xã Tường Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 54"	105° 01' 54"					E-48-31-A
thôn 9	DC	xã Tường Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 57"	105° 01' 45"					E-48-31-A
thôn 10	DC	xã Tường Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 05"	105° 01' 38"					E-48-31-A
thôn 11	DC	xã Tường Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 13"	105° 01' 32"					E-48-31-A
thôn 12	DC	xã Tường Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 26"	105° 01' 21"					E-48-31-A
bản Già Hóp	DC	xã Tường Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 24"	104° 59' 56"					E-48-30-B, E-48-30-D
Sông Lam	TV	xã Tường Sơn	H. Anh Sơn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-A
bản Ồ Ồ	DC	xã Tường Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 03"	104° 59' 04"					E-48-31-A
suối Ộ Ồ	TV	xã Tường Sơn	H. Anh Sơn			18° 57' 12"	104° 59' 38"	18° 56' 02"	105° 00' 16"	E-48-30-B, E-48-30-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Suối Sừng	TV	xã Tường Sơn	H. Anh Sơn			18° 56' 29"	105° 01' 00"	18° 56' 24"	105° 04' 24"	E-48-31-A
thôn 1	DC	xã Vĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 03"	105° 07' 15"					E-48-31-A
thôn 2	DC	xã Vĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 12"	105° 07' 00"					E-48-31-A
thôn 3	DC	xã Vĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 20"	105° 06' 39"					E-48-31-A
thôn 4	DC	xã Vĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 17"	105° 07' 21"					E-48-31-A
thôn 5	DC	xã Vĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 33"	105° 07' 42"					E-48-31-A
thôn 6	DC	xã Vĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 47"	105° 07' 31"					E-48-31-A
thôn 7	DC	xã Vĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 16"	105° 07' 52"					E-48-31-A
thôn 8	DC	xã Vĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 09"	105° 08' 23"					E-48-31-A
thôn 9	DC	xã Vĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 17"	105° 08' 38"					E-48-31-A
núi 150	SV	xã Vĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 02"	105° 08' 24"					E-48-31-A
núi Châm Phù	SV	xã Vĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 59' 20"	105° 07' 19"					E-48-31-A
núi Đá Bàn	SV	xã Vĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 35"	105° 07' 48"					E-48-31-A
Sông Lam	TV	xã Vĩnh Sơn	H. Anh Sơn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-A
khối 1	DC	TT. Con Cuông	H. Con Cuông	19° 02' 53"	104° 52' 58"					E-48-18-D
khối 2	DC	TT. Con Cuông	H. Con Cuông	19° 03' 05"	104° 53' 08"					E-48-18-D
khối 3	DC	TT. Con Cuông	H. Con Cuông	19° 03' 10"	104° 52' 50"					E-48-18-D
khối 4	DC	TT. Con Cuông	H. Con Cuông	19° 03' 12"	104° 52' 15"					E-48-18-D
khối 5	DC	TT. Con Cuông	H. Con Cuông	19° 03' 05"	104° 52' 38"					E-48-18-D
khối 6	DC	TT. Con Cuông	H. Con Cuông	19° 03' 07"	104° 52' 31"					E-48-18-D
khối 7	DC	TT. Con Cuông	H. Con Cuông	19° 03' 01"	104° 52' 33"					E-48-18-D
quốc lộ 7	KX	TT. Con Cuông	H. Con Cuông			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-18-D
khối 8	DC	TT. Con Cuông	H. Con Cuông	19° 03' 03"	104° 52' 25"					E-48-18-D
khối 9	DC	TT. Con Cuông	H. Con Cuông	19° 02' 46"	104° 53' 05"					E-48-18-D
Sông Lam	TV	TT. Con Cuông	H. Con Cuông			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-18-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
quốc lộ 48C	KX	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông			19° 08' 56"	104° 41' 13"	19° 21' 39"	105° 16' 45"	E-48-18-D
núi Can Nập	SV	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông	19° 12' 33"	104° 59' 06"					E-48-18-D
núi Cha Hàng	SV	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông	19° 11' 14"	104° 56' 50"					E-48-18-D
khe Cha Lan	TV	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông			19° 16' 46"	104° 57' 06"	19° 13' 55"	104° 54' 31"	E-48-18-D
Khe Chọi	TV	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông			19° 11' 22"	104° 57' 15"	19° 11' 32"	104° 51' 14"	E-48-18-D
Khe Chon	TV	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông			19° 13' 55"	104° 54' 31"	19° 14' 42"	104° 40' 03"	E-48-18-D
Nặm Cồ	TV	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông			19° 18' 36"	104° 58' 30"	19° 17' 44"	104° 57' 28"	E-48-18-B
Núi Cồng	SV	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông	19° 11' 16"	104° 55' 53"					E-48-18-D
Núi Cúm	SV	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông	19° 14' 36"	104° 59' 29"					E-48-18-D
Khe Cùng	TV	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông			19° 11' 32"	104° 51' 04"	19° 07' 42"	104° 47' 25"	E-48-18-D
Bản Đình	DC	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông	19° 14' 06"	104° 54' 37"					E-48-18-D
khe Khổ Khế	TV	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông			19° 21' 00"	104° 58' 57"	19° 18' 36"	104° 58' 30"	E-48-18-B
Bản Mét	DC	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông	19° 14' 07"	104° 54' 14"					E-48-18-D
Khe Mét	TV	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông			19° 18' 27"	104° 55' 00"	19° 13' 55"	104° 54' 31"	E-48-18-D, E-48-18-B
Núi Muông	SV	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông	19° 12' 34"	104° 51' 32"					E-48-18-D
bản Nà Cọ	DC	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông	19° 14' 17"	104° 55' 29"					E-48-18-D
Khe Nẩy	TV	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông			19° 17' 44"	104° 57' 28"	19° 17' 44"	104° 57' 28"	E-48-18-B
bản Piềng Tông	DC	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông	19° 14' 12"	104° 53' 32"					E-48-18-D
núi Pù Chè	SV	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông	19° 13' 33"	104° 57' 39"					E-48-18-D
núi Pù Cườm	SV	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông	19° 14' 15"	104° 58' 53"					E-48-18-D
bản Pù Lản	DC	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông	19° 14' 32"	104° 56' 04"					E-48-18-D
Bản Quăn	DC	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông	19° 13' 49"	104° 52' 41"					E-48-18-D
Khe Quãn	TV	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông			19° 14' 32"	104° 57' 31"	19° 14' 56"	104° 56' 56"	E-48-18-D
Bản Quẹ	DC	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông	19° 12' 18"	104° 52' 00"					E-48-18-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Núi Quẹ	SV	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông	19° 13' 11"	104° 56' 43"					E-48-18-D
Bản Tông	DC	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông	19° 14' 08"	104° 53' 33"					E-48-18-D
bản Trung Poọng	DC	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông	19° 14' 06"	104° 55' 34"					E-48-18-D
Bản Xiềng	DC	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông	19° 14' 09"	104° 55' 05"					E-48-18-D
quốc lộ 7	KX	xã Bồng Khê	H. Con Cuông			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-18-D
thôn 2/9	DC	xã Bồng Khê	H. Con Cuông	19° 02' 14"	104° 55' 13"					E-48-18-D
núi Ba Hoàng	SV	xã Bồng Khê	H. Con Cuông	19° 04' 05"	104° 53' 58"					E-48-18-D
núi Cây kéo	SV	xã Bồng Khê	H. Con Cuông	19° 03' 41"	104° 54' 23"					E-48-18-D
núi Cua Giao	SV	xã Bồng Khê	H. Con Cuông	19° 01' 53"	104° 52' 28"					E-48-18-D
Khe Diêm	TV	xã Bồng Khê	H. Con Cuông			19° 01' 04"	104° 53' 20"	19° 02' 28"	104° 55' 31"	E-48-18-D
thôn Khe Rạn	DC	xã Bồng Khê	H. Con Cuông	19° 03' 17"	104° 53' 12"					E-48-18-D
Sông Lam	TV	xã Bồng Khê	H. Con Cuông			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-18-D
thôn Lam Bồng	DC	xã Bồng Khê	H. Con Cuông	19° 02' 36"	104° 53' 50"					E-48-18-D
thôn Lam Trà	DC	xã Bồng Khê	H. Con Cuông	19° 02' 38"	104° 53' 04"					E-48-18-D
thôn Liên Tân	DC	xã Bồng Khê	H. Con Cuông	19° 02' 37"	104° 53' 21"					E-48-18-D
khe Ông Thọ	TV	xã Bồng Khê	H. Con Cuông				19° 02' 21"	104° 53' 07"	19° 02' 42"	E-48-18-D
thôn Tân Dân	DC	xã Bồng Khê	H. Con Cuông	19° 02' 37"	104° 53' 35"					E-48-18-D
thôn Tân Hòa	DC	xã Bồng Khê	H. Con Cuông	19° 04' 10"	104° 51' 23"					E-48-18-D
thôn Tân Lập	DC	xã Bồng Khê	H. Con Cuông	19° 02' 46"	104° 52' 07"					E-48-18-D
thôn Tân Trà	DC	xã Bồng Khê	H. Con Cuông	19° 02' 45"	104° 52' 49"					E-48-18-D
thôn Thanh Đào	DC	xã Bồng Khê	H. Con Cuông	19° 03' 49"	104° 52' 01"					E-48-18-D
thôn Thành Nam	DC	xã Bồng Khê	H. Con Cuông	19° 03' 42"	104° 52' 34"					E-48-18-D
thôn Vĩnh Hoàn	DC	xã Bồng Khê	H. Con Cuông	19° 02' 18"	104° 54' 49"					E-48-18-D
bản Bạch Sơn	DC	xã Cam Lâm	H. Con Cuông	19° 09' 50"	104° 47' 03"					E-48-18-D
suối Bạch Sơn	TV	xã Cam Lâm	H. Con Cuông			19° 10' 44"	104° 46' 28"	19° 09' 19"	104° 46' 43"	E-48-18-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Bản Cai	DC	xã Cam Lâm	H. Con Cuông	19° 08' 50"	104° 48' 21"					E-48-18-D
Bản Cam	DC	xã Cam Lâm	H. Con Cuông	19° 10' 21"	104° 48' 27"					E-48-18-D
núi Căn Hin	SV	xã Cam Lâm	H. Con Cuông	19° 10' 29"	104° 50' 20"					E-48-18-D
Bản Cống	DC	xã Cam Lâm	H. Con Cuông	19° 07' 54"	104° 47' 37"					E-48-18-D
Suối Cùng	TV	xã Cam Lâm	H. Con Cuông			19° 11' 32"	104° 51' 04"	19° 07' 42"	104° 47' 25"	E-48-18-D
núi Kha Côn	SV	xã Cam Lâm	H. Con Cuông	19° 12' 28"	104° 47' 43"					E-48-18-D
Sông Lam	TV	xã Cam Lâm	H. Con Cuông			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-18-D
bản Liên Hồng	DC	xã Cam Lâm	H. Con Cuông	19° 06' 32"	104° 47' 30"					E-48-18-D
Khe Nguồn	TV	xã Cam Lâm	H. Con Cuông			19° 09' 53"	104° 46' 11"	19° 09' 19"	104° 46' 43"	E-48-18-D
núi Ô Ô	SV	xã Cam Lâm	H. Con Cuông	19° 11' 31"	104° 46' 30"					E-48-18-D
núi Pha Pun	SV	xã Cam Lâm	H. Con Cuông	19° 12' 25"	104° 48' 44"					E-48-18-D
Khe Phèn	TV	xã Cam Lâm	H. Con Cuông			19° 10' 10"	104° 58' 31"	19° 05' 54"	104° 47' 48"	E-48-18-D
đồi Phòng Không	SV	xã Cam Lâm	H. Con Cuông	19° 06' 29"	104° 49' 00"					E-48-18-D
núi Pù Coạc	SV	xã Cam Lâm	H. Con Cuông	19° 08' 44"	104° 47' 03"					E-48-18-D
Khe Quạ	TV	xã Cam Lâm	H. Con Cuông			19° 07' 07"	104° 48' 32"	19° 06' 47"	104° 48' 30"	E-48-18-D
quốc lộ 7	KX	xã Châu Khê	H. Con Cuông			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-18-D
thôn 2/9	DC	xã Châu Khê	H. Con Cuông	19° 07' 52"	104° 46' 34"					E-48-18-D
bản Bãi Gạo	DC	xã Châu Khê	H. Con Cuông	19° 07' 32"	104° 47' 22"					E-48-18-D
Bản Bủng	DC	xã Châu Khê	H. Con Cuông	19° 06' 06"	104° 46' 19"					E-48-18-D
Núi Can	SV	xã Châu Khê	H. Con Cuông	19° 01' 59"	104° 46' 11"					E-48-18-D
Suối Chai	TV	xã Châu Khê	H. Con Cuông			19° 38' 29"	105° 05' 16"	19° 38' 24"	105° 01' 11"	E-48-7-C
Suối Chang	TV	xã Châu Khê	H. Con Cuông			18° 57' 31"	104° 40' 31"	18° 58' 40"	104° 42' 48"	E-48-30-A
Núi Chát	SV	xã Châu Khê	H. Con Cuông	18° 54' 32"	104° 38' 18"					E-48-30-A
bản Châu Định	DC	xã Châu Khê	H. Con Cuông	19° 05' 52"	104° 47' 41"					E-48-18-D
bản Châu Sơn	DC	xã Châu Khê	H. Con Cuông	19° 06' 24"	104° 46' 56"					E-48-18-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Dốc Chò	KX	xã Châu Khê	H. Con Cuông	19° 06' 48"	104° 45' 50"					E-48-18-D
Suối Choang	TV	xã Châu Khê	H. Con Cuông			19° 04' 58"	104° 45' 06"	19° 06' 26"	104° 47' 21"	E-48-18-D
Suối Choàng	TV	xã Châu Khê	H. Con Cuông			18° 58' 40"	104° 42' 48"	19° 02' 35"	104° 43' 40"	E-48-18-C
núi Đen Đin	SV	xã Châu Khê	H. Con Cuông	18° 56' 31"	104° 33' 18"					E-48-30-A
Bản Diềm	DC	xã Châu Khê	H. Con Cuông	19° 05' 00"	104° 45' 11"					E-48-18-D
suối Đón Cán	TV	xã Châu Khê	H. Con Cuông			18° 57' 03"	104° 32' 55"	18° 59' 39"	104° 35' 49"	E-48-30-A
núi Đôn Cẳn	SV	xã Châu Khê	H. Con Cuông	18° 58' 56"	104° 33' 29"					E-48-30-A
Núi Hiêng	SV	xã Châu Khê	H. Con Cuông	19° 06' 58"	104° 46' 55"					E-48-18-D
Núi Hoi	SV	xã Châu Khê	H. Con Cuông	19° 06' 30"	104° 45' 54"					E-48-18-D
núi Huổi Ngoa	SV	xã Châu Khê	H. Con Cuông	18° 53' 46"	104° 38' 08"					E-48-30-A
bản Khe Bu	DC	xã Châu Khê	H. Con Cuông	19° 02' 31"	104° 43' 48"					E-48-18-C
thôn Khe Choăng	DC	xã Châu Khê	H. Con Cuông	19° 06' 39"	104° 46' 58"					E-48-18-D
cầu Khe Lội	KX	xã Châu Khê	H. Con Cuông	19° 05' 31"	104° 47' 37"					E-48-18-D
bản Khe Nà	DC	xã Châu Khê	H. Con Cuông	19° 02' 45"	104° 44' 00"					E-48-18-C
Sông Lam	TV	xã Châu Khê	H. Con Cuông			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-18-D
Suối Mặt	TV	xã Châu Khê	H. Con Cuông			18° 59' 45"	104° 39' 34"	19° 00' 42"	104° 38' 57"	E-48-18-C
Suối Mộc	TV	xã Châu Khê	H. Con Cuông			18° 54' 21"	104° 45' 53"	18° 57' 46"	104° 41' 33"	E-48-30-A
Suối Na	TV	xã Châu Khê	H. Con Cuông			18° 57' 02"	104° 34' 39"	18° 56' 28"	104° 37' 45"	E-48-30-A
suối Nam Pu	TV	xã Châu Khê	H. Con Cuông			19° 00' 42"	104° 38' 57"	19° 02' 35"	104° 43' 40"	E-48-18-C
Suối Ngoa	TV	xã Châu Khê	H. Con Cuông			18° 51' 53"	104° 39' 20"	18° 57' 38"	104° 40' 25"	E-48-30-A
Núi Nhông	SV	xã Châu Khê	H. Con Cuông	18° 57' 41"	104° 37' 00"					E-48-30-A
Suối Nóng	TV	xã Châu Khê	H. Con Cuông			18° 58' 43"	104° 47' 32"	18° 59' 57"	104° 45' 23"	E-48-30-B, E-48-30-D
Suối Noong	TV	xã Châu Khê	H. Con Cuông			18° 59' 57"	104° 45' 23"	19° 01' 07"	104° 44' 13"	E-48-18-D
Khe Pắt	TV	xã Châu Khê	H. Con Cuông			18° 57' 22"	104° 45' 02"	18° 58' 40"	104° 42' 48"	E-48-30-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
núi Pha Phá	SV	xã Châu Khê	H. Con Cuông	19° 05' 45"	104° 47' 02"					E-48-18-D
núi Phu Nòng	SV	xã Châu Khê	H. Con Cuông	18° 57' 44"	104° 45' 54"					E-48-30-A
Suối Phương	TV	xã Châu Khê	H. Con Cuông			18° 56' 25"	104° 34' 16"	18° 57' 38"	104° 40' 26"	E-48-30-A
Nậm Pu	TV	xã Châu Khê	H. Con Cuông			18° 59' 20"	104° 31' 54"	19° 00' 42"	104° 38' 57"	E-48-30-A
Suối Pu	TV	xã Châu Khê	H. Con Cuông			18° 57' 56"	104° 36' 45"	18° 57' 31"	104° 40' 31"	E-48-30-A
dãy Trường Sơn	SV	xã Châu Khê	H. Con Cuông	16° 28' 51"	106° 54' 56"					E-48-30-A
núi Xam Hòi	SV	xã Châu Khê	H. Con Cuông	18° 57' 04"	104° 34' 28"					E-48-30-A
núi Xam Nga	SV	xã Châu Khê	H. Con Cuông	19° 02' 27"	104° 39' 59"					E-48-18-C
núi Xanh Liêm	SV	xã Châu Khê	H. Con Cuông	19° 01' 37"	104° 33' 47"					E-48-18-C
Bản Xát	DC	xã Châu Khê	H. Con Cuông	19° 05' 28"	104° 45' 43"					E-48-18-D
quốc lộ 7	KX	xã Chi Khê	H. Con Cuông			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-18-D
thôn Bãi Ổi	DC	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 04' 28"	104° 50' 13"					E-48-18-D
thôn Bãi Văn	DC	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 04' 29"	104° 49' 40"					E-48-18-D
Núi Can	SV	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 01' 59"	104° 46' 11"					E-48-18-D
núi Cây Chanh	SV	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 06' 18"	104° 50' 15"					E-48-18-D
Khe Chai	TV	xã Chi Khê	H. Con Cuông			19° 02' 52"	104° 47' 41"	19° 04' 06"	104° 49' 49"	E-48-18-D
thôn Chằn Nắn	DC	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 04' 55"	104° 48' 40"					E-48-18-D
Núi Đuôn	SV	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 06' 31"	104° 49' 18"					E-48-18-D
cầu Khe Lội	KX	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 05' 31"	104° 47' 37"					E-48-18-D
xóm Khe Lội	DC	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 03' 21"	104° 50' 53"					E-48-18-D
xóm Khe Rún	DC	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 03' 50"	104° 50' 50"					E-48-18-D
thôn Khe Tát	DC	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 03' 31"	104° 51' 08"					E-48-18-D
Sông Lam	TV	xã Chi Khê	H. Con Cuông			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-18-D
thôn Lam Khê	DC	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 04' 59"	104° 49' 17"					E-48-18-D
thôn Liên Đình	DC	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 03' 11"	104° 49' 36"					E-48-18-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Đồi Mê	SV	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 04' 31"	104° 51' 01"					E-48-18-D
thôn Nam Đình	DC	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 03' 04"	104° 49' 39"					E-48-18-D
xóm Pai Căm	DC	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 05' 17"	104° 47' 58"					E-48-18-D
núi Pha Phá	SV	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 05' 45"	104° 47' 02"					E-48-18-D
đồi Phòng Không	SV	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 06' 29"	104° 49' 00"					E-48-18-D
thôn Quyết Tiến	DC	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 04' 05"	104° 50' 46"					E-48-18-D
thôn Sơn Khê	DC	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 02' 50"	104° 49' 19"					E-48-18-D
Suối Tai	TV	xã Chi Khê	H. Con Cuông			19° 02' 57"	104° 46' 55"	19° 04' 59"	104° 48' 47"	E-48-18-D
xóm Thung Cong	DC	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 02' 31"	104° 50' 42"					E-48-18-D
thôn Thủy Khê	DC	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 03' 51"	104° 50' 24"					E-48-18-D
thôn Tiến Thành	DC	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 03' 49"	104° 51' 30"					E-48-18-D
thôn Tổng Chai	DC	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 03' 38"	104° 49' 23"					E-48-18-D
thôn Trung Đình	DC	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 03' 10"	104° 49' 31"					E-48-18-D
núi Bù Lìu	SV	xã Đôn Phục	H. Con Cuông	19° 10' 25"	104° 52' 03"					E-48-18-D
núi Căn Hin	SV	xã Đôn Phục	H. Con Cuông	19° 10' 29"	104° 50' 20"					E-48-18-D
núi Cây Chanh	SV	xã Đôn Phục	H. Con Cuông	19° 06' 18"	104° 50' 15"					E-48-18-D
núi Cha Hàng	SV	xã Đôn Phục	H. Con Cuông	19° 11' 14"	104° 56' 50"					E-48-18-D
núi Chà Hia	SV	xã Đôn Phục	H. Con Cuông	19° 08' 51"	104° 52' 40"					E-48-18-D
khe Chù Hụ	TV	xã Đôn Phục	H. Con Cuông			19° 05' 54"	104° 49' 39"	19° 06' 53"	104° 49' 11"	E-48-18-D
khe Co Chanh	TV	xã Đôn Phục	H. Con Cuông			19° 06' 10"	104° 50' 39"	19° 06' 37"	104° 50' 28"	E-48-18-D
bản Hồng Điện	DC	xã Đôn Phục	H. Con Cuông	19° 08' 25"	104° 52' 09"					E-48-18-D
bản Hồng Thắng	DC	xã Đôn Phục	H. Con Cuông	19° 08' 08"	104° 51' 46"					E-48-18-D
thôn Hợp Thành	DC	xã Đôn Phục	H. Con Cuông	19° 05' 59"	104° 52' 20"					E-48-18-D
Khe Phèn	TV	xã Đôn Phục	H. Con Cuông			19° 10' 10"	104° 58' 31"	19° 05' 54"	104° 47' 48"	E-48-18-D
đồi Phòng Không	SV	xã Đôn Phục	H. Con Cuông	19° 06' 29"	104° 49' 00"					E-48-18-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Bản Phục	DC	xã Đôn Phục	H. Con Cuông	19° 06' 50"	104° 51' 20"					E-48-18-D
núi Pù Cà	SV	xã Đôn Phục	H. Con Cuông	19° 08' 18"	104° 48' 35"					E-48-18-D
núi Pù Cỏ	SV	xã Đôn Phục	H. Con Cuông	19° 08' 34"	104° 49' 36"					E-48-18-D
núi Pù Cồng	SV	xã Đôn Phục	H. Con Cuông	19° 11' 16"	104° 55' 53"					E-48-18-D
núi Pù Đuồn	SV	xã Đôn Phục	H. Con Cuông	19° 06' 31"	104° 49' 18"					E-48-18-D
núi Pù Hòm	SV	xã Đôn Phục	H. Con Cuông	19° 09' 18"	104° 51' 31"					E-48-18-D
núi Pù Làn	SV	xã Đôn Phục	H. Con Cuông	19° 09' 01"	104° 54' 29"					E-48-18-D
núi Pù Loòng	SV	xã Đôn Phục	H. Con Cuông	19° 07' 44"	104° 49' 54"					E-48-18-D
núi Pù Tàn	SV	xã Đôn Phục	H. Con Cuông	19° 11' 08"	104° 53' 22"					E-48-18-D
bản Tổng Tiến	DC	xã Đôn Phục	H. Con Cuông	19° 06' 55"	104° 49' 35"					E-48-18-D
bản Tổng Tờ	DC	xã Đôn Phục	H. Con Cuông	19° 06' 58"	104° 49' 13"					E-48-18-D
núi Xăn Cang	SV	xã Đôn Phục	H. Con Cuông	19° 12' 08"	104° 59' 07"					E-48-18-D
Bản Xiềng	DC	xã Đôn Phục	H. Con Cuông	19° 07' 14"	104° 51' 45"					E-48-18-D
quốc lộ 7	KX	xã Lạng Khê	H. Con Cuông			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-18-C, E-48-18-D
Bản Boong	DC	xã Lạng Khê	H. Con Cuông	19° 07' 37"	104° 45' 31"					E-48-18-D
Dốc Chò	KX	xã Lạng Khê	H. Con Cuông	19° 06' 48"	104° 45' 50"					E-48-18-D
bản Chôm Lôm	DC	xã Lạng Khê	H. Con Cuông	19° 08' 35"	104° 44' 38"					E-48-18-C
khe Chôm Lôm	TV	xã Lạng Khê	H. Con Cuông			19° 11' 57"	104° 46' 06"	19° 08' 29"	104° 44' 52"	E-48-18-C, E-48-18-D
Khe Đá	TV	xã Lạng Khê	H. Con Cuông			19° 06' 57"	104° 34' 49"	19° 05' 35"	104° 38' 26"	E-48-18-C
suối Đồng Đầm	TV	xã Lạng Khê	H. Con Cuông			19° 11' 49"	104° 45' 19"	19° 08' 09"	104° 43' 35"	E-48-18-C, E-48-18-D
bản Đồng Tiến	DC	xã Lạng Khê	H. Con Cuông	19° 08' 20"	104° 43' 06"					E-48-18-C
bản Huồi Mác	DC	xã Lạng Khê	H. Con Cuông	19° 07' 58"	104° 44' 19"					E-48-18-C
bản Khe Thơi	DC	xã Lạng Khê	H. Con Cuông	19° 08' 01"	104° 44' 37"					E-48-18-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Khe Khố	TV	xã Lạng Khê	H. Con Cuông			19° 02' 28"	104° 38' 45"	19° 05' 42"	104° 41' 29"	E-48-18-C
núi Kim Gia	SV	xã Lạng Khê	H. Con Cuông	19° 10' 01"	104° 43' 04"					E-48-18-C
Sông Lam	TV	xã Lạng Khê	H. Con Cuông			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-18-C, E-48-18-D
núi Mu Nấu	SV	xã Lạng Khê	H. Con Cuông	19° 06' 32"	104° 41' 48"					E-48-18-C
Núi Nhoọng	SV	xã Lạng Khê	H. Con Cuông	19° 05' 23"	104° 42' 40"					E-48-18-C
núi Ô Ô	SV	xã Lạng Khê	H. Con Cuông	19° 11' 31"	104° 46' 30"					E-48-18-D
núi Pa Cu	SV	xã Lạng Khê	H. Con Cuông	19° 09' 31"	104° 43' 47"					E-48-18-C
bản Piềng Khử	DC	xã Lạng Khê	H. Con Cuông	19° 08' 08"	104° 44' 40"					E-48-18-C
bản Piềng Pục	DC	xã Lạng Khê	H. Con Cuông	19° 07' 06"	104° 44' 03"					E-48-18-C
núi Pù Coạc	SV	xã Lạng Khê	H. Con Cuông	19° 08' 44"	104° 47' 03"					E-48-18-D
núi Xam Nga	SV	xã Lạng Khê	H. Con Cuông	19° 02' 27"	104° 39' 59"					E-48-18-C
núi Xo Le	SV	xã Lạng Khê	H. Con Cuông	19° 11' 22"	104° 43' 22"					E-48-18-C
bản Yên Hòa	DC	xã Lạng Khê	H. Con Cuông	19° 07' 22"	104° 45' 53"					E-48-18-D
núi Bù Ông	SV	xã Lục Dạ	H. Con Cuông	18° 59' 34"	104° 54' 41"					E-48-30-B, E-48-30-D
Khe Cá	TV	xã Lục Dạ	H. Con Cuông			18° 55' 50"	104° 50' 07"	18° 58' 33"	104° 53' 09"	E-48-30-B, E-48-30-D
Lâm trường Con Cuông	KX	xã Lục Dạ	H. Con Cuông	18° 56' 30"	104° 48' 44"					E-48-30-B, E-48-30-D
bản Hồng Sơn	DC	xã Lục Dạ	H. Con Cuông	18° 58' 27"	104° 54' 47"					E-48-30-B, E-48-30-D
bản Hua Nà	DC	xã Lục Dạ	H. Con Cuông	18° 58' 35"	104° 55' 26"					E-48-30-B, E-48-30-D
bản Kim Đa	DC	xã Lục Dạ	H. Con Cuông	18° 58' 40"	104° 54' 30"					E-48-30-B, E-48-30-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
bản Liên Sơn	DC	xã Lục Dạ	H. Con Cuông	18° 58' 50"	104° 54' 29"					E-48-30-B, E-48-30-D
bản Lục Sơn	DC	xã Lục Dạ	H. Con Cuông	18° 57' 55"	104° 52' 44"					E-48-30-B, E-48-30-D
Bản Mét	DC	xã Lục Dạ	H. Con Cuông	18° 57' 40"	104° 54' 59"					E-48-30-B, E-48-30-D
Bản Mọi	DC	xã Lục Dạ	H. Con Cuông	18° 58' 29"	104° 51' 28"					E-48-30-B, E-48-30-D
Khe Mọi	TV	xã Lục Dạ	H. Con Cuông			18° 56' 58"	104° 46' 21"	18° 57' 41"	104° 48' 57"	E-48-30-B, E-48-30-D
Suối Mọi	TV	xã Lục Dạ	H. Con Cuông			19° 12' 06"	104° 41' 12"	19° 12' 17"	104° 39' 58"	E-48-18-C
núi Phu Luông	SV	xã Lục Dạ	H. Con Cuông	18° 55' 48"	104° 50' 04"					E-48-30-B, E-48-30-D
núi Phu Nòng	SV	xã Lục Dạ	H. Con Cuông	18° 57' 44"	104° 45' 54"					E-48-30-A
Suối Sú	TV	xã Lục Dạ	H. Con Cuông			18° 55' 37"	104° 52' 23"	18° 58' 04"	104° 54' 01"	E-48-30-B, E-48-30-D
Kênh Tả	TV	xã Lục Dạ	H. Con Cuông			18° 58' 38"	104° 53' 25"	18° 58' 15"	104° 54' 46"	E-48-30-B, E-48-30-D
bản Tân Hợp	DC	xã Lục Dạ	H. Con Cuông	18° 57' 48"	104° 54' 39"					E-48-30-B, E-48-30-D
bản Trung Thành	DC	xã Lục Dạ	H. Con Cuông	18° 58' 44"	104° 54' 02"					E-48-30-B, E-48-30-D
Bản Xằng	DC	xã Lục Dạ	H. Con Cuông	18° 58' 52"	104° 52' 35"					E-48-30-B, E-48-30-D
Suối Xộc	TV	xã Lục Dạ	H. Con Cuông			18° 59' 25"	104° 48' 31"	18° 58' 49"	104° 50' 04"	E-48-30-B, E-48-30-D
bản Yên Hòa	DC	xã Lục Dạ	H. Con Cuông	18° 57' 46"	104° 53' 45"					E-48-30-B, E-48-30-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
bản Yên Thành	DC	xã Lục Dạ	H. Con Cuông	18° 58' 44"	104° 53' 35"					E-48-30-B, E-48-30-D
Suối Bỏi	TV	xã Mậu Đức	H. Con Cuông			19° 07' 40"	104° 57' 05"	19° 04' 47"	104° 56' 13"	E-48-18-D
Khe Cang	TV	xã Mậu Đức	H. Con Cuông			19° 08' 48"	104° 54' 32"	19° 07' 14"	104° 54' 19"	E-48-18-D
Khe Chan	TV	xã Mậu Đức	H. Con Cuông			19° 04' 47"	104° 56' 12"	19° 03' 14"	104° 59' 31"	E-48-18-D
bản Chòm Bỏi	DC	xã Mậu Đức	H. Con Cuông	19° 06' 10"	104° 53' 22"					E-48-18-D
bản Chòm Muộng	DC	xã Mậu Đức	H. Con Cuông	19° 06' 43"	104° 53' 29"					E-48-18-D
suối Chuông Luông	TV	xã Mậu Đức	H. Con Cuông			19° 06' 37"	104° 55' 19"	19° 04' 47"	104° 56' 12"	E-48-18-D
núi Đồng Mẻ	SV	xã Mậu Đức	H. Con Cuông	19° 03' 55"	104° 55' 41"					E-48-18-D
bản Kẻ Mẻ	DC	xã Mậu Đức	H. Con Cuông	19° 04' 41"	104° 56' 31"					E-48-18-D
bản Kẻ Nóc	DC	xã Mậu Đức	H. Con Cuông	19° 05' 28"	104° 53' 47"					E-48-18-D
bản Kẻ Sùng	DC	xã Mậu Đức	H. Con Cuông	19° 04' 55"	104° 55' 01"					E-48-18-D
bản Kẻ Trằng	DC	xã Mậu Đức	H. Con Cuông	19° 04' 54"	104° 55' 33"					E-48-18-D
Khe Khướng	TV	xã Mậu Đức	H. Con Cuông			19° 09' 02"	104° 54' 37"	19° 07' 46"	104° 56' 08"	E-48-18-D
Núi Làn	SV	xã Mậu Đức	H. Con Cuông	19° 09' 01"	104° 54' 29"					E-48-18-D
bản Nà Đười	DC	xã Mậu Đức	H. Con Cuông	19° 05' 32"	104° 53' 49"					E-48-18-D
núi Pù Ốm	SV	xã Mậu Đức	H. Con Cuông	19° 07' 20"	104° 57' 04"					E-48-18-D
Suối Sán	TV	xã Mậu Đức	H. Con Cuông			19° 06' 31"	104° 55' 07"	19° 05' 16"	104° 54' 14"	E-48-18-D
thôn Thống Nhất	DC	xã Mậu Đức	H. Con Cuông	19° 05' 47"	104° 53' 11"					E-48-18-D
bản Bắc Sơn	DC	xã Môn Sơn	H. Con Cuông	18° 56' 48"	104° 57' 38"					E-48-30-B, E-48-30-D
Khe Bê	TV	xã Môn Sơn	H. Con Cuông			18° 50' 51"	104° 40' 08"	18° 53' 20"	104° 45' 22"	E-48-30-A
Suối Bê	TV	xã Môn Sơn	H. Con Cuông			18° 49' 47"	104° 43' 04"	18° 52' 00"	104° 46' 58"	E-48-30-B, E-48-30-D
Khe Bòn	TV	xã Môn Sơn	H. Con Cuông			18° 54' 58"	104° 56' 21"	18° 55' 52"	104° 57' 38"	E-48-30-B, E-48-30-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Khe Búng	TV	xã Môn Sơn	H. Con Cuông			18° 47' 21"	104° 54' 09"	18° 52' 29"	104° 50' 11"	E-48-30-B, E-48-30-D
Suối Ca	TV	xã Môn Sơn	H. Con Cuông			18° 47' 10"	104° 48' 14"	18° 51' 33"	104° 49' 47"	E-48-30-B, E-48-30-D
Suối Cang	TV	xã Môn Sơn	H. Con Cuông			18° 50' 20"	104° 55' 51"	18° 52' 59"	104° 52' 27"	E-48-30-B, E-48-30-D
bản Cò Phạt	DC	xã Môn Sơn	H. Con Cuông	18° 53' 07"	104° 52' 25"					E-48-30-B, E-48-30-D
Khe Còng	TV	xã Môn Sơn	H. Con Cuông			18° 50' 28"	104° 48' 12"	18° 52' 07"	104° 48' 29"	E-48-30-B, E-48-30-D
Suối Còng	TV	xã Môn Sơn	H. Con Cuông			18° 47' 34"	104° 47' 20"	18° 50' 28"	104° 48' 12"	E-48-30-B, E-48-30-D
bản Cửa Rào	DC	xã Môn Sơn	H. Con Cuông	18° 56' 53"	104° 57' 12"					E-48-30-B, E-48-30-D
Sông Giăng	TV	xã Môn Sơn	H. Con Cuông			18° 52' 29"	104° 50' 11"	18° 50' 07"	105° 16' 38"	E-48-30-B, E-48-30-D
Suối Khăng	TV	xã Môn Sơn	H. Con Cuông			18° 54' 05"	104° 42' 56"	18° 52' 29"	104° 50' 11"	E-48-30-B, E-48-30-D
bản Khe Búng	DC	xã Môn Sơn	H. Con Cuông	18° 52' 24"	104° 50' 13"					E-48-30-B, E-48-30-D
bản Khe Ló	DC	xã Môn Sơn	H. Con Cuông	18° 57' 14"	104° 55' 23"					E-48-30-B, E-48-30-D
bản Làng Cằng	DC	xã Môn Sơn	H. Con Cuông	18° 57' 10"	104° 55' 49"					E-48-30-B, E-48-30-D
bản Làng Yên	DC	xã Môn Sơn	H. Con Cuông	18° 54' 24"	104° 59' 19"					E-48-30-B, E-48-30-D
Khe Màng	TV	xã Môn Sơn	H. Con Cuông			18° 55' 22"	104° 49' 34"	18° 53' 01"	104° 51' 28"	E-48-30-B, E-48-30-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Khe Mọi	TV	xã Môn Sơn	H. Con Cuông			18° 55' 00"	104° 46' 29"	18° 56' 41"	104° 57' 06"	E-48-30-B, E-48-30-D
bản Nam Sơn	DC	xã Môn Sơn	H. Con Cuông	18° 56' 06"	104° 57' 11"					E-48-30-B, E-48-30-D
Khe Nghẹn	TV	xã Môn Sơn	H. Con Cuông			18° 48' 10"	104° 44' 15"	18° 51' 49"	104° 48' 03"	E-48-30-B, E-48-30-D
núi Pù Loóng	SV	xã Môn Sơn	H. Con Cuông	18° 55' 48"	104° 50' 04"					E-48-30-B, E-48-30-D
bản Tân Hòa	DC	xã Môn Sơn	H. Con Cuông	18° 55' 05"	104° 58' 28"					E-48-30-B, E-48-30-D
bản Tân Sơn	DC	xã Môn Sơn	H. Con Cuông	18° 57' 12"	104° 56' 59"					E-48-30-B, E-48-30-D
bản Thái Hòa	DC	xã Môn Sơn	H. Con Cuông	18° 55' 23"	104° 58' 01"					E-48-30-B, E-48-30-D
bản Thái Sơn 1	DC	xã Môn Sơn	H. Con Cuông	18° 56' 34"	104° 56' 40"					E-48-30-B, E-48-30-D
bản Thái Sơn 2	DC	xã Môn Sơn	H. Con Cuông	18° 56' 48"	104° 56' 49"					E-48-30-B, E-48-30-D
Bản Xiềng	DC	xã Môn Sơn	H. Con Cuông	18° 56' 54"	104° 55' 55"					E-48-30-B, E-48-30-D
dãy Trường Sơn	SV	xã Môn Sơn	H. Con Cuông	16° 28' 51"	106° 54' 56"					E-48-30-B+D E-48-30- A
Suối Yên	TV	xã Môn Sơn	H. Con Cuông			18° 50' 38"	104° 56' 15"	18° 54' 28"	104° 59' 19"	E-48-30-B, E-48-30-D
bản Bá Hạ	DC	xã Thạch Ngàn	H. Con Cuông	19° 10' 48"	105° 01' 00"					E-48-19-C
núi Bù Chằn	SV	xã Thạch Ngàn	H. Con Cuông	19° 05' 48"	104° 59' 06"					E-48-19-C
Khe Chan	TV	xã Thạch Ngàn	H. Con Cuông			19° 04' 47"	104° 56' 12"	19° 03' 14"	104° 59' 31"	E-48-18-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
núi Cheo Heo	SV	xã Thạch Ngàn	H. Con Cuông	19° 09' 30"	105° 01' 36"					E-48-19-C
Suối Đông	TV	xã Thạch Ngàn	H. Con Cuông			19° 08' 44"	105° 01' 26"	19° 03' 50"	104° 58' 38"	E-48-18-D
bản Đồng Tâm	DC	xã Thạch Ngàn	H. Con Cuông	19° 03' 51"	104° 58' 56"					E-48-18-D
bản Đồng Thắng	DC	xã Thạch Ngàn	H. Con Cuông	19° 04' 08"	104° 58' 52"					E-48-18-D
Suối Gia	TV	xã Thạch Ngàn	H. Con Cuông			19° 11' 18"	104° 59' 07"	19° 03' 27"	104° 58' 38"	E-48-18-D
bản Kẻ Da	DC	xã Thạch Ngàn	H. Con Cuông	19° 06' 49"	104° 58' 50"					E-48-18-D
bản Kẻ Tắt	DC	xã Thạch Ngàn	H. Con Cuông	19° 08' 41"	104° 59' 40"					E-48-18-D
bản Kẻ Trai	DC	xã Thạch Ngàn	H. Con Cuông	19° 04' 25"	104° 57' 27"					E-48-18-D
bản Kẻ Tre	DC	xã Thạch Ngàn	H. Con Cuông	19° 05' 56"	104° 57' 14"					E-48-18-D
bản Khe Đóng	DC	xã Thạch Ngàn	H. Con Cuông	19° 04' 51"	104° 59' 24"					E-48-18-D
Khe Mui	TV	xã Thạch Ngàn	H. Con Cuông			19° 06' 40"	104° 56' 13"	19° 05' 29"	104° 58' 03"	E-48-18-D
núi Pù Ốm	SV	xã Thạch Ngàn	H. Con Cuông	19° 07' 20"	104° 57' 04"					E-48-18-D
bản Thạch Sơn	DC	xã Thạch Ngàn	H. Con Cuông	19° 08' 03"	104° 59' 17"					E-48-18-D
bản Thạch Tiến	DC	xã Thạch Ngàn	H. Con Cuông	19° 04' 43"	104° 59' 42"					E-48-18-D
bản Thanh Bình	DC	xã Thạch Ngàn	H. Con Cuông	19° 04' 15"	104° 58' 04"					E-48-18-D
bản Tổng Xan	DC	xã Thạch Ngàn	H. Con Cuông	19° 04' 34"	104° 58' 29"					E-48-18-D
xóm Xăm Mới	DC	xã Thạch Ngàn	H. Con Cuông	19° 04' 03"	104° 57' 26"					E-48-18-D
núi Xăn Cang	SV	xã Thạch Ngàn	H. Con Cuông	19° 12' 08"	104° 59' 07"					E-48-18-D
quốc lộ 7	KX	xã Yên Khê	H. Con Cuông			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-18-D
thôn Bản Nưa	DC	xã Yên Khê	H. Con Cuông	19° 00' 58"	104° 53' 01"					E-48-18-D
thôn Bản Pha	DC	xã Yên Khê	H. Con Cuông	19° 01' 58"	104° 53' 54"					E-48-18-D
thôn Bản Tờ	DC	xã Yên Khê	H. Con Cuông	19° 01' 04"	104° 53' 09"					E-48-18-D
thôn Bản Trung Chính	DC	xã Yên Khê	H. Con Cuông	18° 59' 50"	104° 49' 58"					E-48-30-B, E-48-30-D
thôn Bản Trung Hương	DC	xã Yên Khê	H. Con Cuông	19° 00' 29"	104° 50' 23"					E-48-18-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
núi Bù Càn	SV	xã Yên Khê	H. Con Cuông	19° 00' 15"	104° 51' 24"					E-48-18-D
Khe Cù	TV	xã Yên Khê	H. Con Cuông			18° 59' 50"	104° 50' 04"	19° 00' 40"	104° 51' 00"	E-48-30-B, E-48-30-D E-48-18-D
Khe Diêm	TV	xã Yên Khê	H. Con Cuông			19° 01' 04"	104° 53' 20"	19° 02' 28"	104° 55' 31"	E-48-18-D
Suối Khai	TV	xã Yên Khê	H. Con Cuông			18° 41' 14"	105° 10' 28"	18° 44' 48"	105° 13' 36"	E-48-31-A
thôn Khe Tín	DC	xã Yên Khê	H. Con Cuông	19° 01' 03"	104° 51' 08"					E-48-18-D
khe Nà An	TV	xã Yên Khê	H. Con Cuông			19° 01' 12"	104° 50' 37"	19° 00' 56"	104° 53' 21"	E-48-18-D
núi Nà Mười	SV	xã Yên Khê	H. Con Cuông	19° 00' 40"	104° 53' 49"					E-48-18-D
núi Pha Tấu	SV	xã Yên Khê	H. Con Cuông	19° 00' 46"	104° 52' 22"					E-48-18-D
núi Quan Hựu	SV	xã Yên Khê	H. Con Cuông	19° 00' 26"	104° 56' 04"					E-48-18-D
bản Tân Hương	DC	xã Yên Khê	H. Con Cuông	19° 00' 49"	104° 53' 08"					E-48-18-D
thôn Trung Thành	DC	xã Yên Khê	H. Con Cuông	19° 00' 53"	104° 50' 47"					E-48-18-D
thôn Trung Yên	DC	xã Yên Khê	H. Con Cuông	19° 01' 16"	104° 51' 24"					E-48-18-D
núi Tung Tăn	SV	xã Yên Khê	H. Con Cuông	19° 00' 03"	104° 52' 54"					E-48-18-D
Suối Xộc	TV	xã Yên Khê	H. Con Cuông			18° 59' 25"	104° 48' 31"	18° 58' 49"	104° 50' 04"	E-48-30-B, E-48-30-D
quốc lộ 1	KX	TT. Diễn Châu	H. Diễn Châu			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-32-A-a
khối 1	DC	TT. Diễn Châu	H. Diễn Châu	18° 59' 24"	105° 35' 56"					E-48-32-A-a
khối 2	DC	TT. Diễn Châu	H. Diễn Châu	18° 59' 15"	105° 35' 55"					E-48-32-A-a
khối 3	DC	TT. Diễn Châu	H. Diễn Châu	18° 58' 58"	105° 35' 54"					E-48-32-A-a
khối 4	DC	TT. Diễn Châu	H. Diễn Châu	18° 58' 41"	105° 36' 00"					E-48-32-A-a
khối 5	DC	TT. Diễn Châu	H. Diễn Châu	18° 58' 26"	105° 36' 03"					E-48-32-A-a
khối 6	DC	TT. Diễn Châu	H. Diễn Châu	18° 58' 15"	105° 35' 52"					E-48-32-A-a
quốc lộ 7	KX	TT. Diễn Châu	H. Diễn Châu			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-32-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Sông Bùng	TV	TT. Diễn Châu	H. Diễn Châu			18° 57' 10"	105° 28' 49"	19° 00' 18"	105° 35' 24"	E-48-32-A-a
cầu Diễn Thành	KX	TT. Diễn Châu	H. Diễn Châu	18° 59' 27"	105° 35' 46"					E-48-32-A-a
quốc lộ 1	KX	xã Diễn An	H. Diễn Châu			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-32-A-a
xóm 1	DC	xã Diễn An	H. Diễn Châu	18° 55' 47"	105° 35' 44"					E-48-32-A-a
xóm 2	DC	xã Diễn An	H. Diễn Châu	18° 55' 13"	105° 35' 56"					E-48-32-A-a
xóm 3	DC	xã Diễn An	H. Diễn Châu	18° 55' 25"	105° 35' 52"					E-48-32-A-a
xóm 4	DC	xã Diễn An	H. Diễn Châu	18° 55' 09"	105° 36' 08"					E-48-32-A-a
xóm 5	DC	xã Diễn An	H. Diễn Châu	18° 55' 00"	105° 36' 14"					E-48-32-A-a
xóm 9	DC	xã Diễn An	H. Diễn Châu	18° 55' 08"	105° 36' 19"					E-48-32-A-a
xóm 12	DC	xã Diễn An	H. Diễn Châu	18° 53' 58"	105° 36' 03"					E-48-32-A-a
xóm 13	DC	xã Diễn An	H. Diễn Châu	18° 53' 34"	105° 36' 01"					E-48-32-A-a
xóm 14	DC	xã Diễn An	H. Diễn Châu	18° 55' 17"	105° 36' 23"					E-48-32-A-a
đền An Dương Vương	KX	xã Diễn An	H. Diễn Châu	18° 54' 20"	105° 36' 11"					E-48-32-A-a
Rú Lịn	SV	xã Diễn An	H. Diễn Châu	18° 53' 46"	105° 36' 16"					E-48-32-A-a
kênh Nhà Lê	TV	xã Diễn An	H. Diễn Châu			18° 50' 52"	105° 38' 50"	18° 58' 35"	105° 34' 23"	E-48-32-A-a
xóm Bắc Chiến Thắng	DC	xã Diễn Bích	H. Diễn Châu	19° 00' 48"	105° 36' 23"					E-48-20-C-c
xóm Chiến Thắng	DC	xã Diễn Bích	H. Diễn Châu	19° 00' 50"	105° 36' 18"					E-48-20-C-c
xóm Hải Bắc	DC	xã Diễn Bích	H. Diễn Châu	19° 00' 53"	105° 35' 56"					E-48-20-C-c
xóm Hải Đông	DC	xã Diễn Bích	H. Diễn Châu	19° 00' 36"	105° 36' 10"					E-48-20-C-c
xóm Hải Nam	DC	xã Diễn Bích	H. Diễn Châu	19° 00' 30"	105° 36' 09"					E-48-20-C-c
xóm Hải Trung	DC	xã Diễn Bích	H. Diễn Châu	19° 00' 38"	105° 35' 58"					E-48-20-C-c
sông Lạch Vạn	TV	xã Diễn Bích	H. Diễn Châu			19° 01' 43"	105° 36' 04"	18° 59' 00"	105° 36' 48"	E-48-20-C-c
xóm Quyết Thắng	DC	xã Diễn Bích	H. Diễn Châu	19° 00' 35"	105° 36' 18"					E-48-20-C-c
xóm Quyết Thành	DC	xã Diễn Bích	H. Diễn Châu	19° 00' 43"	105° 36' 12"					E-48-20-C-c
xóm 1	DC	xã Diễn Bình	H. Diễn Châu	18° 57' 39"	105° 32' 24"					E-48-32-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm 2	DC	xã Diễn Bình	H. Diễn Châu	18° 57' 49"	105° 32' 28"					E-48-32-A-a
xóm 3	DC	xã Diễn Bình	H. Diễn Châu	18° 57' 59"	105° 32' 38"					E-48-32-A-a
xóm 4	DC	xã Diễn Bình	H. Diễn Châu	18° 58' 11"	105° 32' 32"					E-48-32-A-a
xóm 5	DC	xã Diễn Bình	H. Diễn Châu	18° 58' 02"	105° 32' 19"					E-48-32-A-a
xóm 6	DC	xã Diễn Bình	H. Diễn Châu	18° 58' 05"	105° 32' 10"					E-48-32-A-a
quốc lộ 7	KX	xã Diễn Bình	H. Diễn Châu			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-32-A-a
xóm 7	DC	xã Diễn Bình	H. Diễn Châu	18° 58' 04"	105° 32' 02"					E-48-32-A-a
Sông Bùng	TV	xã Diễn Bình	H. Diễn Châu			18° 57' 10"	105° 28' 49"	19° 00' 18"	105° 35' 24"	E-48-32-A-a
núi Lèn Hai Vai	SV	xã Diễn Bình	H. Diễn Châu	18° 57' 36"	105° 31' 50"					E-48-32-A-a
xóm 1	DC	xã Diễn Cát	H. Diễn Châu	18° 57' 45"	105° 33' 55"					E-48-32-A-a
xóm 3	DC	xã Diễn Cát	H. Diễn Châu	18° 57' 43"	105° 33' 18"					E-48-32-A-a
xóm 4	DC	xã Diễn Cát	H. Diễn Châu	18° 57' 45"	105° 33' 03"					E-48-32-A-a
xóm 5	DC	xã Diễn Cát	H. Diễn Châu	18° 57' 28"	105° 33' 13"					E-48-32-A-a
xóm 6	DC	xã Diễn Cát	H. Diễn Châu	18° 57' 08"	105° 33' 14"					E-48-32-A-a
quốc lộ 7	KX	xã Diễn Cát	H. Diễn Châu			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-32-A-a
xóm 7	DC	xã Diễn Cát	H. Diễn Châu	18° 57' 21"	105° 33' 28"					E-48-32-A-a
xóm 8	DC	xã Diễn Cát	H. Diễn Châu	18° 57' 59"	105° 33' 39"					E-48-32-A-a
xóm 2A	DC	xã Diễn Cát	H. Diễn Châu	18° 58' 14"	105° 33' 55"					E-48-32-A-a
xóm 2B	DC	xã Diễn Cát	H. Diễn Châu	18° 58' 14"	105° 33' 44"					E-48-32-A-a
Sông Bùng	TV	xã Diễn Cát	H. Diễn Châu			18° 57' 10"	105° 28' 49"	19° 00' 18"	105° 35' 24"	E-48-32-A-a
kênh N201	TV	xã Diễn Cát	H. Diễn Châu			18° 56' 26"	105° 25' 04"	18° 57' 40"	105° 36' 17"	E-48-20-C-a
kênh Nhà Lê	TV	xã Diễn Cát	H. Diễn Châu			18° 50' 52"	105° 38' 50"	18° 58' 35"	105° 34' 23"	E-48-32-A-a
xóm 1	DC	xã Diễn Doài	H. Diễn Châu	19° 07' 19"	105° 35' 29"					E-48-20-C-c
xóm 2	DC	xã Diễn Doài	H. Diễn Châu	19° 07' 08"	105° 35' 24"					E-48-20-C-c
xóm 3	DC	xã Diễn Doài	H. Diễn Châu	19° 07' 06"	105° 35' 08"					E-48-20-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm 4	DC	xã Diễn Doài	H. Diễn Châu	19° 07' 01"	105° 35' 02"					E-48-20-C-c
xóm 5	DC	xã Diễn Doài	H. Diễn Châu	19° 06' 52"	105° 35' 02"					E-48-20-C-c
xóm 6	DC	xã Diễn Doài	H. Diễn Châu	19° 06' 42"	105° 34' 59"					E-48-20-C-c
xóm 7	DC	xã Diễn Doài	H. Diễn Châu	19° 06' 36"	105° 34' 52"					E-48-20-C-c
xóm 8	DC	xã Diễn Doài	H. Diễn Châu	19° 06' 26"	105° 34' 48"					E-48-20-C-c
xóm 9	DC	xã Diễn Doài	H. Diễn Châu	19° 06' 18"	105° 34' 41"					E-48-20-C-c
xóm 10	DC	xã Diễn Doài	H. Diễn Châu	19° 06' 09"	105° 34' 38"					E-48-20-C-c
xóm 12	DC	xã Diễn Doài	H. Diễn Châu	19° 06' 28"	105° 35' 13"					E-48-20-C-c
xóm 14	DC	xã Diễn Doài	H. Diễn Châu	19° 06' 33"	105° 33' 31"					E-48-20-C-c
xóm 15	DC	xã Diễn Doài	H. Diễn Châu	19° 06' 00"	105° 34' 32"					E-48-20-C-c
xóm 16	DC	xã Diễn Doài	H. Diễn Châu	19° 07' 22"	105° 34' 12"					E-48-20-C-c
quốc lộ 48	KX	xã Diễn Doài	H. Diễn Châu			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-20-C-a E-48-20-C-c
xóm Cao Minh	DC	xã Diễn Doài	H. Diễn Châu	19° 06' 36"	105° 35' 16"					E-48-20-C-c
đập Cây Xôi	TV	xã Diễn Doài	H. Diễn Châu	19° 07' 39"	105° 34' 26"					E-48-20-C-c
núi Hòn Đằng	SV	xã Diễn Doài	H. Diễn Châu	19° 06' 42"	105° 34' 01"					E-48-20-C-c
núi Hòn Trò	SV	xã Diễn Doài	H. Diễn Châu	19° 06' 13"	105° 33' 31"					E-48-20-C-c
núi Hòn Voi	SV	xã Diễn Doài	H. Diễn Châu	19° 18' 12"	105° 37' 52"					E-48-20-A-d
cầu Khe Cát	KX	xã Diễn Doài	H. Diễn Châu	19° 05' 46"	105° 34' 34"					E-48-20-C-c
kênh N13	TV	xã Diễn Doài	H. Diễn Châu			19° 06' 30"	105° 34' 08"	19° 05' 35"	105° 35' 43"	E-48-20-C-c
kênh N201	TV	xã Diễn Doài	H. Diễn Châu			18° 56' 26"	105° 25' 04"	18° 57' 40"	105° 36' 17"	E-48-20-C-a
Núi Sợi	SV	xã Diễn Doài	H. Diễn Châu	19° 07' 17"	105° 33' 42"					E-48-20-C-c
xóm Xuân Chi	DC	xã Diễn Doài	H. Diễn Châu	19° 06' 01"	105° 34' 55"					E-48-20-C-c
xóm 1	DC	xã Diễn Đồng	H. Diễn Châu	19° 00' 14"	105° 33' 04"					E-48-20-C-c
xóm 2	DC	xã Diễn Đồng	H. Diễn Châu	19° 00' 24"	105° 33' 07"					E-48-20-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm 3	DC	xã Diễn Đồng	H. Diễn Châu	19° 00' 33"	105° 33' 00"					E-48-20-C-c
xóm 4	DC	xã Diễn Đồng	H. Diễn Châu	19° 00' 52"	105° 33' 03"					E-48-20-C-c
xóm 5	DC	xã Diễn Đồng	H. Diễn Châu	19° 01' 03"	105° 32' 16"					E-48-20-C-c
xóm 6	DC	xã Diễn Đồng	H. Diễn Châu	19° 00' 34"	105° 32' 24"					E-48-20-C-c
đường tỉnh 538	KX	xã Diễn Đồng	H. Diễn Châu			19° 00' 42"	105° 35' 09"	18° 55' 25"	105° 26' 30"	E-48-20-C-c
xóm Diễn Phúc	DC	xã Diễn Đồng	H. Diễn Châu	19° 00' 17"	105° 32' 34"					E-48-20-C-c
xóm Đồng Trung	DC	xã Diễn Đồng	H. Diễn Châu	19° 00' 15"	105° 32' 24"					E-48-20-C-c
Sông Sở	TV	xã Diễn Đồng	H. Diễn Châu			19° 01' 55"	105° 32' 22"	19° 00' 11"	105° 33' 01"	E-48-20-C-c
xóm 1	DC	xã Diễn Hải	H. Diễn Châu	19° 03' 37"	105° 37' 40"					E-48-20-C-d
xóm 2	DC	xã Diễn Hải	H. Diễn Châu	19° 03' 41"	105° 37' 34"					E-48-20-C-d
xóm 3	DC	xã Diễn Hải	H. Diễn Châu	19° 03' 10"	105° 37' 22"					E-48-20-C-c
xóm 4	DC	xã Diễn Hải	H. Diễn Châu	19° 03' 02"	105° 37' 34"					E-48-20-C-c
xóm 5	DC	xã Diễn Hải	H. Diễn Châu	19° 02' 45"	105° 37' 29"					E-48-20-C-c
xóm 6	DC	xã Diễn Hải	H. Diễn Châu	19° 02' 33"	105° 37' 22"					E-48-20-C-c
xóm 7	DC	xã Diễn Hải	H. Diễn Châu	19° 02' 51"	105° 37' 13"					E-48-20-C-c
xóm 8	DC	xã Diễn Hải	H. Diễn Châu	19° 02' 42"	105° 37' 13"					E-48-20-C-c
xóm 9	DC	xã Diễn Hải	H. Diễn Châu	19° 02' 54"	105° 37' 05"					E-48-20-C-c
xóm 10	DC	xã Diễn Hải	H. Diễn Châu	19° 02' 43"	105° 36' 48"					E-48-20-C-c
sông Nhà Lê	TV	xã Diễn Hải	H. Diễn Châu			19° 03' 52"	105° 37' 18"	19° 06' 11"	105° 39' 43"	E-48-20-C-c
kênh Sơn Tịnh	TV	xã Diễn Hải	H. Diễn Châu			19° 04' 16"	105° 34' 42"	19° 03' 30"	105° 37' 27"	E-48-20-C-c
xóm 1	DC	xã Diễn Hạnh	H. Diễn Châu	18° 59' 59"	105° 33' 51"					E-48-32-A-a
xóm 2	DC	xã Diễn Hạnh	H. Diễn Châu	18° 59' 59"	105° 34' 01"					E-48-32-A-a
xóm 3	DC	xã Diễn Hạnh	H. Diễn Châu	18° 59' 40"	105° 34' 02"					E-48-32-A-a
xóm 4	DC	xã Diễn Hạnh	H. Diễn Châu	18° 59' 31"	105° 34' 04"					E-48-32-A-a
xóm 5	DC	xã Diễn Hạnh	H. Diễn Châu	18° 59' 18"	105° 34' 09"					E-48-32-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm 6	DC	xã Diễn Hạnh	H. Diễn Châu	18° 59' 09"	105° 34' 12"					E-48-32-A-a
xóm 7	DC	xã Diễn Hạnh	H. Diễn Châu	18° 59' 21"	105° 34' 18"					E-48-32-A-a
xóm 8	DC	xã Diễn Hạnh	H. Diễn Châu	18° 59' 35"	105° 34' 15"					E-48-32-A-a
Sông Bùng	TV	xã Diễn Hạnh	H. Diễn Châu			18° 57' 10"	105° 28' 49"	19° 00' 18"	105° 35' 24"	E-48-32-A-a
xóm 1	DC	xã Diễn Hoa	H. Diễn Châu	18° 59' 48"	105° 34' 47"					E-48-32-A-a
xóm 2	DC	xã Diễn Hoa	H. Diễn Châu	18° 59' 49"	105° 34' 59"					E-48-32-A-a
xóm 3	DC	xã Diễn Hoa	H. Diễn Châu	18° 59' 40"	105° 34' 55"					E-48-32-A-a
xóm 4	DC	xã Diễn Hoa	H. Diễn Châu	18° 59' 38"	105° 35' 02"					E-48-32-A-a
xóm 5	DC	xã Diễn Hoa	H. Diễn Châu	18° 59' 32"	105° 34' 57"					E-48-32-A-a
xóm 6	DC	xã Diễn Hoa	H. Diễn Châu	18° 59' 10"	105° 34' 55"					E-48-32-A-a
xóm 7	DC	xã Diễn Hoa	H. Diễn Châu	18° 59' 08"	105° 34' 40"					E-48-32-A-a
Sông Bùng	TV	xã Diễn Hoa	H. Diễn Châu			18° 57' 10"	105° 28' 49"	19° 00' 18"	105° 35' 24"	E-48-32-A-a
sông Cầu Bùng	TV	xã Diễn Hoa	H. Diễn Châu			19° 00' 18"	105° 35' 24"	19° 01' 43"	105° 36' 04"	E-48-20-C-c
xóm 1	DC	xã Diễn Hoàng	H. Diễn Châu	19° 06' 14"	105° 38' 37"					E-48-20-C-d
xóm 2	DC	xã Diễn Hoàng	H. Diễn Châu	19° 05' 51"	105° 38' 30"					E-48-20-C-d
xóm 3	DC	xã Diễn Hoàng	H. Diễn Châu	19° 06' 01"	105° 38' 25"					E-48-20-C-d
xóm 4	DC	xã Diễn Hoàng	H. Diễn Châu	19° 05' 57"	105° 38' 19"					E-48-20-C-d
xóm 5	DC	xã Diễn Hoàng	H. Diễn Châu	19° 05' 51"	105° 38' 09"					E-48-20-C-d
xóm 6	DC	xã Diễn Hoàng	H. Diễn Châu	19° 05' 45"	105° 37' 49"					E-48-20-C-d
xóm 7	DC	xã Diễn Hoàng	H. Diễn Châu	19° 05' 32"	105° 37' 19"					E-48-20-C-c
xóm 8	DC	xã Diễn Hoàng	H. Diễn Châu	19° 05' 27"	105° 37' 27"					E-48-20-C-c
xóm 9	DC	xã Diễn Hoàng	H. Diễn Châu	19° 05' 33"	105° 37' 40"					E-48-20-C-d
xóm 10	DC	xã Diễn Hoàng	H. Diễn Châu	19° 05' 25"	105° 37' 45"					E-48-20-C-d
xóm 11	DC	xã Diễn Hoàng	H. Diễn Châu	19° 05' 17"	105° 37' 44"					E-48-20-C-d
xóm 12	DC	xã Diễn Hoàng	H. Diễn Châu	19° 05' 09"	105° 37' 45"					E-48-20-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm 13	DC	xã Diễn Hoàng	H. Diễn Châu	19° 05' 00"	105° 38' 00"					E-48-20-C-d
xóm 14	DC	xã Diễn Hoàng	H. Diễn Châu	19° 04' 58"	105° 37' 51"					E-48-20-C-d
xóm 15	DC	xã Diễn Hoàng	H. Diễn Châu	19° 04' 44"	105° 37' 25"					E-48-20-C-c
xóm 16	DC	xã Diễn Hoàng	H. Diễn Châu	19° 05' 03"	105° 37' 01"					E-48-20-C-c
xóm 17	DC	xã Diễn Hoàng	H. Diễn Châu	19° 04' 52"	105° 37' 02"					E-48-20-C-c
xóm 18	DC	xã Diễn Hoàng	H. Diễn Châu	19° 04' 52"	105° 36' 50"					E-48-20-C-c
núi Hòn Thè	SV	xã Diễn Hoàng	H. Diễn Châu	19° 06' 19"	105° 38' 30"					E-48-20-C-d
sông Nhà Lê	TV	xã Diễn Hoàng	H. Diễn Châu			19° 03' 52"	105° 37' 18"	19° 06' 11"	105° 39' 43"	E-48-20-C-c
kênh Sơn Tịnh	TV	xã Diễn Hoàng	H. Diễn Châu			19° 04' 16"	105° 34' 42"	19° 03' 30"	105° 37' 27"	E-48-20-C-c
quốc lộ 1	KX	xã Diễn Hồng	H. Diễn Châu			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-20-C-c
xóm Ái Quốc	DC	xã Diễn Hồng	H. Diễn Châu	19° 03' 11"	105° 35' 02"					E-48-20-C-c
Khối Bắc	DC	xã Diễn Hồng	H. Diễn Châu	19° 03' 07"	105° 34' 51"					E-48-20-C-c
xóm Bắc Hồng	DC	xã Diễn Hồng	H. Diễn Châu	19° 03' 30"	105° 35' 09"					E-48-20-C-c
Chợ Dàn	KX	xã Diễn Hồng	H. Diễn Châu	19° 02' 47"	105° 34' 48"					E-48-20-C-c
xóm Hoa Thành	DC	xã Diễn Hồng	H. Diễn Châu	19° 02' 36"	105° 35' 02"					E-48-20-C-c
xóm Hồng Thịnh	DC	xã Diễn Hồng	H. Diễn Châu	19° 02' 18"	105° 35' 09"					E-48-20-C-c
Cầu Lồi	KX	xã Diễn Hồng	H. Diễn Châu	19° 03' 31"	105° 34' 48"					E-48-20-C-c
kênh N201	TV	xã Diễn Hồng	H. Diễn Châu			18° 56' 26"	105° 25' 04"	18° 57' 40"	105° 36' 17"	E-48-20-C-a
Khối Nam	DC	xã Diễn Hồng	H. Diễn Châu	19° 02' 38"	105° 34' 53"					E-48-20-C-c
xóm Trung Hồng	DC	xã Diễn Hồng	H. Diễn Châu	19° 02' 55"	105° 34' 59"					E-48-20-C-c
xóm Trung Thành	DC	xã Diễn Hồng	H. Diễn Châu	19° 02' 53"	105° 35' 09"					E-48-20-C-c
kênh Vách Bắc	TV	xã Diễn Hồng	H. Diễn Châu			19° 00' 31"	105° 28' 46"	19° 10' 54"	105° 41' 33"	E-48-20-C-c
xóm Xuân Đình	DC	xã Diễn Hồng	H. Diễn Châu	19° 02' 26"	105° 35' 06"					E-48-20-C-c
xóm 1	DC	xã Diễn Hùng	H. Diễn Châu	19° 05' 21"	105° 39' 11"					E-48-20-C-d
xóm 2	DC	xã Diễn Hùng	H. Diễn Châu	19° 05' 08"	105° 38' 56"					E-48-20-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm 3	DC	xã Diễn Hùng	H. Diễn Châu	19° 05' 14"	105° 38' 34"					E-48-20-C-d
xóm 4	DC	xã Diễn Hùng	H. Diễn Châu	19° 04' 51"	105° 38' 42"					E-48-20-C-d
xóm 5	DC	xã Diễn Hùng	H. Diễn Châu	19° 04' 58"	105° 38' 18"					E-48-20-C-d
xóm 6A	DC	xã Diễn Hùng	H. Diễn Châu	19° 04' 46"	105° 38' 11"					E-48-20-C-d
xóm 6B	DC	xã Diễn Hùng	H. Diễn Châu	19° 04' 30"	105° 38' 25"					E-48-20-C-d
xóm 7	DC	xã Diễn Hùng	H. Diễn Châu	19° 04' 18"	105° 38' 16"					E-48-20-C-d
xóm 8	DC	xã Diễn Hùng	H. Diễn Châu	19° 04' 19"	105° 37' 50"					E-48-20-C-d
xóm 9	DC	xã Diễn Hùng	H. Diễn Châu	19° 04' 10"	105° 37' 46"					E-48-20-C-d
xóm 10	DC	xã Diễn Hùng	H. Diễn Châu	19° 03' 59"	105° 37' 40"					E-48-20-C-d
xóm 11	DC	xã Diễn Hùng	H. Diễn Châu	19° 05' 27"	105° 38' 28"					E-48-20-C-d
sông Nhà Lê	TV	xã Diễn Hùng	H. Diễn Châu			19° 03' 52"	105° 37' 18"	19° 06' 11"	105° 39' 43"	E-48-20-C-d
xóm Bắc Liên	DC	xã Diễn Kim	H. Diễn Châu	19° 01' 34"	105° 36' 45"					E-48-20-C-c
sông Cầu Bùng	TV	xã Diễn Kim	H. Diễn Châu			19° 00' 18"	105° 35' 24"	19° 01' 43"	105° 36' 04"	E-48-20-C-c
xóm Đại Thành	DC	xã Diễn Kim	H. Diễn Châu	19° 02' 11"	105° 37' 04"					E-48-20-C-c
xóm Hoàng Châu	DC	xã Diễn Kim	H. Diễn Châu	19° 01' 47"	105° 37' 07"					E-48-20-C-c
xóm Kim Liên	DC	xã Diễn Kim	H. Diễn Châu	19° 01' 24"	105° 36' 39"					E-48-20-C-c
cửa Lạch Vạn	TV	xã Diễn Kim	H. Diễn Châu	18° 59' 00"	105° 36' 48"					E-48-32-A-a
sông Lạch Vạn	TV	xã Diễn Kim	H. Diễn Châu			19° 01' 43"	105° 36' 04"	18° 59' 00"	105° 36' 48"	E-48-20-C-c, E-48-32-A-a
xóm Nam Liên	DC	xã Diễn Kim	H. Diễn Châu	19° 01' 14"	105° 36' 31"					E-48-20-C-c
xóm Phú Thành	DC	xã Diễn Kim	H. Diễn Châu	19° 02' 06"	105° 37' 09"					E-48-20-C-c
xóm Thái Thịnh	DC	xã Diễn Kim	H. Diễn Châu	19° 01' 26"	105° 36' 50"					E-48-20-C-c
xóm Thịnh Thành	DC	xã Diễn Kim	H. Diễn Châu	19° 02' 17"	105° 36' 57"					E-48-20-C-c
xóm Tiền Tiến	DC	xã Diễn Kim	H. Diễn Châu	19° 01' 20"	105° 36' 47"					E-48-20-C-c
xóm Tiền Tiến 1	DC	xã Diễn Kim	H. Diễn Châu	19° 01' 14"	105° 36' 52"					E-48-20-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm Tiền Tiến 2	DC	xã Diễn Kim	H. Diễn Châu	19° 01' 06"	105° 36' 42"					E-48-20-C-c
xóm Xuân Châu	DC	xã Diễn Kim	H. Diễn Châu	19° 01' 35"	105° 37' 01"					E-48-20-C-c
xóm Yên Thịnh	DC	xã Diễn Kim	H. Diễn Châu	19° 01' 19"	105° 37' 00"					E-48-20-C-c
quốc lộ 1	KX	xã Diễn Kỷ	H. Diễn Châu			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-20-C-c
đường tỉnh 538	KX	xã Diễn Kỷ	H. Diễn Châu			19° 00' 42"	105° 35' 09"	18° 55' 25"	105° 26' 30"	E-48-20-C-c
Cầu Bùng	KX	xã Diễn Kỷ	H. Diễn Châu	19° 00' 34"	105° 35' 10"					E-48-20-C-c
sông Cầu Bùng	TV	xã Diễn Kỷ	H. Diễn Châu			19° 00' 18"	105° 35' 24"	19° 01' 43"	105° 36' 04"	E-48-20-C-c
thôn Cầu Bùng	DC	xã Diễn Kỷ	H. Diễn Châu	19° 00' 41"	105° 35' 12"					E-48-20-C-c
thôn Đông Kỷ A	DC	xã Diễn Kỷ	H. Diễn Châu	19° 01' 22"	105° 35' 15"					E-48-20-C-c
thôn Đông Kỷ B	DC	xã Diễn Kỷ	H. Diễn Châu	19° 01' 11"	105° 35' 13"					E-48-20-C-c
thôn Đông Trai	DC	xã Diễn Kỷ	H. Diễn Châu	19° 00' 56"	105° 34' 47"					E-48-20-C-c
thôn Hưng Tân	DC	xã Diễn Kỷ	H. Diễn Châu	19° 01' 30"	105° 35' 02"					E-48-20-C-c
thôn Mỹ Lý	DC	xã Diễn Kỷ	H. Diễn Châu	19° 00' 32"	105° 34' 40"					E-48-20-C-c
Chợ Sy	KX	xã Diễn Kỷ	H. Diễn Châu	19° 00' 36"	105° 35' 14"					E-48-20-C-c
Ga Sy	KX	xã Diễn Kỷ	H. Diễn Châu	19° 00' 33"	105° 34' 26"					E-48-20-C-c
thôn Tân Trai	DC	xã Diễn Kỷ	H. Diễn Châu	19° 02' 00"	105° 35' 02"					E-48-20-C-c
thôn Xuân Khánh A	DC	xã Diễn Kỷ	H. Diễn Châu	19° 00' 51"	105° 35' 01"					E-48-20-C-c
thôn Xuân Khánh B	DC	xã Diễn Kỷ	H. Diễn Châu	19° 00' 56"	105° 34' 55"					E-48-20-C-c
quốc lộ 48	KX	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-20-C-a, E-48-20-C-c
xóm 1 Bắc Lâm	DC	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 08' 13"	105° 33' 07"					E-48-20-C-a
xóm 1 Nam Lâm	DC	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 06' 59"	105° 33' 14"					E-48-20-C-c
xóm 2 Bắc Lâm	DC	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 08' 30"	105° 33' 16"					E-48-20-C-a
xóm 2 Nam Lâm	DC	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 07' 12"	105° 33' 19"					E-48-20-C-c
xóm 3 Bắc Lâm	DC	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 08' 33"	105° 33' 33"					E-48-20-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm 3 Nam Lâm	DC	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 07' 20"	105° 32' 28"					E-48-20-C-c
xóm 4 Bắc Lâm	DC	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 08' 52"	105° 33' 21"					E-48-20-C-a
xóm 4 Nam Lâm	DC	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 07' 20"	105° 32' 01"					E-48-20-C-a
xóm 5 Bắc Lâm	DC	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 09' 11"	105° 33' 24"					E-48-20-C-a
xóm 5 Nam Lâm	DC	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 07' 31"	105° 33' 18"					E-48-20-C-a
xóm 6 Bắc Lâm	DC	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 09' 37"	105° 33' 12"					E-48-20-C-a
xóm 6 Nam Lâm	DC	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 07' 42"	105° 33' 15"					E-48-20-C-a
xóm 7 Bắc Lâm	DC	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 09' 53"	105° 32' 50"					E-48-20-C-a
xóm 7 Nam Lâm	DC	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 08' 14"	105° 33' 32"					E-48-20-C-a
xóm 8 Bắc Lâm	DC	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 09' 57"	105° 32' 30"					E-48-20-C-a
xóm 8 Nam Lâm	DC	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 08' 20"	105° 33' 20"					E-48-20-C-a
xóm 9 Bắc Lâm	DC	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 09' 32"	105° 32' 34"					E-48-20-C-a
xóm 9 Nam Lâm	DC	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 08' 34"	105° 31' 57"					E-48-20-C-a
xóm 10 Bắc Lâm	DC	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 09' 16"	105° 32' 20"					E-48-20-C-a
xóm 10 Nam Lâm	DC	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 08' 14"	105° 32' 15"					E-48-20-C-a
xóm 11 Bắc Lâm	DC	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 08' 58"	105° 32' 10"					E-48-20-C-a
xóm 11 Nam Lâm	DC	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 08' 06"	105° 32' 02"					E-48-20-C-a
xóm 12 Bắc Lâm	DC	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 09' 09"	105° 32' 12"					E-48-20-C-a
xóm 12 Nam Lâm	DC	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 07' 57"	105° 31' 40"					E-48-20-C-a
đập Bàu Da	TV	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 08' 28"	105° 31' 37"					E-48-20-C-a
đập Bàu Gáo	TV	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 09' 19"	105° 32' 07"					E-48-20-C-a
cầu Bình Minh	KX	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 09' 22"	105° 32' 45"					E-48-20-C-a
đập Đình Du	TV	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 10' 16"	105° 32' 20"					E-48-20-C-a
xóm Đồng Nông	DC	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 09' 07"	105° 30' 25"					E-48-20-C-a
núi Hòn Đầm	SV	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 09' 03"	105° 33' 50"					E-48-20-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
núi Hòn Gai	SV	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 06' 19"	105° 38' 30"					E-48-20-C-d
đồi Hòn Lẻ	SV	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 09' 38"	105° 32' 02"					E-48-20-C-a
đồi Hòn Ngang	SV	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 09' 39"	105° 32' 51"					E-48-20-C-a
núi Hòn Nghè	SV	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 07' 36"	105° 33' 54"					E-48-20-C-a
đồi Hòn Nhọn	SV	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 09' 42"	105° 32' 30"					E-48-20-C-a
núi Hòn Thờ	SV	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 10' 08"	105° 32' 31"					E-48-20-C-a
đồi Hòn Voi	SV	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 09' 26"	105° 32' 15"					E-48-20-C-a
xóm Hùng Sơn	DC	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 08' 16"	105° 33' 57"					E-48-20-C-a
đập Khe Rọ	TV	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 10' 19"	105° 31' 59"					E-48-20-C-a
suối Mả Tổ	TV	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu			19° 10' 06"	105° 30' 18"	19° 08' 57"	105° 30' 41"	E-48-20-C-a
Núi Sợi	SV	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 07' 17"	105° 33' 42"					E-48-20-C-c
cầu Tảo 1	KX	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 07' 54"	105° 33' 09"					E-48-20-C-a

(Xem tiếp Công báo số 259 + 260)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng